

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyễn Đình Toàn

Tiểu sử & Tác phẩm  
(Xem Vài hàng về tác giả)



Vài hàng về tác giả - 2

Nguyễn Đình Toàn, nhà văn

Hà Nội trong kỷ niệm – 3

Nguyễn Đình Toàn: Cửa chữ và người - Lưu Na – 5

Ngày tháng – 11

Không gần, sao vẫn thấy thân – Nam Dao - 22

Vũ Hữu Định – 23

Chị em Hải - 25

Thơ Phùng Cung – 26

Từ Giờ ra chơi đến Áo mơ phai - 28

30 Tháng 4 đọc thơ Thanh Nam – 29

Áo mơ phai - 32

Nguyễn Đình Toàn, nhà thơ

Thơ Nguyễn Đình Toàn – Khuyết danh – 34

Nguyễn Đình Toàn, khi em về trời xanh và gió mát – Nguyễn Đức Tùng - 36

Nguyễn Đình Toàn, nhạc sĩ

Thơ phổ nhạc - 42

Nhạc Nguyễn Đình Toàn, tiếng kêu bi thương của thời đại – T.Vấn - 48

Nguyễn Đình Toàn: Dẫn em vào nhạc – Quỳnh Giao - 50

“Nhạc chủ đề” của Nguyễn Đình Toàn – Đào Trường Phúc – 53

Phụ đính

Hồi tưởng - Nguyễn Đình Phượng Uyên – 56

Những buổi tối trong căn nhà nơi con hẻm Thành Thái – Đinh Quang Anh Thái - 60

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”).

## Vài hàng về tác giả

Nguyễn Đình Toàn có bút hiệu ban đầu là Tô Hà Vân nhưng thành danh với tên thật và cũng là bút hiệu chính thức sau này; sinh ngày 6 tháng 9 năm 1936 tại huyện Gia Lâm, bên bờ sông Hồng, ngoại thành Hà Nội.

Di cư vào Nam 1954, Nguyễn Đình Toàn bắt đầu viết văn làm thơ, viết kịch, viết nhạc, cộng tác với các tạp chí Văn, Văn Học [trong nhiều năm, Nguyễn Đình Toàn phụ giúp Trần Phong Giao tuyển chọn thơ và truyện cho báo Văn]; Nguyễn Đình Toàn cũng viết feuilleton cho các nhật báo Tự Do, Chính Luận, Xây Dựng, Tiền Tuyến; biên tập viên đài phát thanh Sài Gòn, nổi tiếng với chương trình Nhạc Chủ Đề trong những năm 1970s.

Sau 1975, cùng chung số phận như mọi văn nghệ sĩ miền Nam, Nguyễn Đình Toàn bị bắt hai lần và đi tù cải tạo một thời gian gần sáu năm. Sang Mỹ định cư năm 1998, Nguyễn Đình Toàn còn viết cho tuần báo Việt Tide mục Văn Học Nghệ Thuật của nhà văn Nhật Tiến cho tới khi nghỉ hưu. Gia đình Nguyễn Đình Toàn hiện sống tại Nam California.

### Tác phẩm

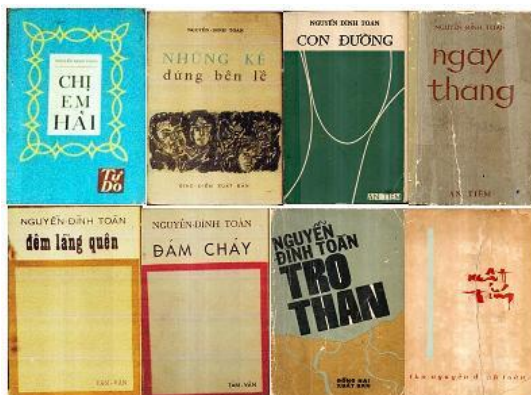
**Văn:** Chị Em Hải (truyện, Nxb Tự Do 1961); Những Kẻ Đứng Bên Lề (truyện, Nxb Giao Điểm 1974); Con Đường (truyện, Nxb Giao Điểm 1965); Ngày Tháng (truyện, Nxb An Tiêm 1968); Phía Ngoài (tập truyện, viết chung với Huỳnh Phan Anh, Nxb Hồng Đức 1969); Đêm Hè (truyện, Nxb Hiện Đại 1970); Giờ Ra Chơi (truyện, Nxb Khai Phóng 1970); Đêm Lãng Quên (Nxb Tân Văn 1970); Không Một Ai (truyện, Nxb Hiện Đại 1971); Thành Phố (truyện, Nxb Kê Sĩ 1971); Đám Cháy (tập truyện, Nxb Tân Văn 1971); Tro Than (truyện, Nxb Đồng Nai 1972); Áo Mơ Phai (truyện, Nxb Nguyễn Đình Vượng 1972); Đồng Cỏ (truyện, Nxb Đồng Dao/ Úc châu 1994). Áo Mơ Phai đoạt giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật 1973.

**Thơ:** Mật Đắng (thơ, Nxb Huyền Trân 1962)

**Kịch:** các vở kịch Nguyễn Đình Toàn đều là kịch truyền thanh, trừ Cơn Mưa được trích đăng trong bộ môn Kịch Văn Học Miền Nam của Võ Phiến, những bản thảo khác đều thất lạc.

**Nhạc:** Hiền Cúc Vàng (tập nhạc, 1999); Tôi Muốn Nói Với Em (tập nhạc, 2001); Mưa Trên Cây Hoàng Lan (tập nhạc, 2002).

**Ký:** Bông Hồng Tạ Ơn I & II (Nxb Đêm Trắng 2006, 2012)



Mất ngày 28-11-2023 tại California.

## Hà Nội trong kỷ niệm

*Vũ Bằng, Thạch Lam, Vũ Hoàng Chương  
Nhất Tuấn, Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo,  
Đình Hùng, Đình Hùng, Trần Quốc Lịch,  
Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường,  
Thanh Tâm Tuyền*

\*\*\*

### Nguyễn Đình Toàn



Phút chốc cả khu phố sáng rực trong ánh nắng, những hơi sương mỏng manh tan biến mau chóng, màu vôi nám đen của Tháp Rùa hiện rõ ràng đến nỗi thoạt trông thấy người ta có cảm tưởng trông thấy những mảnh vôi khô cong, bong ra khỏi tường, và mặt hồ trong xanh như một con mắt long lanh nước mắt, những ngọn nước chói ánh mặt trời giống như đồng tiền mới, và bên kia hồ, những biệt thự, những ngôi nhà mái đỏ vừa mới đây còn khuất sau những bụi cây, còn được che phủ bởi những đám sương chợt hiện ra rạng rỡ, những viên ngói đỏ tươi mà hơi sương đang dần dà bốc đi mỗi lúc như càng lấy thêm được màu sơn thắm, trên những lối đi quanh hồ, tiếng guốc reo vang như mang cùng một nhịp với những trái tim, thiếu nữ, sớm chủ nhật nghỉ học đi dạo phố, đi thăm bạn, đi lo những công việc nhỏ nhặt cho gia đình, những cặp tình nhân trời mới hửng nắng đã mỗi chân rủ nhau vào ngồi trên những chiếc ghế nhỏ trong mấy quán nước bên bờ hồ, trước những ly nước đá.

Nhìn sâu về phía sau công viên, nhà ngân hàng cao, xây bằng đá xám trông như một pháo đài kiên cố.

Đó là nơi Lan mỗi buổi sáng đi học đều đạp xe ngang qua, con đường sạch sẽ, rộng và quang đãng nhất thành phố, những ngày nghỉ học các cô nữ sinh, thường dựa xe trên vỉa hè trèo lên những bậc cấp đứng chụp hình, phơi nắng, rồi từ đó ríu rít đi tới nhà Bác Cổ, ra bờ sông, băng ngược lên nhà hát lớn thành phố, vào mùa sáu trở bông, hoa sáu rơi lảm tãm trên mặt đường, hoa sáu nhỏ màu ngà pha lẫn màu cẩm thạch, thơm mùi thơm của trái nhiều hơn hoa, cái mùi thơm rơn rớt chua, vào mùa sáu chín, những trái sáu chín vàng biến dần sang màu hồng đỏ lốm đốm những vết thâm, đó là lúc tất cả hương hoa và chất chua đã biến thành chất ngọt và rưng trên mặt đường, các cô học trò đi qua có thể ngừng xe xuống, nhặt bỏ trong cặp, mang vào lớp học.

Những chiếc áo tím, những tiếng cười trong trẻo của các thiếu nữ vui đùa với nhau, dường như được cái êm ả của sớm mai, sớm mai mà cái lạnh đã làm cho không khí trong hơn, giọng cười như những mũi nhọn xuyên thẳng vào quảng không mềm dịu, và sương mai cùng với mặt trời vừa tằm lạnh vừa hơi khô, những tiếng cười dường như đang tan biến thành những giọt ánh sáng bay loang loáng trên mặt bóng của các đám lá trên lưng chừng các hàng cây, và trong những cơn mê hoặc, những thời khắc lạ lùng mà chỉ sống ở Hà Nội người ta mới thấy được những phút mà sự mùa màng và thời tiết đã ảnh hưởng nặng nề đến cảm giác và thần trí, người ta bỗng như nghe thấy cả mùa thu cười nói, lớn lên, nồng nàn, óng chuốt cái óng chuốt của những sợi lông măng trên những trái mơ, căng đầy thứ nước ngọt dưới lớp da mỏng của những trái nhót chín trên nhữn cây lúc lắc, những trái lúc lắc xanh đang bắt đầu cong lên và khô đen lại, nhưng màu đen phần lớn chỉ mới lan hết phân nửa trái, nửa kia vẫn còn giữ

nguyên màu xanh, đó cũng là dấu hiệu mùa thu chưa già, cái nắng rực rỡ mau chóng làm khô không khí, làm cho hơi thở nhẹ hơn, những tia nắng chiếu lọt qua đám lá sồi to bản bắt đầu loang trên các lối đi trên công viên, tiếng hắc tiêu nghe gắt hơn, và các khán giả ngồi nghe buổi hòa nhạc cuối cùng, đã cảm thấy hơi nắng thấm vào trong ngực đang dần dà làm cho ấm.

... Hồ Gươm vào những ngày nắng ấm, vào mùa xuân hay mùa hè trông giống như trái tim của Hà Nội, lao xao những đợt sóng xanh biếc, nhịp máu rộn ràng đập theo cơn vui hay ít nhất không vương chút phiền muộn của thành phố. Về mùa thu, hồ lại giống như con mắt buồn bã, và mùa đông đôi khi mặt trời in bóng của bầu trời sáng lạn một cách khác thường, hồ như nước mắt còn sót của bao thế hệ điều linh và hùng tráng, lúc nào cũng long lanh, cũng còn không ngừng xúc động.

Cũng có hôm mặt hồ phẳng lặng như một tờ giấy, cả đến những con cá nhỏ cũng lặn đầu mắt, mùa đông lạnh cóng dường muốn làm cho khối nước đông lại thành một cái hồ bằng cẩm thạch. Cả hồ, cả người, cả thành phố thờ chung một sự giá buốt, mặt trời có khi cả ngày không thấy bóng. Các đám mây mang nặng những trận mưa rào, những trận mưa trút xuống như thác lũ, nhưng trận mưa không thể rơi xuống vì lạnh, những buổi chiều gió và sự băng giá đã làm cho khô se da mặt dù không có một chút nắng và mọi vật cứ tưởng tượng thì dường như có vẻ ẩm ướt, mà thực vậy, mọi người đều thở ra khói ở miệng, người ta có cảm tưởng những đám khói do mình thở ra đó sẽ biến thành hơi nước bám trên mặt nhưng sờ tay chỉ thấy sự giá lạnh khô khan.

... Tiếng gót giày vang dưới các mái hiên phút chốc như dội lại trong lòng người một nỗi bồi hồi. Những tiếng động nhỏ ấy, những hương vị mờ nhạt người thấy, cây cối trong mùa mưa, phần hương của người quen thuộc, những món ăn, thức uống, những câu thơ, những bài hát, Hà Nội giống như một cái chuông và những tiếng kêu ấy là những cách khua động, người ta tự gõ vào trí tưởng mình, tự xé lòng mình, để nhẹ bớt nỗi nhớ mong, ám ảnh của Hà Nội, Hà Nội đã biến thành khuôn mặt người tình đầu tiên, khi người ta ghé môi hôn thì cũng là lúc cái hình ảnh ấy khắc sâu vào tâm khảm. Những khu phố dịu dàng dưới sương đêm, sáng cái ánh sáng của vầng trăng lúc nào cũng giống như, trăng khi còn thơ ấu, và những cơn gió nhẹ thổi trên các lối đi, thổi lên các cành cây, chẳng khác những hơi thở nồng nàn tình ái, người ta không thể biết rõ cái vẻ dịu dàng của Hà Nội được tầm đăm nhan sắc, dáng vẻ của những người đàn bà, những cô gái Hà Nội, hay chính những người này thừa hưởng cái không khí êm đềm đó, những trận gió mang đầy hơi phù sa của sông Hồng, mùi cỏ của con đê Yên Phụ, mùi rượu ngang, rêu phong của những mái nhà cũ kỹ, của những bức tường thành của ngày Hà Nội bị xâm chiếm xa xưa, của các xưởng máy, của hoa đào, hoa sấu, sắc đỏ của những bông gạo vừa tàn rụng hết trong ngày hè với muôn ngàn tiếng chim kêu hót, tất cả dường như đã tan biến trong mùa thu vừa khởi đầu thành những màn sương mỗi ngày thêm dày đặc, những lớp sương nối liền hơi thở của những người tình, những lớp sương đang dần dà biến thành làn sương mù của mùa đông sắp tới, những làn sương che kín các khu phố, mà sớm mai cùng đi trên một vĩa hè người ta có thể không nhìn rõ mặt nhau, và những đám sương có vẻ như không còn là những đám sương nữa mà đã trở thành một cơn mộng vây lấy mọi người, mùa màng đã biến đổi thời tiết, thời tiết đã biến đổi nhan sắc, tâm tính con người, trong cái lạnh lẽo người ta ao ước được gần nhau hơn, người ta cưới nhau vào mùa thu và mùa đông đến là vừa ấm áp, lớp sương che kín cả con sông rộng lớn, phải đợi đến chín giờ, mười giờ, mặt trời mới làm tan đi được, và màu sắc thật của mọi vật mới hiện ra, những viên ngói đỏ tươi, những đóa hoa, lá cỏ, lá cây trong cái ánh nắng của mặt trời chói lòa tưởng như muôn ngàn con mắt vừa bừng mở ngó nhau, và ánh sáng, và những cơn gió thổi qua giống như những nụ cười rạng rỡ ...

*(trích Áo Mơ Phai)*

## Nguyễn Đình Toàn - Cửa chữ và người Lưu Na

Chủ nhật, nhị ca đưa mình đến gặp Nguyễn đình Toàn. Gọi phone, lên xe, bấm chuông. Một ông già cao lớn mở cửa. Đây là anh chị Nguyễn đình Toàn. Em chào anh chị. Cô chú, anh chị gì mà anh chị. Sao cũng được mà chú. Ừ, thôi muốn gọi anh chị cũng không sao.

Cô Toàn cao như chồng, vóc gọn gàng, nét mặt mảnh mai và đẹp kiểu classic. Mình ngồi lâu ngẫm ra, đây chính là nét mặt Hồ trường An tả nữ sĩ Tuệ Mai của Phạm thiên Thư. Ông Toàn nói chuyện thoạt tiên thấy giản dị. Ông ra ngồi bên cửa sổ ngó xuống đường. Làn khói xanh tỏa nhẹ, duỗi chân. Anh chụp hình. Cũng không quay lại, như họ quen cái cách của nhau và hai người nói chuyện với nhau, thấy một sự tương đắc của tình bạn trẻ già.

Ăn cơm với nhau. Ông bà vui có bạn. Bà cười luôn luôn. Anh luôn nhắc nhở, kể cho mình nghe về nhạc sĩ Nguyễn đình Toàn của Sài gòn năm xưa, chương trình nhạc chủ đề, ý nghĩa những lời hát. Luôn cả chuyện đi đánh ghen mà lại bỏ về vì sợ chúng đánh của cô Toàn. Mình vẫn còn tức cười mỗi khi nghĩ đến chuyện đó.

Một mối duyên gặp gỡ. Khi ra về mình có trong tay 4 CDs có chữ ký của Nguyễn đình Toàn. Lên xe, tiếng cười dòn dã của cô Toàn còn vang bên tai, trách chồng ác miệng.

Mà mình nghĩ ông nhạc sĩ này ác thật. Lời nhạc của ông thường là những lưỡi dao đâm suốt tim mình. Khi mình lớn lên chưa bao giờ được nghe tên NĐT. Ra xứ người mới đọc hẳn độn bộn bẻ và biết một NĐT như người của trăm năm trước. Những gì ông nói và viết đều chỉ là một giấc mơ với mình vì tất cả đã không còn để mà biết. Giờ đây mình tưởng mới nghe nhạc NĐT, mà hóa ra đã nghe từ lúc nhỏ: *Em đến thăm anh đêm 30, Tình khúc thứ nhất*.

Khánh Ly cũng hát nhạc NĐT ra rả, nhưng lần đầu tiên mình chú ý, là bài Hầy thấp cho anh một ngọn đèn do Nam Lộc hát. Lời lẽ thấm thía buồn, chua chát buồn, cay đắng buồn. Mà trên hết lại là một nỗi buồn cam phận lẻ loi, không gào thét oán than; chỉ khi đã hiểu sâu thì không thể không hỏi “vì ai gây dựng cho nên nỗi này?” Không chỉ riêng một bài này, lời nhạc của ông thường cứ như dao lách vào lòng người nghe, vào những ngõ ngách của tâm hồn mà không phải ai cũng gọi được tên. Khen chữ của NĐT là khen phò mã tốt áo. Nhưng đọc lời nhạc NĐT thì mình nghĩ hay không vì chải chuốt mượt mà hay cầu kỳ văn hoa. Nó hay ở cái chỗ giản dị mà đúng một cách đốn đau, những con chữ của cuộc sống đời thường được tóm lại, đưa vào với một nốt nhạc kêu lên đúng cái âm vang khổ đau, ray rứt của tâm hồn. Không cầu kỳ, không phóng đại, chỉ đúng chỗ đúng mức đúng tâm tư.

Bài Mưa khuya lời lẽ đâu có gì khó khăn. Tiếng mưa khuya thì chỉ có đêm trở mình nghe được. Lời mưa thì thấm trong đêm, thì dĩ nhiên âm u. Cũng chỉ là nhắn gửi nhẹ nhàng, vì thất tình thì đúng là hay “nuôi tình đã chia lìa,” và vẫn tuyệt vọng nhớ một “cuộc tình đã quên.” Nghe cứ muốn khóc hoài vì nó khơi nỗi buồn sâu xa lấp kín. “[T]hi kiếp này, còn gì nữa đâu...” chữ “thì” ông có thể dùng chữ khác cầu kỳ hơn, nhưng ông nói chữ đó, chữ thông thường chúng ta hay nói. Bài Dạ khúc, “riêng tôi nhớ....người” là cái nhớ ray rứt đốn đau dằng dẳng một mình, không bằng lời, chỉ bằng liên tưởng đến cái không: không có bầy như chim, không có phút nghỉ ngơi như trăng lặn, không bằng cả dòng nhạc phức tạp: chỉ một chữ nhớ trên 4 nốt chạy xuôi xuống, rớt lặng vào lòng. Bài Quê hương thu nhỏ lời lẽ là một bí mật với mình. “Người chờ người đi, đã như nhang tàn...” là chờ như chờ đến nhang tàn trên bàn thờ buổi giỗ, hay người đã chết âm thầm dầm dúi như nhang tàn, héo hắt lạnh lùng? Chữ “đã” nốt nhạc chỉ lên một chút cho đầu ngã, không nhấn không dần, chỉ hiu hắt như nhang tàn. “[N]gười bỏ người thôi, khác chi nợ nần...” chữ “thôi”, nó bình thường như mình kể chuyện mất một cái nón hay cái gì đó. Vậy, rồi nghe thấm cái đau người bỏ nhau *nhẹ tênh* như *hắt cận nước*, như *vắt điếu thuốc* (chữ của Phan nhật Nam). Lại có những nỗi đau nỗi buồn NĐT chỉ dám lướt qua: *trăm muôn lời than rồi khăn tang và tiếng thét, Với bao nhiêu đời dở dang* vì nhắc lại đau hơn, đó là cái ân cần

thầm lặng với đời. “Đã trả xong, rũ sạch trơn,” âm điệu láy lên như tiếng người miền Nam trơn tru mộc mạc ngân nga. Ngay cả nốt nhạc NĐT cũng chọn sao cho giản dị gần gũi với tâm tình với cuộc sống đời thường.

Dĩ nhiên không có gì tuyệt đối, mà đẹp xấu hay dở cũng tùy người đối diện. NĐT đã nói, tác phẩm khi buông ra nó không còn là của mình. Mình cho là nhạc NĐT hay ở những bài chậm buồn kể lể tự tình. Nghe rập rình tango hay valse không dở, nhưng nó phai đi cái ray rứt khổ đau dù là khổ đau hạnh phúc. Như bài Hiên cúc vàng, tango mà Khánh Ly hát thì ăn tiền, nhưng trống đàn rầm rộ quá, trong khi lá thu rơi thì chỉ lưng tượng nhẹ. Mình không biết nhạc lại không biết sử dụng nhạc cụ, nói vớ vẫn có thể bị đánh cho, thôi, nhưng thật vẫn thấy sao sao. Cũng như nhạc và lời không phải lúc nào cũng có thể khớp, nhưng ông không chịu uốn lời, thành thử lúc hát có chỗ nghe lệch chữ, như dao thành giáo (bài Dạ khúc), hay xa rồi thành xa rồi (bài Quê hương thu nhỏ) ... nghe rồi phải ngẫm nghĩ, lớp trẻ chưa chắc hiểu đúng, mà mình cũng phải lục tìm lời hát cho chắc ăn. Vậy, hơi vất vả cho người nghe!!!

Nhạc giản dị, nhưng không dễ hát và lại kén giọng. Âm vực rất rộng, từ Sol (G) dưới Do trung (C) lên đến Mi (E), khó chuyển giọng, và thích hợp với giọng nam nhiều hơn giọng nữ. Nữ ca sĩ có lẽ Khánh Ly Lệ Thu mới hát được, xuống được những nốt rất thấp, (Khánh Ly hát xuống nốt Do (C), anh Hùng cũng không xuống tới) và không láy lộn chỗ làm hư đi ý nhạc như Ý Lan (bài Dạ khúc: buồn không son xòa.. óa môi cười). Thêm nữa, ông thả nhiều nốt bất ngờ, không như lẽ thường theo đúng hợp âm. Thường nghe nhạc, ai nghe một câu cũng có thể lái theo câu kể, nhưng rồi NĐT lại thả vào một nốt khác cái khung dự đoán. Vì vậy nghe lạ và thành mới!

Với mình, đặc sắc chính ở chỗ giản dị, giản dị từ nhạc đến lời, không ở chỗ cầu kỳ chải chuốt; đặc sắc ở chỗ chọn đúng chữ đúng lời, chọn đúng nốt nhạc để láy. Nhạc NĐT toàn như tấm áo cắt khéo, mũi chỉ đường kim sắc sảo trên nền vải lụa đúng hàng đúng màu sắc đúng chiều sờ vải. Tấm áo sang chính vì cái giản dị có cân nhắc có nghệ thuật. Chiếc áo sang làm đẹp vóc người mặc mát mắt người nhìn. Bài nhạc sang làm rõ bản lĩnh người hát và đẹp tâm hồn người nghe. Nhưng đồng cảm, phải có cả một tâm hồn, không biết có bao nhiêu người thấm thía với NĐT?

Câu hỏi chỉ là một thắc mắc trong lòng, mình chỉ là một người đọc muộn màng.



*Nguyễn Đình Toàn , Trần Quang Lộc, Nguyễn Đức Quang*

Mình trở lại căn nhà đó thêm nhiều lần nữa vì một lời gửi gắm, nhưng chỉ hơn tháng sau thì giao ước không lời kia thành vô nghĩa. Giờ chỉ còn một tiếng gọi thầm.

Mỗi 4 giờ chiều mình đến căn gác ấy, ngồi uống cùng ông một chung rượu. Ông không uống, chỉ hút pipe. Mình thì chỉ uống rượu đồ, từng nửa chung một, loại chung sứ hoa văn xanh dương dùng để uống trà. Mỗi 4 giờ chiều mình đến, từng chiều lại từng chiều, chỉ để bị ám khói thuốc pipe và cùng ông cười vang trong căn gác hẹp. Ông ngồi một chỗ cố cựa sát bên cửa kính , co một chân lên thả làn khói xanh trong cái nắng cam hồng của ngày sắp tắt. Ông nhìn ra

cửa kính ngắm mây chiều đổi sắc và cành chuối lá xanh trong đi trước ánh mặt trời. Minh ngồi bên ông nghe chuyện Sài Gòn năm xưa, nghe ra một con người đằng sau những gì mọi người đã nhắc.

Mới biết ra, ông là nhà văn trước khi là nhạc sĩ, mới biết ra trước 1975 ông đã có 20 tác phẩm xuất bản, và đã đoạt giải văn học 1973. Không phải mình không nghe gọi *nhà văn* Nguyễn đình Toàn, nhưng nói về nhà văn NĐT mà hầu hết là ca tụng những lời ông viết dẫn trong chương trình nhạc chủ đề, những chữ ông viết cho người cho việc v.v... mình cứ tưởng ông viết chơi viết côm viết truyện ngắn viết láo mà chơi. Nhưng 20 tác phẩm? Ông đã viết những gì viết ra sao? Câu hỏi thâm của buổi ban đầu dội lại trong óc. Minh hỏi, ông gật. *Viết văn, làm báo Văn, giải văn học toàn quốc Áo mơ phai... , mà người ta lại chỉ nhắc cái thứ mình làm chơi.* Cười. Giờ đây, ông còn được trên tay 3 cuốn truyện dài, một in lại bên Úc, một do Tự Lực in lại, và một, là của độc giả năm xưa lưu giữ tặng lại. Xót lòng. Áo mơ phai, áo mơ phai...

Mình nằm đọc Tro than, Áo mơ phai, và Đồng cỏ. Đọc mà cứ phải thường xuyên dừng và đọc ngược trở lại. Đọc, lâu lâu lại phải ngừng để lấy hơi rồi mới đọc tiếp được. Chữ của ông khó hiểu quá chẳng? Truyện ông viết nặng nề quá chẳng?

Mình nghĩ mình đã lộn ngược dòng vì đã bắt đầu đọc chữ của ông qua ca từ. Tựa như những vần thơ của Mai Thảo lúc cuối đời, những hàng chữ đó là những lời chất lọc làm nhạc của ông khác hơn của người. Cộng với những dòng đã viết cho nhạc chủ đề, Bông hồng tạ ơn... mình đã đọc cái phần tinh túy trong chữ nghĩa, hưởng cái tinh tế trong cảm nhận, và thấy những ký họa bằng chữ từ nhận xét sắc sảo của ông. Rồi khi đọc truyện dài, những chữ những lời đó như lạc mất vào sa mạc mênh mông của biển chữ, vào cái suy tư bất tận trong lòng ông, vào một thế giới quen tự muôn đời mà lạ qua tâm hồn ông. Mình expect những dòng chải chuốt, những câu chuyện sâu sắc, những câu văn tinh tế gọn gàng, mà vấp phải những câu dài hơn 2 trang không dấu chấm (Áo mơ phai), vấp phải cái ray rứt dẫn vật độc thoại của một tâm hồn sometimes còn trẻ không tìm được tên gọi cho những nỗi niềm (Đồng cỏ), vấp phải những chi tiết như vô lý, những tỉ mỉ như không cần thiết mà không biết ngắt bỏ chỗ nào phần nào. Chơi với và thất vọng. Có những lúc mình tự hỏi Áo mơ phai được giải thưởng vì lý do gì?

Sau này khi đã lui tới đọc xong cả 3 quyển truyện, cũng như lướt qua một vài truyện khác, ngắm nghĩ lại những điều đã đọc, mình e đã đòi hỏi một điều quá sức mình.

Suốt cả ba cuốn truyện, mình cứ cảm thấy như đang bị một dòng băng hà chậm rãi từ từ cuốn mình vào dòng, nhào trộn mình với những gì nó đã cuốn theo trên đường đi qua, và, những thứ ấy như vẫn còn tươi roi rói từ bấy đến nay. Những điều ông viết không phải là cao siêu hay kỳ bí hay rắc rối, không phải là mới, chỉ là rất riêng biệt một Nguyễn đình Toàn. Những khi dừng lại, mình vẫn thường phải nhấm vài lần một câu đã đọc cho thực hiểu những điều ông muốn nói, như phải nhai cho nhuyễn một miếng và mới mong thấy cái ngọt của gạo cái thơm của cơm.

Từng lúc, mình thấy rất nhiều những cây viết hiện ra theo con chữ của NĐT tùy theo cái điều ông đang nói đang tả đang ngắm nghĩ, tùy theo cái ngắt mạch văn.

Nhấn nha thông thả, như ngày của Lan và Quang (Áo mơ phai) dài hơn 24 tiếng, những khi ông tả cô Phụng (Đồng cỏ) đi từ con đường này đến điểm hẹn kia, qua bao hàng cây thấy bao nhiêu mây buồn bao nhiêu lần, hay cảnh cô Hóa (Tro than) xuống xe đi từ ngoài ngõ vào nhà đường xóm gập ghềnh bao nhiêu lòng cô rối bời bấy nhiêu, thì mình nghĩ đến cái cách Nhất Linh tả Mối tình "chân" của Bé và Đồi trong Xóm cầu Mới. Giống Nhất Linh thì vẫn trong sáng lắm chứ? Nhưng không, mà cũng không thể nói là văn luộm thuộm hay lời bí hiểm. Đâu có chữ nào mình không biết, đâu có đảo câu viết ngược viết ngang gì. Đồng cỏ, ông dùng chữ "không ngay ngắn" để nói Thảo và Phụng với cá tính và tâm hồn hơi rắc rối, hơi phức tạp, hơi suy tư khắc khoải, hơi xa rời thực tế cái thực tế thô nhám của cuộc sống. Mình nhớ ông từng nói, *chỉ có một chữ đúng và nhiều chữ gần đúng cho một sự việc*, cũng như không biết bao nhiêu lần ông nhấn mạnh cái chính xác trong ca từ. Ông luôn rên rỉ, *phần lớn (họ) cứ hát sai lời, có khi*

*còn bị thêm lời, chứ hiếm khi nghe ông than hát sai note nhạc. Mình nghĩ đến những chữ lệch lạc, bất bình thường, không mẫu mực, không đúng khổ...*, những chữ đó nghe dễ hơn nhưng hoặc không chính xác, hoặc đã bị dùng cho một nghĩa khác. Và mình bắt lức không tìm được chữ nào khác hơn chữ “ngay ngắn.” mình cho rằng không phải lúc nào ông cũng có thể trong sáng chính xác, nhưng ông đã buộc phải nghĩ đến cách dùng chữ và nghĩ đến cái điều ông muốn nói, cũng như tính cách không thỏa hiệp của ông khi viết ca khúc.



*Nguyễn Đình Toàn và bạn hữu  
( Người đeo kính đen là bà Nguyễn Đình Toàn )*

Đọc những dẫn vật những ray rứt nội tâm triền miên của ông, mình thấy một Mai Thảo với dạt dào những xúc cảm của lòng. Khác chút xíu là, đọc NĐT thấy giật mình, ngẫm nghĩ rồi thần thờ.

Nói ông là nhà văn của thiên nhiên thì cũng đúng nhưng không phải. Thiên nhiên có làn mây cụm mây chùm mây dải mây, đủ màu muôn sắc; nhưng mây của NĐT là những giải khăn xám bay la đà trong không gian, như sẵn sàng rớt xuống ngang mặt lau cho ai giọt nước mắt rơi thắm. Cái thiên nhiên không thiếu, mà nó là tất cả, ở mọi chỗ mọi nơi trong mọi (?) truyện của Nguyễn đình Toàn. Ông tả thật tỉ mỉ thật chi tiết mọi thứ quanh ông, như những nhà làm phim loại Thiên nhiên kỳ diệu kiên nhẫn với mọi sự sống mọi loài sinh vật cỏ cây. Ông làm mình nghĩ đến Võ Phiến. Nhưng Võ Phiến quan sát mọi sự quanh mình, tỉ mỉ chăm chú nhìn ngắm mọi người quanh mình, còn Nguyễn đình Toàn thì thật ra chỉ ngó một thứ tỉ mỉ một điều: lòng của ông. Như vậy, dường như đọc Võ Phiến thì mình theo người viết ngó ra chung quanh và đọc Nguyễn đình Toàn thì mình ngó vào lòng người viết!

Những lúc ông thiết tha nói, nói không nghĩ không dừng, thường là những lúc ông tả một khung cảnh một cái gì đó đang xảy ra trong đất trời và thường là những cái nhỏ bé nhất tầm thường nhất mình không bao giờ để ý. Những lúc ấy mình nghĩ đến Du tử Lê, với 2 chữ một dấu phẩy một gạch chéo hay một dấu gì đó ngắt rời mọi thứ bẻ vụn mọi thứ và dù vậy mọi thứ vẫn bị trộn vào nhau khi đọc lên (*Ca khúc, của Lê*). Không, Nguyễn đình Toàn nhất quyết không trộn một cái rung của mầm cỏ với gió lay dù câu của ông dài lê thê đến đâu. Và khi nói đến cái bao la vô tận của đất trời, cũng là nói đến cái hữu hạn của thân phận trước cuộc trăm năm, những lúc đó ông làm mình nghĩ đến Tô thù Yên, với những câu hỏi trực tiếp vào vô tận *sống ở trên đời ghê gớm quá, vậy mà ta sống có kỳ không?*

Như vậy, Nguyễn đình Toàn có một văn phong riêng biệt không?

Ông nói, đọc Mai Thảo thì đừng đọc truyện đọc văn mà hãy đọc cách MT viết những truyện ấy. Đồng ý, nhưng e là điều đó còn đúng hơn nữa với chính Nguyễn đình Toàn. Vì đọc 5, 10 hàng dù chưa biết nói gì vẫn có thể đoán là Mai Thảo với chữ dùng thường đối âm vần điệu và ngắt câu làm dáng vẻ bất cần. Đọc nửa trang, biết ngay Võ Phiến với những nhận xét lạ đi kèm với phân tích sắc sảo giọng dí dỏm, thật thích thú. Trần mộng Tú: giọng nhẹ nhàng êm ái trong sáng, tình muôn thuở và tình luôn mới....Nhã ca, Túy Hồng: giọng bốp chát sắc cạnh ngang

ngược và dồn dập, Trần Vũ, Nam Dao: giọng táo bạo ráo hoảnh, những chuyện mãnh liệt tàn bạo bất ngờ...

Văn phong của Nguyễn đình Toàn thì chỉ một giọng đều đều hờ hững, khó tìm được những lời cuồng nộ những câu xúc cảm, hay những cảnh dồn dập sôi động. Với nhạc, mình dễ dàng tìm thấy signature của Nguyễn đình Toàn sau khi nghe 5, 7 bài hát. Cái signature đó nằm ở note Mi (E) và câu chữ *thư em nói với anh, cây xanh nói với anh* (Em còn yêu anh)... Những âm vang khổ đau từng lúc nghe ra từng câu thấm thía, với tới lòng mình, lòng của bao người. Vào biển chữ, văn của ông thiếu một âm vang và mình bị lạc. Chữ thì thật chính xác mà lời thì chìm lìm, lạ, và thật vất vả cho mình.

Ông viết cái kiểu Tạ Ty nói *mưa lâu thấm đất*, với cái bố cục không có bố cục, nói cái chuyện không có chuyện gì cả. Và mình thì cứ phải đọc miết coi ông muốn nói cái gì để kết luận là ông không nói gì. Hay là nhân vật của ông đặc biệt. Mình e là mình cũng thất vọng với những cô gái ấy. Nguyễn đình Toàn nói ông thích phụ nữ nên nhân vật của ông toàn là phái đẹp. Thích phụ nữ, đâu chỉ mình ông. Chỉ là, phụ nữ trong truyện ông chán lắm. Chẳng thấy nhan sắc quần áo vóc dáng gì mấy, nhiều nhất chỉ là "mắt đẹp," nhưng sáng quá nên mắt nữ tính!! Ông có cho họ nữ tính đâu mà còn với mắt. Mà các cô đó, từ học sinh trung học, đến độ 20 nghề nghiệp học thức vững vàng, hay góa chồng dang dở (Giờ ra chơi, Đồng cỏ, Ngày tháng), ông đều gắn lên tay họ điều thuốc, không phải cái lược hay thỏi son. Mình nhớ, những năm 70 thì đó cũng hơi loạn. Hoặc họ rất lạ lùng khô lạnh.

Như Hóa của Tro than: nghèo khó và ráng hết sức mình để đi qua mọi khó khăn đến quên tuổi trẻ, mà đời vẫn như đã cháy rụi âm thầm trong ánh đèn leo lét của bàn thuốc phiện. Hóa quên khóc thương thân và trao đi cuộc đời trước khi biết mình đã trao. *Lần đầu ta ghé môi hôn, vậy, mà người ta hôn mình rồi mình lại chỉ thấy dư vị chua cay?*

Tuấn thì kéo 2 vai của Hóa sát lại mình và hôn lên môi Hóa... trong khi Hóa không có phản ứng, cảm xúc gì ráo. Hm, sao Tuấn không úp 2 bàn tay kéo mặt Hóa sát vào, sao Hóa không chói với hay hưởng ứng? Về như Tuấn đang uống trà thưởng hoa, và Hóa đang nhìn cái tôi một cách lơ đãng. Đãi các hơn, cô Lan cũng ăn diện đôi chút (!), nhưng cô đi đông dài ngày tháng với Quang rồi phút đất trời phân cách cô vẫn còn phải hỏi lòng mình có yêu người và người có yêu mình. Táo bạo hơn (nhân vật của Nguyễn đình Toàn thì Sài gòn dương nên táo bạo, Hà nội âm nên nhu mì !!!) cô Phụng tính sẵn một cuộc trao thân làm kỷ niệm mà cái kỷ niệm ấy chỉ dường như ngắm trăng bên cửa. Chán. Và cũng không cần bố cục.

Rồi ông còn cho họ, những cô gái tuổi đôi mươi, nghĩ những gì là bộ Sĩ trên bộ Y làm thành chữ Biếu, một ý tưởng một biểu tượng kiến trúc để nói lên chiều sâu văn hóa của một đất nước (Thảo của Đồng cỏ), hay cho họ nhu cầu "kiếm ra một nơi có đủ yên tĩnh, có đủ thời giờ, sắp xếp lại đầu óc, hầu có thể phân biệt được tội ác, lòng nhân ái, sự cuồng tín, và hy vọng..." (Đồng cỏ, trang 2). Các cô, nhân vật của Nguyễn đình Toàn, thường lơ trớn và hụt hẫng khi đi tìm tình yêu, luôn có vẻ ưu tư và suy nghĩ như một người đàn ông trung niên (cỡ tuổi của ông đấy). Rõ ràng, nhân vật phái nữ chỉ là một biểu tượng, cần thiết, cho cái tế nhị tỉ mỉ tinh tế mà ông muốn phơi bày. Ai muốn yêu họ và họ có biết yêu?

Nguyễn đình Toàn có biết yêu. Mình nghĩ Nguyễn đình Toàn yêu cuộc đời tha thiết đến nỗi không thể yêu một ai riêng biệt. Từ trong giọng đều đều hờ hững ấy, trong những nhân vật thật chán ấy, mình thấy một tâm hồn nhạy cảm, lãng mạn và tinh tế. Không yêu không thể nào ghi nhận cái thay đổi của sắc trời, người được mọi thứ hương thơm, hay hiểu được vì sao người ta khóc vô cớ sau khi đã thắt chặt lòng đi qua cái khốn khó đau thương; và ngàn lẻ một điều xoay chuyển của thiên nhiên của đất trời của lòng người mà ta có thể nhận ra nhưng quên ngay tức khắc. Cái chậm rãi tỉ mỉ của Nguyễn đình Toàn tựa như người ăn dè, ăn từ từ, ăn cẩn thận vì quý phẩm vật sự sống và quý chính mình, một thân phận con người. Tinh tế, từ cái giọng đều đều hờ hững ấy thấy mọi niềm đau của tha nhân. Tôi đi tôi đứng tôi gặp tôi nói tôi nghĩ tôi thấy tôi cảm..., cả trong những lúc tôi đang bên một người, nỗi lẻ loi cô quạnh luôn đậm nét. Khi lời

văn ấy dội ra nổi lên cô quạnh mình cảm nghĩ chính là Nguyễn đình Toàn thốt lời chia sẻ, rằng ông biết và thấu. Ông tỉ mỉ cách thật nhức nhối, nhưng yêu một tình yêu bao la hơn là cụ thể nên xác thịt không là gì cả, không có chỗ đứng trong truyện của ông. Tôi nghe tôi thấy tôi ngửi (được cả mùi tanh từ soong nồi nhôm) mọi điều của cuộc sống, chứ tôi không nhìn một phân da thịt hay thềm một chút mặn nồng. Tôi không là tôi khi chưa thở hết không khí quê hương khi chưa nghe trọn cái âm giai của đất trời khi chưa mù lòa vì ánh mai rạng rỡ, chưa chết đắm trong mưa khuya, và như vậy biết khi nào tìm mới ấm một mối tình. Lãng mạn và đường như đi tìm cái đồng cảm tuyệt đối, nhân vật của Nguyễn đình Toàn không thể tìm được tình yêu. "...sống là sống với một người..." (Ngày tháng). Còn điều nào rõ hơn không cái niềm yêu tha thiết đó? Và mình nghĩ đến ông như một câu trong bài Anh yêu em, *con giun con nằm uốn khúc giữa đêm trường rồi giun chết chết tương tự vì sao sáng...* Nguyễn đình Toàn có lẽ muôn đời cũng chỉ tìm thấy dở dang, *nhìn nhau ra người cũng một đời thôi* (Nụ vàng) mãi là ước vọng.

Nhưng cái điều làm mình ngộp thở là suy tư nội tâm của Nguyễn đình Toàn về cuộc đời về quê hương, xã hội ông đang sống.

Cuộc chiến, nó ảnh hưởng mọi số phận người Việt, dù biết hay không, chấp nhận hay không. Mình ngửi thấy khói súng trên những trang viết của những quân nhân, những thất vọng bực bội oán hờn và phản đối của những người tuổi trẻ đứng bên lề vì không muốn tay vấy máu anh em. Mình nghe tiếng dội của đạn bom trên những trang tình yêu ngăn cách. Riêng tiếng nói của Nguyễn đình Toàn là tiếng nói của một tầng lớp trí thức trên khía cạnh văn hóa, một nỗi trăn trở thấy quê hương, thấy văn hóa của mình lỗ chỗ gập ghềnh. Ở truyện dài của ông không thiếu hệ quả của chiến tranh, nhưng nó như cái bóng xa mờ, có đó mà luôn nép vào một góc, để cho cái nội tâm suy nghĩ của nhân vật ngự trị xuyên suốt.

Đọc ông, những suy nghĩ luôn dội lại, về sau, trong óc mình, và mình buồn rầu nhận ra là mình không có khả năng để hiểu hết tâm hồn ấy, hiểu hết những dòng chữ ấy. Những 4 giờ chiều ngồi bên ông cho mình biết, rằng cái khoảng cách tuổi đời chỉ là một chuyện nhỏ. Dĩ nhiên, mình chỉ mới đi 2 phần 3 quãng đường ông đã đi qua, và đường mình đi thì êm ả hơn nhiều. Nhưng ở chỗ này, khi mình có lịch sử mở sẵn, có hơn Nguyễn đình Toàn 1973 mười tuổi đời, mà những gì ông viết đều như quá sức suy nghĩ và hiểu biết của mình, mình tự hỏi phải chăng mình lầy lòng giằng cặng để tìm hiểu một vực sâu. Làm sao giải thích được, khi bên cạnh những nụ cười nhảm trong Đồng cỏ là nhân vật buồn rầu, suy nghĩ buồn rầu trước một tương lai không có gì đe dọa mà vẫn buồn rầu. Bốn giờ chiều, ông đâu có buồn rầu dữ vậy. Dẫu lặng lẽ chứ không cười vang cười hô hố, ông luôn là cái kho của những chuyện mà Quỳnh Giao gọi là đáo đẽ. Những năm tháng đó là những năm tháng tươi đẹp tràn cơ hội mà ông đã sống thật trọn vẹn, điều gì khiến xui ông viết những dòng suy tư bất tận, chán chường? Định mệnh nào khiến xui ông chọn văn nghiệp khi ông có dư thừa cơ hội để phát triển năng khiếu âm nhạc? Thật đáng sợ, Nguyễn đình Toàn đã viết những lời tiên tri không thể xóa bỏ.

Mình đọc lại Áo mơ phai. Nhân vật chỉ là phụ, Hà nội, cái thành phố của kỷ niệm đó mới là chính, là hoài niệm mà Nguyễn đình Toàn viết cho chính ông. Ở trong cái thành phố đó mọi thân phận chỉ là chiếc lá trăn trở đổi màu theo thời tiết và mọi con đường đều trở thành mơ hoặc vì sương. Hoài niệm, 1973, một người Hà nội 54 tuổi nhớ một Hà nội kháng chiến 45 và thu vào hồn mình cái Hà nội đang mất. Hoài niệm, 1973, người ấy thấy Hà nội trong chiếc áo sương trong và chiếc nón thời tiết. Giải thưởng Văn học có đặt trên chiếc áo sương trong đó không mình không biết, nhưng Nguyễn đình Toàn đã thêm cho nghìn năm Thăng Long một dáng vẻ. Và đồng thời, khi nghĩ đến, vẽ ra cái Hà nội đã mất 1954, Nguyễn đình Toàn cũng đã vẽ ra cái Sài gòn sẽ mất 1975. Số phận của dân tộc đã được thốt ra bằng sự nhạy cảm của những người đàn bà, trong mối tình tay ba của bố mẹ Lan, mối tình sẽ phân cách của Lan và Quang, những cái tay ba sẽ thành sau ngày phân cách ấy... Cái cuồng giận của những người

vợ cải tạo 1975, oán hờn phân ly của chuyện vượt biên... xác nhận cái linh cảm của Áo mơ phai. Đau đớn. Mình nghĩ cũng nên trao giải cho ban tuyển chọn vì cái tiên tri đau đớn ấy. Nhưng Đồng cỏ mới làm mình hiểu ông hơn, một Nguyễn đình Toàn của 4 giờ chiều. Phụng là tâm hồn là cuộc sống, Thảo là suy tư ước vọng, và Nhiên là cái thực tế cuộc đời mà từng lớp trí thức hoặc phải chấp nhận để sống cho qua hoặc nhìn lẽ sống dần xa. Những nụ cười nhảm mà ông đã phân trần, mình thấy ra ông, dùng cái cười để phôi pha vụn niềm đau. Bốn giờ chiều, những lúc ngồi bên khói thuốc xanh nghe ông nói đôi điều chữ nghĩa mới chợt thấy ra cái tinh thần kẻ sĩ của ông sau cái lãng mạn nghệ sĩ, cái lòng yêu quê hương, tha thiết với văn hóa, chợt hiểu vì sao ông có tình tri kỷ cùng anh dẫu chênh lệch tuổi tác, cách đôi bờ xứ sở. Những lúc đó mình thấy ngậm ngùi, muốn hỏi ông rằng ông và anh và mình và những ai đã rời xa đất nước, có phải cái sống có ý nghĩa nhất là của những người đã chết cho quê hương. Máu của họ đã thấm mảnh đất quê, tưới thấm hồn dân tộc. Chúng ta đứng nơi đây chỉ là những con ốc mượn hồn.

Đồng cỏ, ông nói khơi khơi, về những ngày cuối của một xưởng ngôn viên trước khi rời xa xứ sở. Mình nghĩ đến ông, đến Hồng Ngọc, đến cái thảm thiết mà ông đã dự cảm khi cô Phụng kêu thảm tiếng oan khiến phải bước chân đi. Dấu đó là chọn lựa của cô, nhưng cô thấy bế tắc như thế hệ NĐT thấy bế tắc, phải chọn một lối thoát mà không chắc thoát. Đồng cỏ 1973, Nguyễn đình Toàn đã viết những lời chung cuộc cho chính bản thân 40 năm sau, khi ông phải lìa nơi đã sinh ra đã yêu mến và hằng muốn chôn thân. Đồng cỏ 1973, nén nhang giải oan cho những người ngã xuống, hòa giải cho những người còn lại đã được nêu ra và chìm vào biển loạn. Trong cái bàng hoàng khi đọc những hàng chữ đó, mình nhớ đến giọt nước mắt không gọi được tên khi ngồi trong ghe vượt biên biết có tàu tới vớt. Nghĩa là sống rồi, nghĩa là cuộc đời mới bắt đầu. Trên cao mây xám dưới chân biển đen sâu chung quanh bốn bề sương giăng mờ mịt, giọt nước mắt vô cơ héo một góc hồn của mình cũng đã được viết xong 1973 trong tiếng kêu oan khiến thảm thiết của cô Phụng: từ đây mất một quê hương.

Đồng cỏ 1973, ý nghĩa của công việc xưởng ngôn viên ban Việt ngữ của những đài quốc tế đã được viết xong:

“Mai đây tới cái chốn xa xôi đó, công việc của tôi không thay đổi, nhưng có phải mỗi tiếng nói của tôi sẽ mang một ý nghĩa khác? Những bản tin chắc chắn không hoàn toàn chỉ còn là những bản tin nữa mà nó còn có thể là những lời kêu gọi quê hương, gửi vọng từ chân trời về. (Đồng cỏ, trang 17)

Và chợt đứng mình nghĩ, anh chắc không biết đến những giọng chữ đó dù đã đến cùng ông thành bạn tri kỷ; chợt đứng mình nghĩ, anh và ông đã tìm đến nhau trong linh cảm của loài thú hoang tìm thấy nhau trên đỉnh cao bên bờ vực sâu, cùng cất tiếng đau thương cho nó dội vào vách núi.

Đồng cỏ, mình chưa đọc hết những gì ông đã viết, nhưng riêng với cuốn sách này mình cảm như đã thấy tâm tư của Nguyễn đình Toàn, đọc thêm chỉ là mua vui. Nhưng có lẽ phải thêm một trăm năm 4 giờ chiều nữa thì may ra mình hiểu và viết được hết mọi điều về Nguyễn đình Toàn, của chữ và người.

## Ngày tháng

Những tháng mưa làm cho ngày ngắn đi. Buổi chiều tan sở ra đến cửa đã thấy bóng tối chạng vạng lẫn trong sương mù và hơi nước, tôi đi dọc theo các khu phố trở về nhà dưới trời mưa, nghe gió lạnh thổi vào thấm qua quần áo, hôm nào có Vinh còn đỡ, bữa nào phải về một mình, vừa rét vừa buồn. Xe hơi bật đèn chạy khi còn ánh sáng làm cho buổi chiều hình như mất hết vẻ của nó. Đó là một khoảng thời gian không tên gọi, như tuổi ba mươi của một người đàn bà,

ngày tháng và hy vọng đã bắt đầu thoi thóp. Vinh đối với tôi như ngọn đèn xanh đỏ ở ngã tư đường, giam hãm, giữ lại trong giây lát trước khi tôi vượt biên qua bên kia. Đó là lúc nghỉ chân nhưng cũng nhiều khi làm mình bực bội. Anh ở trên cao đó không liên quan gì đến tôi, nhưng tôi phải nghe theo anh, nếu không tôi không thể tránh được cảm tưởng là mình phạm lỗi. Tôi phải tuân theo hiệu đèn trước khi qua đường. Hẳn rằng ở đây không có người biên phạt.

Nhưng ít ra tôi cũng phải tuân theo một luật lệ nào đó trong khi đến tuổi già, nếu không tôi chỉ là kẻ trôi xuôi trong dòng ngày tháng. Tôi phải được giữ lại trong cánh tay anh. Phải được sống với anh để nhận ra thân thể mình. Không thể ù lì như buổi chiều bị đem nuốt không còn lại một dấu vết gì. Dù việc ấy ích lợi hay không tôi không cần biết, nhưng nếu còn có thể ngoi đầu lên khỏi mặt nước để thở, tôi phải ngoi lên để thở. Thở để sống. Và sống có nghĩa là sống với anh, sống với một người nào đó. Sống một mình là ngoắc ngoài, là chiều không ra chiều, đêm không ra đêm. Tự sờ mó thân thể mình là một điều nhục nhã, và tự làm ung thối mình. Không có nắng ấm làm cho chín. Phải có một người chồng chết đi trên tay tôi mới biết ra điều ấy. Tôi có yêu anh không có lẽ đây là việc tôi cũng chẳng cần đặt ra với mình nữa, bởi vì anh ấy đã chết. Còn Vinh? Lần thứ nhất gặp Vinh khi vừa từ một tỉnh xa trở về Sài Gòn, cái nóng bức của thành phố cũ còn vây hãm lấy tôi làm cho tôi khiếp sợ. Ở đó đêm không thể ngủ thẳng giấc vì trời nóng và vì tiếng phi cơ bay lượn suốt hai mươi bốn giờ một ngày. Gió từ những bãi cát trắng chói mắt ngoài bờ biển và các dãy núi đá, về mùa hè, thổi tới như hơi nước sôi. Những cây thông trong vùng phi trường cháy đen vì gió. Hoa phượng vĩ trên các hè đường giống như những tia lửa nhìn thấy đằng sau các chiếc phi cơ phản lực đình tai nhúc nhúc óc lên xuống mỗi phút. Đời sống cũng bàng hoàng như tin tức về cuộc chiến tranh mỗi ngày đè nặng lên đất nước, tiếng bom đạn và động cơ rung chuyển nhà cửa, người nói chuyện không nghe thấy tiếng nhau. Người lớn ngày tám hai ba lần vẫn nóng, trẻ con rôm sảy đầy mình. Tôi có thể nói một điều gì về Vinh trong tình trạng này chăng? Hơi lửa mặt trời còn chạy rần rần trong máu chưa thoát khỏi các lỗ chân lông cùng với cái chết của chồng tôi còn ở bên cạnh những đêm ngủ một mình. Vinh mời tôi uống một tách trà trong ngày đầu tiên ấy và tôi nghĩ anh còn trẻ hơn tôi nhiều.

Buổi chiều đó cơn mưa thổi bụi và lá vàng bay xao xác trong công viên ở phía bên kia đường. Tôi nghĩ giá được sang ngồi trên chiếc ghế đá ở góc vườn hoa lúc đó cũng thích. Vinh bỏ đường, vắt chanh vào tách trà cho tôi. Chén trà ấy sẽ là phai đi phần nào lượng mặt trời đang muốn biến tôi thành cây thông cháy trong phi trường. Khi Vinh hôn tôi cái hôn đầu tiên, tôi nghĩ, cuộc hỏa hoạn đã được dập tắt, tôi bắt đầu phải thở hết thán khí ra khỏi ngực. Mấy ngón tay Vinh thơm mùi vỏ chanh. Mùi thơm ấy báo hiệu rằng tôi phải làm người làm vườn trở lại. Phải trồng trọt lại những tình cảm của mình. Trên mảnh đất tôi không nhìn rõ mặt. Trên mảnh đất tôi đã khóc than và đã chôn một quãng đời của mình.

Chiếc taxi chạy đến, tôi mở mắt, nhìn vàng trán Vinh che kín trước mặt tôi chỉ biết lúc ấy trời đã tối, đèn lộ đã được thắp lên, Vinh đưa tôi đến một quán ăn. Chúng tôi ngồi trên gác và nhìn xuống phố, phía xa là đường xe lửa. Vinh hỏi tôi, Hà ăn gì? Tôi nói, em không đói. Không đói cũng phải ăn chứ. Đĩa thức ăn bốc khói trước mặt, máy điều hòa không khí chạy ì ì, dao nĩa và những chiếc thìa mạ kền sáng bóng, môi tôi bị bỏng rẫy, Vinh nhìn tôi, tôi biết anh đang làm quen với tôi và làm quen với cuộc tình anh vừa bắt gặp. Bữa ăn chẳng có gì ngon lành vì tôi không để ý đến các món. Tách cà phê cuối cùng cho tôi lấy lại bình tĩnh. Nhưng những giây phút bình tĩnh đối với tôi chỉ là những giây phút buồn bã. Chát nước đen ấm và ngọt làm tôi nhớ tới những buổi sớm làm lấy bữa ăn sáng của mình trước khi đến sở. Nói là bữa ăn sáng nhưng thường thường tôi chỉ uống một tách cà phê nhỏ mà thôi. Ngồi một mình trong chiếc ghế nhìn căn phòng vắng vẻ, chiếc quạt máy quay đều, tôi tưởng tượng hình dáng của chính mình sáng ngày hôm sau sẽ làm những cử động tượng tự ra sao, và ngày tới có lúc bắt chợt thấy mình có những dáng điệu giống như đã làm một lần rồi, khiến tôi hoảng sợ, không biết có phải mình bị dẫn dắt bởi tưởng tượng ngày hôm trước hay thực ra đã có những lần tôi đi lại, cử động như

thể. Khi chúng tôi còn sống, có những sáng thức giấc, chợt nhìn thân thể mình trần trên giường, giống như nhiều sáng khác, nhưng chính nó lại cho tôi cảm giác thoải mái, cảm giác nôn nao của thú hạnh phúc đầm đằm dưới da thịt, ngây ngất như giấc ngủ chưa đi hết, những sự lặp lại này cho tôi ý nghĩa rõ ràng rằng mình đã sống qua một đêm và mình đang tiếp tục sống. Tôi đang sống, đó là tiếng reo vui thì thầm thường làm tôi cười trong lúc nửa thức nửa ngủ đó, và giật mình vì bị ngạt hơi tỉnh hẳn dậy vì anh hôn tôi, anh đã mặc quần áo bay, sửa soạn ra phi trường, còn tôi, anh bắt em ngủ thế chứ bộ tại em sao, tôi làm nũng với anh, và giữ chặt anh với quần áo của anh để thấy rõ da thịt mình, hôm nay anh bay đâu, thôi đừng có cần em đau nghe, tôi sẽ khép hai chân lại, nhưng làm thế nào giữ nổi anh, em ngủ lại nhé, anh đi nhớ khóa trái cửa rồi ném chìa khóa vào cho em, không ngộ nhớ có ai đến thì chết. Những buổi sáng như thế tiếp diễn không biết được bao lâu, rồi có một buổi tôi chờ không thấy anh trở về nữa. Vị chỉ huy trưởng của anh đến tận nhà nói rõ hơn cho tôi hay là thôi, có lẽ anh không còn bao giờ trở về nữa. Buổi sáng đó là buổi sáng tôi tỉnh một lượt giấc ngủ của mình chứ không tỉnh làm hai ba lần như xưa nữa. Tôi rửa mặt soi bóng mình trong gương, nhìn chân tay người ngợm chỗ nào cũng làm tôi muốn khóc hết. Tôi khóc cả giờ trong buồng tắm, khóc cả giờ khi trở ra nằm xuống giường. Lúc anh đi anh không đánh thức tôi dậy. Thành thử tôi đã không nhớ được mặt anh trong ngày cuối cùng. Sự im lặng trong một góc phòng, dưới gầm giường, trên trần nhà, trong bồn nước, đờ cứng lấy chân tay, tôi ăn uống và sống bằng một ý thức trong suốt, không lúc nào nín khóc, anh đã bị rơi máy bay đâu đó trong một khu rừng, tất cả chỉ còn lại một chút tro than, người ta đã phủ cho anh một lá cờ, thổi hiệu kèn vĩnh biệt, bồng súng chào người chết cho Tổ quốc.

Tôi trả lại căn nhà cho căn cứ, ra phò thuê nhà ở, kiếm việc làm, những sáng thức dậy quen dần với sự vắng mặt của anh, tự làm bữa ăn lót dạ, và những cử chỉ đáng điệu lặp lại từ đó đã cho tôi ý nghĩa của cái chết chứ không phải sự sống nữa. Khi anh còn sống tôi sống với anh và hưởng những giây phút êm đềm hay gay gắt cùng với anh, sự hiện diện của anh lẫn lộn với những xúc động đó trong tôi, và tôi không một lần để ý phân biệt. Bây giờ anh không còn nữa, tôi không ngờ sự trống trải anh để lại, lại rộng lớn đến thế. Tôi đã bơi đến muốn kiệt sức mà không ra khỏi, tôi đã ngập lặn, ngoi ngóp, thở những hơi tanh nồng, buổi sáng trở dậy đánh răng rửa mặt tôi ngửi rõ mùi rỉ sắt trong nước, buổi tối nằm ngủ trên chiếc giường mềm mông chỉ có chỗ người chạm xuống nệm là đủ cho tôi tin được một mình không ngã, đôi lúc trở mình tôi hốt hoảng tưởng như mất đà và đang lao đầu xuống vực, choàng thức dậy, tôi muốn gọi anh, muốn gọi tôi, nhưng không cất được thành lời, bởi vì lời kêu gọi ấy cũng như cái chết của anh, tôi làm sao lấy lại được, hai mắt khô cứng và cay xót vì thiếu ngủ và đã mở hoài trong tôi. Mọi sự đối với tôi bỗng trở nên bưng bít, hơi thở đau trong ngực tim đập từng hồi thôi thúc, lúc thoi thóp như không còn theo được nhịp máu, tôi mê thiếp trong giấc ngủ một nửa, phải lấy tay bóp dưới ngực giúp máu chạy đều sau khi vùng thoát được cơn thoi thóp, núm vú căng dưới bàn tay sẫm sấp mồ hôi, có những sự chuyển động như các gân máu chẳng kéo bên trong và đang xiết lại. Những trận thức dậy không giờ giấc nhất định như thế, đã tập cho tôi thói quen hút thuốc lá.

Buổi tối trước khi đi ngủ việc đầu tiên của tôi là phải kiểm bao thuốc và chiếc hộp quẹt để trên mặt bàn ngủ để lúc cần thì lấy châm hút. Ngồi một mình trong màn, lưng tựa vào thành giường, đốt thuốc nhìn ngó căn phòng với ánh sáng mờ của ngọn đèn ngủ, tôi tập thở khói ra đằng mũi, ngó những ngón tay mình, ngửi mùi thuốc bắt đầu bám khét trên đó, ngó nhìn chiếc tủ áo nơi góc phòng, khung cửa sổ đóng kín, nghe ngóng tiếng những con chuột lục lợi nơi phía nhà sau, có lần ngủ quên để điều thuốc rơi xuống nệm suýt cháy nhà, tỉnh dậy thấy khói bay mù mịt ho sặc sụa phải chạy xuống bếp lấy nước dội bữa lên dập tắt, sau đó giường ướt sũng phải ngủ dưới đất nơi tắm cói trải sàn chỗ bàn khách, sáng dậy phải lau lại nhà cửa, gói chiếc khăn trải giường và chiếc chăn mỏng bị cháy vào một béc giấy bỏ thùng rác trước khi đi làm, tự nghĩ giá đừng thức dậy đêm qua. Mùi cháy khét làm cho căn phòng thêm mờ ám, buổi trưa về thay

quần áo tôi tự ngửi mùi trên vai và trên hai cánh tay mình. Chỉ là những mùi vị ảo tưởng mà thôi. Một chút gì đó nơi mình đã bị cháy thiêu cùng với chấn nệm.

Người bạn ngày còn con gái đến chơi sáng Chủ nhật cho một bức tượng phù thủy dựng trong chiếc hộp gỗ sơn, dưới chân hộp có chiếc ngăn kéo nhỏ, mở ra sẽ nghe một điệu nhạc từ trong phát ra, giống như tiếng dương cầm đồ chơi của trẻ con, hay chuông đồng hồ. Anh dạy học có vợ và đã có một đứa con trai, tôi chưa bao giờ gặp mặt vợ anh, đêm nghe điệu nhạc trong chiếc hộp nghe đi nghe lại trong vô thức, tưởng nhớ lại lúc còn nhỏ, một tỉnh lỵ nào buổi sáng có sương mù, có ga xe lửa, có chiếc cầu bắc qua một con sông nhỏ giữa hai triền núi, trong vườn có những cây đào trái chín đỏ cắn ngập răng, mùa đông co ro trong những tấm áo dày, hình dáng người bạn nói cười sâu trong trí nhớ không rõ nét, anh uống rượu và hút thuốc từ khi còn là sinh viên, anh mời tôi dự một buổi khiêu vũ gia đình do một người bạn tổ chức nhân dịp lễ đính hôn, đêm đó sáng trăng, khách rất đông, người ta nhảy từ trong nhà ra ngoài thềm, từ ngoài thềm xuống sân, rồi từ sân ra các lối đi lát xi măng xuống vườn, những điều anh nói cho tôi cười bây giờ cũng chỉ còn giống như thứ ánh sáng xanh biếc lọt qua kẽ lá xuống khu vườn.

Tôi hỏi anh bản nhạc trong chiếc hộp là bản gì thế? Cần gì biết. Chị cứ nghe cho đỡ buồn là được. Tôi bảo, có lẽ tôi không ở đây nữa đâu. Anh nói, chị gầy quá sức. Tôi bảo, tôi mất bình tĩnh quá. Tôi cũng hỏi anh, tại sao bức tượng trong chiếc hộp lại là một phụ nữ phù thủy? Anh cười bảo, chắc người làm ra họ cho thế là đẹp. Có thể nó đã được giảng nghĩa bằng bản nhạc và cả chị lẫn tôi đều không hiểu. Tôi nói, anh đi dạy triết mà vẫn có cách trả lời như một sinh viên vậy. Anh vẫn cười bảo, giáo sư làm thế nào giỏi bằng phù thủy được. Chị muốn Sài Gòn à? Vâng. Cứ kể chị đổi chỗ ở đi cũng phải. Tôi nói, làm gì cũng được nhưng tôi không muốn ở đây nữa. Anh tỉ mỉ ngồi cho chạy lại bản đàn. Tiếng linh tinh bỗng làm tôi buốt óc. Chịu đựng một cái chết trong đời mình quá là một việc khó khăn quá. Anh bảo tôi, thôi chị làm thế nào thì làm, miễn chị bỏ được sự ám ảnh cũ. Vì cũng chẳng còn cách nào hơn. Tôi nói, vâng, và cũng không còn biết phải bắt đầu, có lẽ tôi đã bắt đầu rồi, từ hôm anh ấy bay đi, từ ngay cái phút anh ấy mới bước ra khỏi cửa, vâng, và từ phút này dù muốn hay không tôi cũng bắt buộc phải để lại tất cả những gì thuộc nửa quãng đời về trước, để tiếp tục phần còn lại, dẫu với ý nghĩa như thế nào. Tiếng phản lực cơ xé trời giúp tôi khỏi phải nói với người bạn những lời tôi nghĩ ra được.

Tôi đáp phi cơ vào Sài Gòn, tàu bay nghiêng cánh cho nhìn thấy cái thành phố đầy cát trắng và mặt trời lần cuối. Vĩnh biệt những cây thông đen trong phi trường nơi tôi cũng đã cùng bốc cháy nhưng với ngọn lửa hạnh phúc nên chẳng thành tro than. Vĩnh biệt những chiếc buồng tắm mỗi ngày phải dùng tới hai ba lần. Vĩnh biệt anh yêu dấu, em sẽ phải quên anh. Mặt biển xanh trong suốt nhìn thấy cát dưới đáy sâu, dâng lên rồi xoáy hút xuống bên dưới, lấp kín cả ngôi mộ tôi không tìm thấy phương hướng, là lời đáp giả từ. Từng đám mây trắng xóa ngoài khung cửa phi cơ lướt qua không kịp nhận biết hình thù hút theo trí nhớ, tôi bịt mũi thổi hơi ra ngoài lỗ tai cho khỏi bị ù. Thân xác nhẹ tênh trong một cảm giác choáng váng, tôi cởi bỏ sợi dây an toàn, nhắm mắt thờ nhẹ để cố giữ cho những hình ảnh còn sót lại trong óc đừng tan biến đi nốt, tưởng lại khu nghĩa trang trên cát và những lần tôi vào viếng thăm với bó hoa nhỏ trên tay, nhìn những cây thông đen đũi nứt nẻ reo trong hơi nóng, tôi phải tháo giày ra cầm tay để đi chân không vào, giẫm trên những xác trái khô chìm lẫn dưới cát bỗng đến nỗi tôi lại phải bỏ giày xuống đi, trở về nhà hai ngón chân cái thường bị xước da phía trên vì cát bám cạ vào mũi giày. Lòng tôi cũng mang những xót xa tương tự, những nỗi xót xa nhỏ bé, vô ích, tôi biết một cách se thắt rằng giữa anh và tôi, dù thế nào, cũng chỉ còn một sự liên lạc mà thôi, đó là tấm bia mộ vô tri tôi phải bụi mỗi lần.

Người bạn đã giới thiệu Vinh cho tôi, để “nếu có gì trục trặc về nơi ăn chốn ở mới, chị có thể nhờ anh ấy”, Vinh làm thông tấn ngoại quốc ở đây. Tôi không biết Vinh làm công việc đó với một ý hướng như thế nào, nhưng đối với tôi chỉ có một ý nghĩa đáng kể trước nhất là, cả anh

nữa, anh cũng hàng ngày ở gần với cái chết. Anh nói với tôi về những trận đánh trên núi, người ta đã thả bom lửa khiến cả mấy ngọn núi cháy dữ dội như hỏa diệm sơn. Anh cũng nói với tôi về những quãng đường hành quân nghe tiếng nổ và nhìn thấy khói ở dưới đất bay lên, lính chết, và người ta có khi mất cả tháng không đi hết những đường hầm tìm thấy, một toán đi trên, một toán đi dưới hầm, liên lạc bằng máy vô tuyến, đánh nhau với địch cả trên và dưới đất suốt đêm ngày, không biết lúc nào và ở đâu. Anh đã ở những đồn quân tiền tuyến không nhớ nổi bao nhiêu ngày đã không ngoi ra khỏi hào lũy, không lộ đầu lên khỏi mặt đất, trời mưa cũng như trời nắng.

Tôi cũng chẳng muốn nhắc với Vinh về cái chết của chồng tôi. Vinh đưa tôi đi ăn ở những tiệm ngoài thành phố, có khi anh ở lại Sài Gòn một vài ngày, nhiều là một hai tuần, rồi lại tiếp tục đi, cả tháng tôi mới gặp lại anh, anh trở lại với bụi bặm, mồ hôi và tính tình mỗi ngày một thay đổi, anh vừa thân vừa lạ với tôi như khắp mọi nơi, tôi chẳng tham dự nhưng hình như đã phải đơn phương vào đó bằng cái chết của chồng tôi, tôi hỏi Vinh có yêu tôi không, đó là câu hỏi hết sức tránh phải trả lời, anh chiều chuộng và mua tặng tôi những món quà không phải tôi không thích nhưng không cần thiết.

Nhưng có cần gì, đối với tôi, chỉ có anh, chỉ có sự gần gũi thực sự của anh bên cạnh là đáng kể. Tôi không thể chịu nổi nữa cái cảnh nói không ai nghe tiếng mình, có lẽ tất cả những người đàn bà không có ai yêu, hay người yêu đã chết đều hiểu rõ điều này, mặc dù tôi biết, tôi hiểu rằng, những điều tôi nói ra không có gì đáng nói, nhưng ý nghĩa của nó là được nói với người khác không phải nói một mình.

Căn phòng tôi thuê ở tầng thứ tư một building gần bờ sông có thang máy để lên xuống. Tôi mở chiếc cửa sắt bước vào, đóng cửa tìm cái nút số 4 ấn một cái. Chiếc thang máy chuyển động rồi chạy lên. Trời còn mưa ào ạt bên ngoài. Ngọn đèn nhỏ trong hộp thang chiếu trên đầu, tôi nhìn chiếc bóng mình áp trên tấm vách gỗ. Tầng thứ nhất rồi tầng thứ hai, bao giờ đứng trong thang máy tôi cũng cảm thấy nôn nao, chóng mặt. Tôi nghĩ giá lâu tôi ở cao hơn nữa, tầng thứ mười lăm hay hai mươi có lẽ tôi sẽ không chịu nổi. Chiếc thang dừng lại, tôi mở cửa bước ra, đi lại phía phòng mình, vừa đi vừa cởi bỏ áo mưa, tai vẫn còn nghe tiếng mưa đổ bên ngoài. Tôi nghĩ trước và sợ đêm nay sẽ phải ngủ một mình, mở cửa sổ ngó xuống chiếc sân bên dưới, sâu thẳm, ở đó những người ở cùng building đã lấy sơn trắng kẻ ô làm một chiếc sân đánh vũ cầu mỗi buổi chiều, bây giờ mưa chắc những phòng ở bên dưới không ai mở cửa sổ ánh sáng lọt qua các khe cửa không đủ sáng sẽ làm cho khoảng sân tối hơn và trở thành sâu hơn. Có lần đứng với Vinh nhìn xuống mảnh sân đó, tôi đã nghe Vinh nói đến cái vẻ quyến rũ của cái chiều sâu đó. Tiếng nói của anh đột ngột thổi suốt linh hồn, tôi cảm thấy rõ ràng như có một con vật gì như một con sâu nhỏ, có lông mềm, bò ở trong ống xương hai đầu gối. Tôi ngược mắt nhìn anh, mặt anh không có vẻ gì khác lạ khi anh nói một cái gì làm cho tôi sợ hãi, anh bỗng cao lớn và nặng nề như cái bóng đè trong lúc mê sảng, lúc đó tôi không hiểu anh, không thể nào thông cảm được điều anh nói, đối với tôi cái chết không thể nào có được vẻ quyến rũ, tôi không muốn chết, tôi không thích chết, cái chết của chồng tôi đã dạy cho tôi sự tuyệt vọng. Thế nhưng rồi một vài lần, mười mười lăm lần, vào buổi trưa, buổi chiều, lúc sẩm tối, đứng một mình nhìn xuống cái chiều sâu thăm thẳm dựng đứng bên dưới đó, cái mặt sân láng xi măng cứng rắn bên dưới đó, đủ cao và đủ rắn cho một cái đầu bể nát, tôi tưởng tượng ra sự bắn vỡ tung tóe của máu óc, của một thân xác mềm nhũn, trút bỏ được hết ưu phiền, tôi cũng nhận ra sự khoan khoái rạo rức được lao xuống cái vực sâu đó, một cảm giác sung sướng thật sự như cơn khoái lạc của dục tình, nhưng to lớn hơn, rộng rãi hơn, nó mở thoát ra khỏi chân tay, chà xát được bằng cả sự ân ái trong mơ, tôi đã đứng nhìn như thế, và sự xúc động chỉ chấm dứt như chiếc đĩa hát quay hết một vòng cuối cùng ở đằng sau lưng.

Thế nhưng không phải lúc nào cái chiều sâu quỷ quái đó cũng hiển hiện. Có nhiều lúc nó chỉ

còn là một cái hồ trợ trên làm chóng mặt, cuốn rút lấy thân thể như muốn nhấc bổng chân đứng khiến tôi muốn mưa cả bữa ăn vừa nuốt vào dạ dày.

Đó có lẽ là lúc này đây, tôi đương cảm thấy, tôi sẽ phải bật đèn, mở cửa sổ và không thể không ném một cái nhìn xuống cái chiều sâu đó. Tôi tra chiếc chìa khóa vào ổ, mở cửa và làm y như những điều đã nghĩ. Ngọn đèn vừa bật cháy chưa đủ làm ấm căn phòng, trời mưa suốt buổi chiều và vẫn còn đang mưa làm cho tường vôi, giường nệm, quần áo treo trên móc đều có vẻ thấm ẩm hơi nước, cũng có thể sự ẩm ướt có trước nhất ở trong trí tưởng tượng của tôi. Khi tôi đứng dựa đầu vào thành chiếc cửa sổ sơn màu xám nhìn ra ngoài, tôi có cảm tưởng đã áp mặt trên một tảng nước đá, một vết lạnh in hằn trên má và trán, đường sơn trắng không còn thể nhận thấy, đêm đã hoàn toàn đen, ánh đèn soi rõ những hạt mưa rơi như không tới nổi chiều sâu bên dưới. Cảm giác, hình ảnh nhảm lẫn tôi chẳng thiết phân biệt, mưa trên dòng sông đen phía xa, mặt nước lẫn với bãi đất, những căn nhà thấp phía bên kia bờ thấp đèn, tựa như không có nóc, ánh lửa cháy trong không, bóng đen đã bôi xóa tất cả những gì ở trên và dưới. Tôi quay vào thay quần áo và nhìn thấy gói thuốc lá để trên bàn, chiếc bàn nhỏ, bao thuốc đã được khai, tôi nhớ hình như tôi không bóc, bao thuốc đã được hút, các điếu xộc xệch, một hai điếu đã được rút ra, vậy nếu tôi không phải là người đã bóc gói thuốc, thì bữa nay Vinh về, anh đã vào đây, và vì tôi chưa về anh bỏ đi ăn, đi quanh quần ở đâu đó, tôi cảm thấy bị xúc động mạnh, tôi dốc bao thuốc lấy một điếu bật diêm quẹt châm thuốc hút, quay lại khép bớt một cánh cửa thay quần áo, bao giờ được mặc thứ quần áo bằng vải mềm ở nhà, bỏ được quần áo lót, tôi vẫn cảm thấy dễ chịu, chỉ có lúc đó người tôi mới cảm thấy được nghỉ ngơi thật sự. Tôi trở lại đẩy cánh cửa sổ vừa khép lại ra, một trận gió đầy hơi nước ủa vào trong phòng thổi lọt qua lằn vải truyền đi khắp người. Tôi ngồi xuống chiếc ghế có nệm và tựa bằng mousse bọc vải hoa màu da mận dày. Tôi thử sờ những mẫu thuốc còn lại trong gạt tàn. Không còn một chút hơi ấm nào. Có lẽ chính là những điếu thuốc tôi đã hút, không phải Vinh. Tôi đứng dậy đi lại phía chiếc tủ lạnh kiểm đồ ăn. Mấy trái mận, một ly sữa, vài chiếc bánh biscuits trong hộp để trên nóc tủ lạnh. Thôi cũng được. Sớm mai nếu tiện tôi sẽ ăn bù bữa cơm thiếu này. Tôi mang mọi thứ trở lại bàn, bày biện, ngồi xuống, dụi điếu thuốc và bắt đầu ăn. Vừa ăn tôi lại nghĩ bữa nay mưa lạnh, ăn xong không có nước uống, phải uống nước lạnh cũng khổ, tôi lại đứng dậy đi lấy cái ấm đun nước bằng điện, vào phòng rửa mặt mở vòi máy lấy nước, nước chảy xối trong ấm, tôi ngó bóng mình trong gương, miếng bánh cắn giữa hàm răng, tôi ghé sát mặt vào nhìn cho rõ hai con mắt, dấu vết những đêm thiếu ngủ chưa hết, hai cái quầng trũng thâm, hằn rõ những đường nhăn nhỏ, hơi thở từ mũi làm mờ mặt kính, ấm nước đầy tràn, tôi phải tắt máy, đổ bớt ra, tôi thở thật mạnh làm như thở khói ra, hơi nước bám mờ loang lớn thêm, tôi lấy lưới đưa nốt miếng bánh vào miệng, gặm gừ với bóng mình rồi trở ra cắm điện đun nước, tôi muốn được uống một ngụm nước trà sau bữa ăn. Bữa ăn chẳng ra bữa ăn, đời chẳng ra đời... Nghĩ thế tôi lấy lòng càng chua chát. Tôi lắng tai nghe các phòng bên cạnh, xem người ta đang làm gì.

Ở tầng trên cùng này là những người độc thân. Đàn ông thì viết văn, làm báo, công tư chức già, thương gia giàu có thuê phòng riêng để hưởng lạc, đàn bà thì làm gái nhảy, vợ lẽ, sống bao lương tháng và những thứ lố thì, lố tuổi, lố đời như tôi. Tôi lắng nghe và tôi chẳng nghe tiếng gì hết, ngoài tiếng mưa và gió thổi bên ngoài. Tôi mới ở building tôi không rõ đời sống nơi này lắm, nhưng có điều những tiếng động ở đây thường là những tiếng động gây tưởng tượng, cả sự yên lặng nữa. Mỗi phòng như một nhà giam nhỏ người ta đi về đều đóng cửa, tự giam, tự giấu mình trong đó. Tôi không thích đời sống ở đây nhưng không dễ thuê được một căn nhà ngoài phố bây giờ. Và chẳng, dầu sao cũng còn một sự dễ chịu là người ta không phải chú ý đến những người chung quanh cho lắm. Đi về gặp nhau mỉm cười gật đầu chào một cái cũng được, không cũng chẳng sao. Ở ngoài phố thì không làm thế được. Quần quần đã gần chín giờ. Tôi lấy ấm pha trà và thấy cần đi ra nhà sau. Làm việc này thật ngại. Cần lắm tôi mới đi. Thế nhưng có nhiều hôm ra đến nơi thấy người ta đứng xem báo đợi đến lượt mình, tôi đi thẳng xuống tầng dưới mắt công đi ngược cái hành lang suốt dọc building leo một cầu thang

lên lại lau mình ở đầu giường này. Tôi đi ra sau, trở về rửa ráy xong, ấm trà vừa ngấm. Hương sen thơm và nước nóng thấm qua tách ra tay, tôi uống từng ngụm nhỏ, ngồi giữa mặt nhìn lên trần nhà, tựa đầu trên thành ghế. Uống hết hai tách nước, tôi lại châm thuốc hút và ngoạ đầu ngủ, vừa ngủ vừa thức vừa hút thuốc tôi không biết mình ngủ lúc nào, thức lúc nào, nhưng tôi còn nhớ được là tôi đã tiếp thêm một điếu thuốc mới nữa. Nhớ lại buổi tối bị cháy nệm ở nơi cũ. Anh ấy đã chết thật ở trong tôi và ở ngoài tôi. Không còn một tí hy vọng nào, không còn một ý nghĩa nào thiết thực cho đời sống tôi. Đàn bà mau quên hay đích thực người ta không còn thể nào tìm thấy được sự liên lạc với người đã chết?

Vinh về thật, anh vào lúc nào tôi không hay, anh lại gần nhắc điếu thuốc ra khỏi tay tôi, anh gọi, đánh thức tôi bằng cách hôn tôi. Tôi giật mình mở choàng mắt chống đỡ. Vinh hỏi Hà về bao giờ. Tôi nói em đoán anh về mà. Đoán thế nào? Tôi mỉm cười nhìn xuống bao thuốc. Vinh cũng cười bảo, đợi em buồn quá, nên anh xuống phố. Em ăn gì chưa? Tôi nhìn anh gật đầu. Anh đã cạo râu, rửa mặt, thay quần áo sạch sẽ. Tôi nói, chưa bao giờ em thấy anh sạch sẽ đến thế. Vinh vẫn cười, vì lâu lâu phải chưng bảnh với em một lần chứ. Tôi nói, mưa buồn quá, lúc tan sở em ngóng anh ở cửa không thấy. Anh phải lại đằng hăng gửi cho họ ít hình và tin tức mới. Vinh bế tôi lên lòng. Anh ngồi vào chiếc ghế tôi đang ngồi. Bàn tay anh lùa vào lưng áo tôi. Anh hôn môi tôi, say đắm và âu yếm. Cái hôn của anh làm thức dậy trong tôi một nỗi sung sướng bất hoại. Tôi thốt nghĩ đến con sông mù mù dưới trời mưa khi nãy, làn nước đen bốc khói hay bụi nước bay hơi, tôi nhớ lại những sợi chỉ nhả trên quàng mắt và dáng điệu mình tìm cách ăn miếng bánh ngậm trên răng. Vinh cắn trên cổ, trên ngực làm tôi buồn, tôi nói buồn em anh. Vinh bảo chiều đi máy bay bị bão bết quá, hành khách đều mưa hết. Tôi hỏi anh từ đâu về. Vinh nói, ngoài Trung, kể cũng chán, tôi nói, anh đi đâu em cũng chẳng biết, anh về em cũng chẳng hay. Bàn tay Vinh bóp chặt trên vai tôi, anh về thì anh tới đây, thế nào anh cũng tới mà. Tôi cũng hỏi, công việc của anh ra làm sao? Việc gì cơ? Ồ, việc này việc khác. Vinh nói, được đến đâu hay đến đó. Đó là những câu hỏi, trả lời, không định rõ, nhưng nó liên quan tới chúng tôi chẳng khác nào bàn tay anh vuốt ve ôm giữ tôi, một chuyện nào đó xảy ra, một chuyện không may dĩ nhiên, có thể chia lìa khỏi tôi bàn tay ấy, cái không may và cái may mắn đều ngang hàng không biết trước. Vinh rủ tôi đi ăn. Tôi nói tôi không đói nhưng nếu anh muốn ăn thì tôi sẽ đi. Anh nói, em lười quá, không đói cũng phải đi chứ. Anh vừa lãnh một cặp tiền không tiêu cũng uống.

Câu nói giỡn của Vinh bỗng làm cho những cảm giác ngây ngất êm đềm anh đang gây cho tôi bằng hai bàn tay anh vuốt ve dưới lưng áo, bằng môi và những chân râu vừa cạo của anh sát trên cổ, vụt tắt, tắt như ngọn đèn chói lóa chợt chiếu thẳng vào mắt, làm lẫn lộn ánh sáng và bóng tối, tắt mà vẫn sáng rực trong tâm hồn tôi vừa trững xuống như đêm, tôi bỗng cảm thấy trí óc sáng suốt một cách tuyệt vọng, sáng suốt mà không suy nghĩ được gì. Dòng sông đầy khói sương bên ngoài, vạch sơn trắng sâu dưới sân bay lên, quán quít trong đầu tôi. Quảng đường đi qua lúc buổi chiều, khoảng trời đục mù trên cao không phân biệt được giới hạn chiều cao chỗ nào, mưa và bóng tối đã nối liền trời và quăng không trên các nóc nhà và đỉnh cây. Một cái gì đã thoát ra khỏi tay chân tôi, mất như một ngày vừa hết, tôi không thể làm dừng lại những xúc động, không thể vui buồn như ý muốn, hai hàng nước mắt chảy trên má, Vinh hỏi tôi, em khóc đấy à? Tôi nói kỳ quá, em không nhin được. Anh thay quần áo cho tôi như trẻ con. Một cơn gió ulla mạnh vào trong phòng làm rớt chiếc ly không trên mặt bàn xuống sàn vỡ tan tành, mắt công nhật mảnh vụn, Vinh hôn tôi nồng nàn trên môi, để em thoa lại chút phấn đi anh, mình đi đâu bây giờ, đâu cũng được, tôi lấy chiếc phát trần quơ những mảnh thủy tinh vụn gói vào một gói giấy, để rồi vụt ra ngoài, trời vẫn mưa đều, gió lũng bùng quanh quán trong mấy bức tường bay lất phất những quần áo treo trên móc, vạch sơn trắng và ngọn đèn cháy trên dòng sông sương mù còn lờn vờn, mưa rào rạo trên mặt gỗ mấy cánh cửa sổ, đêm đã sâu, những ngọn đèn đường nhìn thấy thấp thoáng sau những hàng cây đen ngang tầm mắt. Thang máy có người dùng nên chúng tôi đi bằng lối cầu thang xuống phố. Vinh đưa tôi tới chiếc xe nhỏ kiểu thể thao có chụp mũi, mở cửa xe cho tôi vào, xe của ai thế, anh mượn của một người bạn,

anh mở máy xe ngã đầu hôn phớt trên má tôi trước khi cho xe chạy, mưa xối trên tóc, hai chiếc que gạt nước chạy đi chạy lại trên mặt kính trước mặt, tiếng nước bắn nghe rõ hai bên thành xe, mặt đường mưa rơi vỡ thành bụi trắng, hai người cảnh sát đội mũ mặc áo mưa tùm hụp đứng khuất vào căn nhà góc ngã tư nơi trụ đèn giao thông. Minh ra bờ sông ăn nhé, Vinh nói. Tôi nhắm mắt ngã đầu vào thành ghế và vai Vinh, em thèm ngủ quá, bờ sông hả anh, ở phải đó ra ngoài đó ngồi một lúc cho thoáng. Vinh bảo, em coi chừng ăn uống thất thường mất hết sức khỏe. Tôi nói, mỗi bữa phải đi ăn ngại quá. Đứa trẻ cầm một cái tàn lớn che cho chúng tôi đi vào trong quán. Trời mưa quán vắng, nhiều bàn bỏ trống, chúng tôi ngồi một bàn ở phía sát lan can, Vinh đề nghị tôi uống rượu, tôi nói phải đấy, tôi muốn được thoát khỏi mình, chiếc ly thủy tinh nhỏ trong suốt nước rượu đỏ và viên đá thả bên trong, mưa lấp kín mặt sông, chỗ này chúng tôi đã ngồi nhiều lần vào giờ nước lên và rút đi, những buổi chiều trời đẹp nước trong xanh hay lều bều rác rưởi, vỏ dừa, những con chuột chết bụng trương phình trôi dập dềnh mắc kẹt trong những sợi dây neo mấy chiếc thuyền làm quán ăn nổi bên cạnh, bãi bùn bắn thủ đầy những nút chai, vỏ hộp, những mảnh gạch vụn, đồ thừa thãi những thứ người ta không thể nào biết được nó là cái gì nữa, hớp rượu lúc đó có vị ngọt khác thường, hơi men bùng lên mặt và làm đỏ, tôi cầm chiếc thìa nhỏ vớt qua khe chiếc lan can sát xuống dòng sông, mưa vui kín không còn một dấu tích, một sự thỗn thức không thành từ lúc nghe câu nói đùa của Vinh vẫn còn muốn thức dậy, trí óc lảng đãng một điều gì muốn quên, muốn nhớ, đường sơn trắng bay lên, uốn mềm như một dải khăn, Vinh nói, ăn đi chứ em, dòng sông đen mờ hơi nước và ngọn đèn cháy sáng giữa khoảng không, em uống rượu nữa không, em muốn uống nhưng sợ lát say, cứ uống đi, anh đưa về, không đời nào đâu, em sẽ đi một mình, bữa cơm ngon, tôi ăn được nhiều hơn tôi tưởng nữa, Vinh nói có ngày vì lười em ăn cả chiếc ly uống nước của em nữa, tôi bảo em đói thật, buổi chiều em đã ăn mấy chiếc bánh rồi mà sao vẫn còn đói, một trận gió lớn tốc từ dưới sông lên làm bát đĩa rơi vỡ loảng xoảng, những người bồi cuống quýt chạy đi chạy lại để giữ, sự thay đổi bất chợt của thời tiết và tiếng rơi vỡ làm tôi thích thú, tôi muốn hát luôn ly rượu xuống đất, nhưng nghĩ đã vớt chiếc thìa xuống sông, nên không làm nữa. Vinh nói bão rút. Có lẽ cơn bão này đã làm mọi người nôn mửa trên chuyến máy bay anh vừa đi lúc chiều. Còn chiếc máy bay đâm xuống một khu rừng không tên, viên đá tan trong nước rượu lạnh buốt, còn chuyến phi cơ tôi đã ngồi nhìn xuống vùng biển xanh trong suốt, một cây thông đen mọc sừng trong đầu, tôi nói với Vinh, bữa nay em không nghĩ được gì rõ cả. Vinh bảo tôi, em nên nghỉ ít lâu đừng đi làm nữa, độ này em gầy quá đó. Tôi gầy quá đó là điều tôi cứ nghe nhắc hoài, tôi cứ gầy đi mãi sao, hai con mắt nhìn thấy trong gương buổi chiều bây giờ tôi thử nhớ lại, cái gạt tàn với những mẩu thuốc lạnh ngắt, tôi nói, sẽ có ngày em nhảy thử xuống cái sân sau của anh, em sẽ nhảy trúng cái vạch sơn làm đích. Vinh nhìn tôi cười bảo nhưng coi chừng vỡ mất cái đầu xinh đẹp em sẽ không còn cái gì để mà nghĩ bậy. Tôi nhìn sang bên kia sông, những tấm bảng quảng cáo lớn giờ trông thấy cũng mờ mờ, tôi hỏi Vinh, anh đã sang bên ấy chơi lần nào chưa? Vinh bảo chưa và anh bảo nếu em muốn sang chơi hôm nào anh đưa sang. Tôi nói em có việc gì đâu. Nghe nói ở bên đó có một nữ tu viện. Mưa vẫn không ngớt. Một chiếc đèn pha từ căn cứ hải quân chiếu sáng từng mảnh khu vườn căn nhà lớn phía hải cảng. Một chiếc tàu lớn đậu ở bến thấp đèn trên các cột và sau các cửa sổ, không nhìn thấy bóng người, những lá cờ nhỏ treo dọc theo các sợi dây vừa bị gió thổi vừa vì mưa lớn không còn thể phân biệt được màu sắc nên tôi trông như tất cả đều đen. Lúc ra xe tôi hơi choáng váng. Vinh bảo coi chừng em say thật đa. Tôi phải nói sẽ với Vinh, cái đầu em, anh dắt em đi. Ngồi trong xe quay kính kín như một chiếc hộp, tôi thèm được ngủ quá sức. Vinh vỗ vai tôi, về nhà hãy hay chứ. Tôi bảo Vinh, anh cho em điều thuốc đi. Vinh mở hộp xe kiểm thuốc và tôi tự làm lấy việc này, anh còn lái xe, tôi lấy thuốc, bật quẹt châm hút. Phở chỉ còn lại xe cộ và những quán cóc thấp thoáng người đứng ngồi.

Tôi chợt nhớ có lần Vinh bảo anh chỉ có một chỗ thôi, đó là đời sống, không có chỗ ấy thì không còn chỗ nào khác nữa. Thế còn chỗ của tôi, chỗ của tôi là chỗ nào đây, hai mi mắt nặng trĩu, nhưng tôi biết đêm nay tôi sẽ không ngủ được, anh có hút không em châm cho, Vinh nói ừ

châm cho anh một điếu. Tôi mời lửa cho anh, nghĩ đến những buổi chiều ở một mình trên căn gác. Chúng tôi trở về phòng, Vinh bảo, thôi đừng bật đèn, anh bước lại mở cửa sổ và chúng tôi bỏ quần áo trong thứ ánh sáng lờ mờ đó. Vinh nói cứ để cửa đêm ngủ cho mát, gió hắt theo những hạt nước nhỏ vào người nhưng cũng đủ làm tôi nổi gai vì rét, tôi nhào xuống giường cuộn tấm chăn len nhẹ lên mình, em lạnh quá. Vinh vẫn còn điếu thuốc trên môi nằm xuống bên cạnh, khung cửa sổ nhìn ngược hình như đảo lộn, nhưng có lẽ tại tôi say, những giọt nước lạnh rớt trên mặt, gió thổi mạnh, tôi nhìn thấy tấm vải dày phủ ngoài hốc tường làm tú treo quần áo bay tung hắt lên và reo phàn phật, tôi nói gió quá anh, Vinh dụi tắt điếu thuốc, anh phủ kín tôi và bàn tay anh dịu dàng sờ lên môi, trên cổ tôi, anh nói, xương vai em nhô cả ra đây này, chiều sâu, ngọn đèn, dòng sông, ly rượu, cùng một lúc nổi lên bình cùng với thân thể tôi, rồi mất tăm từng thứ và hiển hiện trở lại, vui buồn lẫn khuất trong đám sương, tôi nhầm lẫn tên gọi, một mặt trời nhỏ bây giờ sáng giữa thân thể, đốt cháy, phân chia mặt mũi và chân tay, tôi phải tách rời một cái tôi không thể tách rời, như thân thể, phần nào em dâng hiến cho anh, phần nào cho em, phần nào cho người đã chết? Mưa làm thành những tiếng rì rào đều đều chìm sâu thêm trí giác, sợi khói trắng bay ra khỏi đầu, tôi thở hụt từng hơi.

Trí não và chân tay duỗi ra sau cơn co rút, mùi tanh hăng người thấy cùng với sự buồn chán bắt đầu, đời sống ứa nhựa hay cái chết tự vắt mình, Vinh lau cho tôi, bụi mưa bám lấm tẩm trên cánh tay bỏ ngoài chăn và trên mặt, cảm giác còn tê cứng, những hạt nước lạnh buốt tôi đã nhận thấy từ lúc nãy nhưng trong một ý thức mù tịt tựa bị tràn qua một lớp mặt trắng. Mưa mau nhưng nhỏ hạt hơn, phố không còn tiếng động, Vinh ngủ dễ dàng có lẽ anh bị mệt vì chuyến bay buổi chiều. Anh ngủ để lát sẽ trở dậy, tôi biết, tôi lần nhẹ ra khỏi chăn, lấy thuốc hút. Gió lạnh quá, tôi phải ra khép cửa sổ lại. Đóm lửa và khói thuốc làm tôi đỡ rét. Đêm đen chẳng còn nhìn thấy gì bên dưới cái chiều sâu bên ngoài. Mọi xúc cảm, ý nghĩ trong tôi bây giờ cũng đã tắt cùng với ngọn đèn mơ tưởng nào. Tôi nhìn xuống da thịt mình trắng rợn trong đêm, ánh sáng đã thoát ra, hay đó chính là cái anh gọi là đời sống? Đời sống có từ thân thể của chính mình hay là những người ngồi lê la trong mấy cái quán cóc. Tôi lấy áo mặc, ngồi xuống ghé hút hết điếu thuốc rồi trở lại giường nằm. Miệng khô mới nhớ thêm uống nước, nhưng lười tôi không muốn bò dậy nữa. Vinh nuốt nước miếng tọt tẹt, tôi bắt chước làm như anh cho đỡ khát. Tôi nghĩ, không gì buồn thảm bằng lần mò làm những công việc nhỏ nhặt trong tối và nghĩ về điều đó. Tìm một bao diêm, nhặt một cái áo treo lên móc, quơ tay tìm một cái tách để uống nước, những cử động đó có khi làm xong rồi ngồi xuống ghé hay lên giường nằm tôi lại tưởng như còn thấy chính mình đang mò mẫm đi tìm những thứ khác nữa. Tưởng tượng mạnh và rõ ràng đến nỗi có nhiều khi đã làm tôi hoảng sợ. Những lúc đó tôi muốn chết, cái chết nhẹ nhàng như tiếng chết tôi muốn la lên một mình, nhưng nó chỉ lí nhí, lúng búng trong cổ họng, tôi trở dậy đóng cửa sổ hay mở ra, làm một cử chỉ gì đó, kiếm một viên thuốc uống, đi lại trong phòng và chính lúc đó, tôi lại nhìn thấy tôi nằm trần trọc trên giường. Dĩ nhiên đó chỉ là những ảo tưởng. Ba mươi năm sống của tôi càng ngày càng nhiều ảo tưởng. Nhiều đến nỗi tôi không thể phân biệt cái nào cũ, cái nào mới, cái nào mất đi hay trở lại, ảo tưởng là cái gì tôi nhìn thấy, sờ thấy hay những cái đã biến đi, những cái hoàn toàn do tôi tưởng tượng, cái chết của chồng tôi và nỗi ám ảnh của tôi về anh cũng là ảo tưởng, như những ngày anh đã sống thật với tôi, tôi còn nhớ, ảo tưởng là tú áo của tôi xếp đều trong ô kính và xếp đều trong trí nhớ, anh đã sống và chết bên cái tú áo ấy, ảo tưởng là những chiếc áo tôi mặc mỗi ngày, Vinh thức giấc. Anh sờ trên người tôi và hỏi em mặc áo rồi à? Tôi thấy ngứa ngáy trong cổ và ho mấy tiếng. Vinh nói, coi chừng em bị cảm đấy. Tôi bảo, em chưa ngủ được tí nào. Vinh nói, anh mệt quá. Trong hơi thở của anh còn mùi rượu, có lẽ mùi rượu ở trong mũi tôi không chùng, tôi hỏi anh còn say không, Vinh nói, anh đâu có say. Anh đi lần này có gì lạ không? Thì cũng vẫn thế, súng đạn, tàu bay, tàu bò, và người chết. Anh không muốn đổi nghề à? Đổi làm gì chứ? Và lại làm gì ra tiền nhiều hơn? Tôi nói, cái may đâu có đến với mình mãi. Bàn tay Vinh làm tôi ham muốn trở lại, anh nói, biết đâu, trận đánh nào cũng vẫn có người sống sót. Em đổi hiệu sấp môi rồi à? Anh người thấy mùi khác à? Đêm chẳng còn bao lâu, có lẽ đã ba, bốn giờ. Mai thứ mấy anh nhỉ? Thứ

Bảy. Thứ Bảy à. Thế thì tốt. Buổi chiều được nghỉ tha hồ ngủ trưa. Mưa ngớt. Bóng tối ngoài cửa sổ bắt đầu loãng bốt màu đen. Đời sống dễ dàng nhất là lúc chẳng có gì để giữ. Mình có thể nhắm nháp và thụ hưởng từng giây phút của đời mình. Vinh lùa tay vào tóc tôi, anh hôn và dò đón để cùng chung phút cuối cùng. Hai môi tôi lạnh ngắt. Một hơi gió hết sức nhẹ thổi lùa trên mặt nhưng cũng làm tôi rùng hết cả mình, hơi gió như một làn nước mỏng tràn đầy ngũ quan và chìm sâu tôi xuống mãi. Giấc ngủ sau đó không còn mộng mị.

Tôi cảm thấy mỗi một cách dễ chịu, buổi sáng, lúc thức giấc. Chúng tôi rửa mặt, đánh răng và pha cà phê uống ở nhà trước khi đi làm. Vinh hẹn sẽ đón tôi buổi trưa. Tôi nghĩ, thực ra, tình yêu có lẽ chỉ có một cách chứng tỏ. Trời sáng trong nhưng chưa có một tia nắng nào. Những ngọn cây nhìn thấy trên hai bên lề đường dưới phố, xanh mượt sau một đêm mưa. Ở một vài chỗ còn những đám sương mỏng như khói thuốc. Xe cộ chạy ì ầm ngoài lộ, những âm thanh đó khua động trong tôi một vài điều gì rõ ràng, nhưng tôi tự nhủ, nghĩ làm chi cho mệt. Cái bóng đen của ngọn đèn đã tắt. Em có muốn lấy thêm đường không? Anh cho em một thìa nhỏ thôi. Nó đã chìm, đã khuất, đã tắt, nhưng tôi biết là nó vẫn còn. Sao độ này em hay chọn những màu áo già dử vậy? Những mảnh vụn của hạt cà phê nhìn thấy dưới đáy cốc khi chất nước đen đã được nuốt dần. Có lẽ chính những hạt bụi nhỏ đó đã làm tôi nhiều đêm mất ngủ. Nhưng những viên thuốc màu hồng, màu trắng, màu xanh đã giúp tôi ngủ, nếu tôi muốn và cả hai thứ đã làm tôi mệt như nhau và trí óc có nhiều hôm không còn đủ sáng suốt để làm một việc gì, buổi sáng đi làm cần mang theo áo mưa xuống đến đường tôi mới biết tôi cầm theo cái hộp đựng giày, tôi tự hỏi cầm giày đi làm chi vậy, và lại phải leo lên phòng đổi lấy chiếc áo, buổi trưa hết giờ làm đi về gần tới nhà tôi lại phải trở lại lấy chiếc áo để quên trên móc ở sở sợ buổi chiều mưa vào lúc đi làm lại không có áo mặc. Tôi hút thuốc để quên hai cái trò chơi quái ác đó, và mỗi ngày một lần phải rửa hai ngón tay bằng chanh cho khỏi vàng. Trò chơi? Thì cái gì chẳng trò chơi. Chúng tôi đóng cửa xuống đường, Vinh đưa tôi đến sở trước khi anh đến sở anh. Người bạn ở sở hỏi tôi, chồng chị đấy à? Tôi nói không. Tôi làm việc buổi sáng không nhằm lẫn chi hết.

Lúc mười một giờ một người bạn Mỹ, khách quen của cơ quan tôi làm việc, mời tôi ra phố ăn sáng. Tôi đi với ông ta. Ở trong quán chúng tôi mỗi người đều mua báo đọc. Có lúc ông ta hỏi tôi nghĩ thế nào về cuộc chiến tranh này. Tôi cười bảo, sao ông lại đem hỏi tôi điều mà tôi không thể nào trả lời được ấy? Ông ta cũng cười nói, dầu sao thì bà cũng đã chứng kiến từ mấy chục năm nay rồi mà. Tôi nói, thực ra nếu có một điều đáng nghĩ tới thì đó là chính những người đã chết. Ông ta hỏi, bà có bi quan quá không? Tôi nói, có nhiều lúc sự phán đoán hay ý kiến của mình chẳng có nghĩa gì. Tôi không hề muốn chồng tôi chết, anh ấy vẫn chết như thường. Tôi cũng nghe nói. Ông cũng biết tôi bị góa sao? Vâng, một vài người bạn của bà cho tôi hay. Ông hỏi thăm về tôi làm gì vậy? Ông ta bảo, nói ra thì cũng hơi kỳ, nhưng tôi đã... hỏi dò họ, vì tôi có một điều muốn đề nghị với bà. Giọng nói ngập ngừng của ông khiến tôi đã đoán được điều ông muốn nói với tôi, nhưng dầu sao thì đó chỉ là dự đoán, cần phải nghe chính ông ta nói mới biết được. Ông ta nhìn thẳng vào mặt tôi và nói rằng ông rất có cảm tình với tôi, cha mẹ ông có một trang trại khá lớn ở bên Mỹ, chắc chắn sau này phần gia tài sẽ được trao lại cho ông, vì ông là con một, và chính ông, ông cũng để dành được khá nhiều tiền, mặc dù ông bị bệnh dạ dày nhưng với số lương kỹ sư ông có thể chữa chạy mà không sợ thiếu thốn, và sau cùng ông hỏi tôi, nếu tôi nhận lời, ông xin cưới tôi và cả hai sẽ đi về Mỹ.

Đề nghị của ông làm tôi buồn cười quá, và tôi không nhịn cười được, tôi nói, tôi không ngờ lại có thể có một đề nghị như thế giữa tôi và ông, hình ảnh Vinh rờ máy cho xe chạy buổi sáng khi anh đã mở cửa cho tôi xuống trước sở hiện đến rõ ràng trong óc, tôi không chuẩn bị một tình cảm nào để có thể đền đáp lòng tốt của ông, có lẽ tôi dùng chữ lòng tốt không đúng đâu, nhưng tôi không tìm được chữ nào khác, nhưng ông hãy khoan cho tôi về cuộc “viện trợ” này, tôi có ý nói đùa với ông ta về hai tiếng “viện trợ” và ông cười với tôi. Tôi cũng hỏi ông, ông có nghĩ là điều ông nói với tôi giá xảy ra ở một nơi nào khác là nước Việt Nam hiện nay thì ý nghĩa của nó

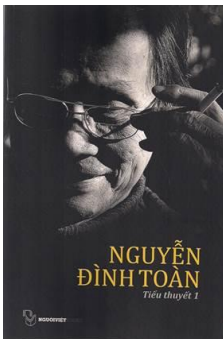
có thể khác đi không? Ông nói, ông hiểu luân lý của người Việt Nam, ông biết sự khó khăn của một người đàn bà Á châu có chồng là người da trắng, nhưng ông hứa ông sẽ xin đền bù, ông tin rằng nếu có tiền người ta cũng sẽ sống được một sống được một cách dễ chịu. Tôi nói, không chừng ông chưa hiểu rõ chúng tôi lắm đâu. Ông cười bảo, bà có thể tin là tôi xin hỏi cưới bà một phần cũng chính vì cái vẻ bí mật tôi không thể nào hiểu được đó. Ông khen tôi đẹp, khen các thành phố Việt Nam đẹp, những con đường Sài Gòn có trồng cây hai bên đường là một điều lạ lùng đầy thú vị đối với ông. Ở bên Mỹ, trong các thành phố, phần lớn người ta chỉ nhìn thấy xi măng, mặt nhựa, khó nhìn thấy bóng cây và đất cát, muốn nhìn thấy những thứ đó người ta phải đi ra ngoại ô. Nói tới ngoại ô, ông nói luôn tới những buổi đi ăn ngoài trời, ông nói, ông biết một nơi câu cá, một chỗ trượt tuyết và nhiều chỗ leo núi rất thích, ông cũng nói nếu có tôi bên cạnh để cùng sống những cảnh ấy thì thật là tuyệt, đối với ông tôi giống như một khu phố có trồng cây, lạ lắm. Tôi cười bảo, ông mơ mộng chi dữ vậy. Ông nói, hình như người ta nghi ngờ người Mỹ chúng tôi chỉ thiếu có điều ấy.

Đã đến lúc tôi phải nói rõ cho ông ta biết, chính chúng tôi, chúng tôi cũng còn thiếu điều đó, chúng tôi còn cần phải có nhiều hơn nữa để sống, để chấp nhận đời sống của mình, một đời sống khác hẳn đời sống của bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, chút mơ mộng hay kỳ lạ cuối cùng còn lại đó, chúng tôi không thể đem đổi cho ai để lấy bất cứ một thứ gì, ông đã ở đây, ông đã nhìn thấy chúng tôi sống và chết ra sao rồi mà, nếu không còn cái chút gì đó thì chúng tôi còn cái gì cơ chứ? Ông ta có vẻ hoảng sợ khi nghe tôi nói một hơi dài như thế, có lẽ ông không nghe kịp lời tôi, vì chúng tôi dùng một thứ tiếng thứ ba là tiếng Pháp. Ông không thấy điều ấy khôi hài sao? Có thể tôi đã nói sai tất cả những điều tôi muốn nói với ông từ nãy, thế mà chết là lại nói đến một việc kết hợp đời đời? Ông nói nếu tôi không muốn trở về Mỹ, ông có thể ở lại Việt Nam với tôi, chúng tôi sẽ lập nghiệp ở đây. Tôi nói làm thế nào tôi có thể thay được quê hương cho ông? Vả lại lập nghiệp hay là những trong gì có nghĩa lâu bền tương tự đã làm chúng tôi sợ, người ta không thể sống mà không nghĩ trước đến tương lai, nhưng tương lai chính là điều chúng tôi sợ nhất. Bà nói cho bà hay bà nói cho ai thế? Tôi không biết, tôi nói điều tôi cảm thấy, có lẽ tôi cũng nói ít nhất là cho một người đã chết. Có lẽ tôi không thể hiểu được bà thực đấy. Điều ấy cũng chỉ có nghĩa ngang hàng như tôi nói có lẽ tôi hiểu ông. Ông lộ vẻ buồn rầu và bảo, như thế tôi không còn hy vọng gì sao? Ông nhầm đó, ông không hy vọng gì cả, nếu ông muốn lấy một người đàn bà Việt Nam, bây giờ, ông biết rõ là không khó khăn gì mà. Sự khó khăn của tôi là bà chứ không phải người khác, ông ta nói. Tôi cảm thấy hơi nóng ở đầu, giấc ngủ thiếu đêm qua làm tôi bắt đầu khó chịu, tôi nói vậy thì sự khó khăn là sự khó khăn có sẵn ở trong tôi và ở trong ông, không phải ở bên ngoài. Làm thế nào có thể dàn xếp được. Ông nói, nếu bà có thiện chí, nghĩa là, tôi muốn nói, bà không thờ ơ lắm với đề nghị của tôi, chúng ta có thể giải quyết được chứ. Tôi nói, giả thử bây giờ tôi chết đi, ông còn ở lại đất này không? Ông ta trả lời không cần suy nghĩ, dĩ nhiên không, tôi không thể làm cái việc vô lý là đổi tất cả để chẳng lấy gì hết. Vậy thì cả ông, cả tôi đều thay đổi, chúng ta có thể thay thế quyết định và chết, nhưng có một cái không thể thay đổi là quê hương của ông và quê hương của tôi. Làm thế nào chúng ta có thể gắn liền hai sự khác biệt đó. Tôi cho rằng bà nghĩ xa quá, dầu thế nào thì chúng ta cũng chỉ có một đời này để sống. Ông nói đúng đó, vậy tìm cách ra khỏi cái số phận của mình để làm gì? Tóm lại, bà không cho điều tôi muốn nói với bà là quan trọng sao? Tôi phải đắn đo hơn đối với ông từ lúc này, ông thấy rõ những lời chúng ta nói với nhau từ nãy đủ chứng tỏ tôi không hề nghĩ như thế.

Tôi tìm một câu nói đùa với ông ta cho không khí bớt trầm trọng đi, ông có khi nào nghĩ rằng bất cứ một người đàn bà nào lấy chồng đã có ý nghĩ như là lấy một người ngoại quốc rồi không? Ông có vẻ không bằng lòng câu nói đùa này của tôi nhưng dầu sao tôi cũng thấy ông mỉm cười với tôi và nói, hay bà cho là tôi đã nói ra điều ấy quá sớm, nghĩa là, quá đột ngột? Tôi lấy thuốc trong sắc châm hút và bảo, ông thấy tôi hút thuốc lá trước mặt mọi người thế này, đó cũng là điều đáng coi là lạ đối với một người đàn bà Việt Nam, song vì tôi thích thì tôi cứ hút, tôi

làm việc gì tôi thích, tôi cũng đã gặp và phải chịu nhiều sự bất ngờ, cái chết của chồng tôi có phải cũng là sự bất ngờ, bữa ăn sáng ông mời tôi đây không bất ngờ sao, tôi có cho thế là ông thiếu ... chuẩn bị đâu. Giọng ông ta có vẻ dịu dàng, vậy bà chỉ có hai cách trả lời. Và tôi mong được trả lời một cách dứt khoát. Tôi là một người Mỹ. Tôi cũng cười với ông và không phải là tôi không cảm động, tôi nói, nhưng ông hẳn biết là còn một cách trả lời thứ ba nữa đó là tôi không trả lời câu hỏi của ông. Ông khen tôi khôn ngoan, ông cũng nói ông mong rằng tôi sẽ đổi ý kiến, và cho đến ngày nào ông còn ở lại Việt Nam tôi có thể báo tin mừng cho ông, song ông lại nói thêm rằng, dù sao thì câu trả lời của tôi cũng đã quá rõ ràng, vậy sau này, ông về Mỹ, nếu có dịp hân hữu nào tôi qua bên ấy đừng quên ghé thăm trại của ông. Về điều này, tôi nói một cách vui vẻ, nếu có cơ hội như thế, thế nào tôi cũng ghé thăm ông. Tôi cũng nói với ông về những trại chăn nuôi và những đồng cỏ vẫn được xem trong các phim Western, và tôi vẫn thường ao ước được thấy tận mắt một lần những cảnh ấy. Khi đó ông sẽ dạy tôi cưỡi ngựa chứ? Ông nói, tôi sẽ biếu bà con ngựa đẹp nhất của trại tôi để bà mang về Việt Nam. Tôi nói, chỉ sợ khi tôi sang đến đó cả ông lẫn tôi đều không nhận ra nhau nữa vì đã đầu tóc trắng xóa cả. Ông nói, người Mỹ có thể lên mặt trắng thì quãng đường từ đây về đến nông trại của tôi chỉ bằng một giấc ngủ trưa thôi. Tôi nói đùa thêm với ông một câu nữa, thế ông không nghĩ là lúc thức dậy thì tôi đã xế chiều rồi à? Chúng tôi cùng cười với nhau và sau đó ông đưa tôi về sở.

## Không gần, sao vẫn thấy thân Nam Dao



Gặp Nguyễn Đình Toàn được bao nhiêu lần nhỉ? Chắc 2, nhiều lắm là 3! Và lần nào cũng gặp chốn bạn bè, nào đã nói gì riêng tư đâu. Chỉ nhìn. Nhìn để cảm, và cảm là thứ trực giác vượt lên trên ngôn từ. Lần nào cũng thế, anh trầm lắng, cười mỉm, hình như cứ chực rút vào những chốn của anh, của riêng anh mà thôi. Thế là sau cái bắt tay, câu chào, tôi chỉ biết bạn của bạn, chắc là bạn tôi. Bạn ở cái nghĩa không phải đàn đúm, zô 100%, zô đi, zô nghe ! Mới đây qua Cali, hỏi thì biết anh không khoẻ, chị cũng không khoẻ, và đành thôi thì thôi, để mặc mây trôi, muốn mà không dám đến thăm, sợ phiền.

Không thăm, nhưng nhớ anh, một nghệ sĩ đa năng, tài hoa. Viết từ năm 14 tuổi, anh đã cho xuất bản đâu 10 cuốn tiểu thuyết. Mới đây, Người Việt

Books in lại :

Tiểu thuyết 1: gồm – Áo Mơ Phai, Con Đường, Tro Than.

Tiểu thuyết 2: gồm – Đồng Cỏ, Giờ Ra Chơi, Ngày Tháng.

Ngoài tập Đồng Cỏ viết sau 1975, xuất bản lần thứ nhất tại Úc, 1994, còn lại những truyện khác đều viết trước 1975. Truyện dài Áo Mơ Phai được giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, Việt Nam Cộng Hòa, 1973.

Còn Truyện Ngắn, khá nhiều. Khi tôi hỏi, anh bảo cái “ ồ” cứng chứa truyện của anh đâu mất, gửi cho 1 truyện mà một người thân “gửi lại” cho anh. Truyện kể một cô giáo được (bị ?) cậu học trò yêu, rình ròi vò trong “vòng tay học trò”, nếu dưới ngòi bút Nguyễn thị Hoàng thì ...chẳng biết ra sao ? Nhưng Toàn khác, cho cô giáo vùng vẫy, và thoát, lại “... chỉ nhìn thấy khuôn mặt trẻ thơ của hắn rần rụa nước mắt, lẫn với những vết xước, một khuôn mặt vừa khốn khổ vừa sáng chói hân hoan.”. Đã xong chưa ? Chưa, cô giáo sáng hôm sau về Sài Gòn với một đồng nghiệp mà tối trước cô đứng đưng khi anh chàng ba lơn tán tỉnh, xin ở trọ, và sau trôi giạt về đâu thì chẳng ai biết !

Đoạn kết này đầy tính “hiện sinh”, bài của huyvespa dưới đây nêu bật những cái bức bách, bế tắc của cuộc nhân sinh đầy bất hạnh.

Thơ Toàn. Kịch thơ với Khúc Ca Phạm Thái rất tiền chiến, âm hưởng có chút Tượng Trưng kiểu nhóm Dạ Đài với Trần Dần, Đinh Hùng, Huyền Kiều... nhưng nhóm này rồi chết khá yếu. Giai đoạn sau, thơ Toàn khác, và ta xót xa như Đinh Quang Anh Thái với bài thơ Toàn đọc khi đi ngang nơi Đỗ Ngọc Yến trụ ở chốn vĩnh hằng !

Còn nhạc, ô hô, tôi là kẻ ngoại đạo, nhưng tin nhạc là hình thái nghệ thuật cao nhất đánh động tới tâm linh. Toàn gửi cho 4 files nhạc anh làm, tôi định chuyển lên amvc hầu bạn đọc, nhưng dốt "computer" nên tôi chịu, loay hoay mãi mà không được. Chắc phải nhờ ông bạn họ Phan tài ba thôi ! Tôi chỉ liệt kê một số bài, và xin nhắc Khánh Ly hát Nguyễn Đình Toàn rất hay, hình như có ra 1 CD chắc cũng đã lâu.

Anh Toàn quý mến, chúng ta không gần, nhưng anh cho phép nói, tôi vẫn thấy cứ thân. Có lẽ vì anh là nhà văn nhiều day dứt trần trở với cuộc đời. Có lẽ vì anh là nhà thơ vẫn trữ tình tuy hoàn toàn ý thức "nó là cái chi chi". Có lẽ vì anh cô đơn. Như tôi, thế thôi. Chắc vậy !

## Vũ Hữu Định

Rất nhiều người yêu bài thơ Còn Một Chút Gì Để Nhớ của Vũ Hữu Định, vì được nghe qua nhạc Phạm Duy. Nghe rồi mới đọc.

Nhiều khi cũng không phải là đọc nữa. Người ta nghe và thuộc lời ca của bản nhạc, từ đó nhớ lại rồi khám phá ra cái hay của bài thơ, cái hay của từng chữ trong bài thơ.

Trước khi có bài thơ của Vũ Hữu Định, không biết có bao nhiêu người đã ước ao được đến Pleiku. Nhưng sau khi bài thơ được phổ nhạc và hát lên, số người muốn được đặt chân, được nhìn thấy tận mắt cái phố núi ấy, không thua gì số người muốn nhìn thấy Thôn Vỹ Dạ vì đọc thơ Hàn Mặc Tử.

Có lẽ người nào đó đã nói đúng khi cho rằng, một thành phố dù đẹp đến đâu, nếu chưa được đưa vào văn thơ, âm nhạc, hội họa... cũng kể như nó chưa có linh hồn vậy.

Và một tác phẩm hiện hữu hay tồn tại được hình như cũng có những cơ duyên của nó.

Phạm Duy cho biết, ông gặp Vũ Hữu Định ở Pleiku trong một chuyến đi tìm cảm hứng cho cuộc sống của riêng ông và nhất là tìm hiểu tâm trạng những nhà thơ trẻ, đại đa số khi ấy đang đi lính hay đang trốn lính.

Phạm Duy cho biết ông đã chọn và phổ nhạc bài thơ của Vũ Hữu Định không thêm bớt một chữ nào. Ông cũng giữ nguyên vẹn cấu trúc [structure] cũng như vận tiết [prosodie] của bài thơ. Ông chỉ dùng một thanh âm có bán cung của dân ca Jarai hay Bahmar để gợi cái không khí cao nguyên và một chuyển giọng [tonalité] ở đoạn cuối để cho bài ca có thêm màu sắc.

Ca khúc Còn Một Chút Gì Để Nhớ thành công thế nào mọi người đã biết. Có thể nói, không một ca sĩ tên tuổi nào của chúng ta khi ấy lại không có lần trình bày bài hát này.

Và, nghe rồi, người ta hẳn cũng có lúc tự hỏi, nếu không có nhạc của Phạm Duy, liệu bài thơ có thể phổ biến mau chóng và rộng rãi như vậy chăng?

Câu hỏi ấy, dù có bao nhiêu câu trả lời cũng không ích gì.

Ta có một bài thơ hay rồi lại có một bài hát hay, đó chưa đủ là một điều thích thú sao?

Thắc mắc nữa mà chi ?

Đọc bạn bè và những người quen biết kể lại cách sống, những cuộc gặp gỡ của họ với Vũ Hữu Định, người ta luôn cảm thấy một nỗi vui buồn lẫn lộn, một cái gì đó hình như quá đỗi, làm rộn người.

Chỉ sau này, trong một bữa nhậu trên sân trời một căn gác với bạn bè, Vũ Hữu Định cầm ly rượu của mình, không biết say tới cỡ nào, bước ra khỏi hàng lan can của cái sân trời, rớt xuống đất và chết tại chỗ, người ta mới biết, hình như cái chết kinh khủng của Vũ Hữu Định đã được báo trước?

Đình Trầm Ca hiện còn ở trong nước, đã viết về Vũ Hữu Định [trên báo Khởi Hành số 96, tháng 10, 2004] như sau :

“ Tôi chưa được lần nào diện kiến chị Vân, vợ anh. Nhưng qua Đoàn Huy Giao kể, tôi rất kính trọng chị ấy. Tôi cảm nhận chị ngang hàng với bà Tú Xương. Sinh tiền Vũ Hữu Định chẳng làm được gì cho gia đình. Anh như một cuồng sĩ lang thang, phiêu bạt. Nghe nói chị vất vả lắm để nuôi mẹ anh, một bà mẹ đã ‘lẩn’ và tật bệnh cùng một đàn con. Ngày xưa tôi không ưa anh lắm vì những điều này. Tôi vốn khắc nghiệt. Tôi không thích những người vô trách nhiệm, thiếu bổn phận... Hai mươi năm nay, tôi lại giống anh lúc trước, tôi mới hiểu được và thương anh hơn! Khi tôi hiểu được thì không còn Định, để mời một chén rượu cảm thông. Tôi không còn nghĩ anh là người ham danh, hay nhẹ nhàng hơn, có chút ưu ái hơn, như các bạn tôi rằng, anh là người say đắm thơ rượu. Tôi biết rằng những tháng năm đen tối, đời anh không nhờ thơ, rượu thì con người anh sẽ ra sao? Và cuối cùng thơ và rượu đã cứu rỗi anh.

*Cũng có khi nào anh trở lại  
Mai đây, mốt nọ biết đâu chừng  
Và có một lời anh sẽ nói  
Giữ gìn nhau một chút hồn chung  
Tới đây thấy lúa vàng đang chín  
Đứng lại nhìn thôn xa khói bay  
Không biết nhà ai đâu nấu rượu  
Thoang thoang hương mùa đã muốn say*

Anh đã mất 17 năm tròn. Nhưng anh cũng vừa trở lại với chúng ta bằng tập thơ ‘Còn Chút Gì Để Nhớ’. Trong thơ anh, tôi đã nhìn thấy rõ anh hơn những ngày tháng giang hồ lang bạt. Tôi thấy anh quần quai khổ đau. Tôi thấy cả tấm lòng anh đầy ấp yêu thương gia đình, vợ con. Thơ anh nhân ái, cao cả mà hồn anh thì ray rứt, ngậm ngùi”. Nhân ngày giỗ đầu Vũ Hữu Định, A Khuê đã có một bài thơ khóc bạn và Trần Quang Lộc một người bạn khác của Vũ Hữu Định, đã phổ nhạc thành ca khúc Mộ Trắng.

*Đêm không trăng mở ngực chơi  
Giữa tuyết cùng  
Sương hoa đỏ  
Linh hồn linh hồn ơi  
Một bước chân vu  
Đi ngất ngất đi lạng lẽ trong đêm dài  
Đêm không trăng  
Cửa phố núi cao  
Em Pleiku má đỏ môi hồng  
Có thật đã ngủ yên  
Trên ngọn núi cao kia  
Trong bóng tối ôi lạnh quá đôi chân trần*

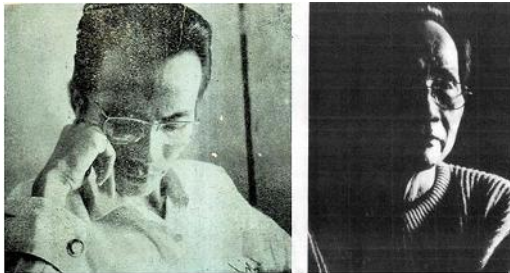
Độc giả, thính giả, được đọc, được nghe một bài thơ, một bài hát hay, thường thắc mắc tự hỏi, không biết những sáng tác khác của các tác giả ấy ra sao?

Đó cũng là điều người ta muốn biết về Vũ Hữu Định.

Trước 75 Vũ Hữu Định có nhiều thơ đăng trên báo chí ở Sài Gòn, nhưng chưa có một tập thơ nào được in thành sách. Và cũng có thể nói rằng, ngoài bài thơ Còn Một Chút Gì Để Nhớ, không thấy một bài thơ nào khác của Vũ Hữu Định được độc giả nhắc nhở, truyền tụng. Dù thế nào, chỉ căn cứ vào những bài thơ đăng báo để nói về thơ của một người, không thể tránh được thiếu sót. Nhất là trường hợp Vũ Hữu Định.

Sau tập Còn Một Chút Gì Để Nhớ vừa được bằng hữu của ông ở trong nước góp công sức xuất bản, người ta mới được biết Vũ Hữu Định còn nhiều tập thơ khác nữa, chưa biết lúc nào mới in ra được. Dưới đây là bài thơ Đứng Giữa Đòng Không trích trong tập Còn Một Chút Gì Để Nhớ của Vũ Hữu Định :

*một bầy sáo nhỏ qua sông  
một em tôi đã cầm lòng đi xa  
như con sông nhỏ thật thà  
sớm hiu hắt tạnh, chiều sa mưa nguồn  
một bầy sáo đã đi luôn  
một em tôi đã để buồn lại đây  
con chim quyen đã lạc bầy  
xuống sông vọc nước đợi ngày xé ngang  
một bầy sáo nhỏ bay hoang  
một em tôi đã bỏ làng đi xa  
tôi ngu ngơ giữa chiều tà  
em đi để lại mình ta giữa đòng*



Nguyễn Đình Toàn  
trái: photo by Trần Cao Lĩnh;  
phải: photo by Nguyễn Ngọc Dung,  
con gái nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm

## Chị em Hải (góp nhặt)

Có lẽ Nguyễn Đình Toàn viết khá sớm từ những ngày niên thiếu ở Hà Nội, cũng lập bút nhóm và chọn bút hiệu ban đầu là Tô Hà Vân. Khi di cư vào Nam, thời gian ban đầu, Nguyễn Đình Toàn sống chung với gia đình Nhật Tiến. Không có tiền mua giấy trắng, những trang bản thảo đầu tiên của Nguyễn Đình Toàn đã được viết trên mặt sau của các bản tin VN Thông Tấn Xã phé thải. Khi bắt đầu có tác phẩm xuất bản, Toàn quyết định lấy tên thật làm bút hiệu.

Chị Em Hải là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Đình Toàn, ít được nhắc tới nhưng đã mang ngay dấu ấn văn phong của Con Đường Nguyễn Đình Toàn xuyên suốt qua các tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Toàn sau này. Bản thảo Chị Em Hải, được ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc chuyển tới nhà báo Phạm Xuân Ninh rồi tới tay nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến, tác giả Khói Sóng, lúc đó đang là tổng thư ký nhật báo Tự Do. Như Phong nhìn ngay được viên ngọc ẩn thạch, nhận ra văn tài của Nguyễn Đình Toàn nên đã đề cơ sở báo chí Tự Do xuất bản ngay cuốn sách này cùng với cuốn Thử Lửa của Thảo Trường [tiền thân của bút danh Thảo Trường sau này]. Cùng năm sinh 1936, với hai tác phẩm đầu tay, Nguyễn Đình Toàn và Thảo Trường đều mau chóng trở thành hai tên tuổi văn học của Miền Nam.

## Thơ Phùng Cung

Tuy được in chung trong tuyển tập truyện ngắn, nhưng “Trăng Ngục” của Phùng Cung là một phần riêng biệt. Có thể coi “Trăng Ngục” như tập nhật ký trong tù của Phùng Cung. Một tập nhật ký không đề ngày tháng.

Những người từng bị ở tù cộng sản rồi, ở tù mà không biết vì sao, không xét xử, không án lệnh, không biết bao giờ được tha, sẽ hiểu rằng sau một năm, hai năm, và càng lâu hơn, người ta càng không còn để ý hay biết đến ngày tháng nữa. Người ta tồn tại chứ không còn sống nữa. Và tồn tại trong những điều kiện gần như không một con vật nào chịu đựng nổi chẳng hạn chỉ làm chứ không được ăn, đừng nói đến những cái khác.

Dấu hiệu duy nhất để người ta biết chắc mình còn sống trong những ngày địa ngục ấy là người ta còn suy nghĩ được.

Thơ của Phùng Cung là những điều ông suy nghĩ trong những ngày như thế. Những ngày như thế là một chuỗi trắng, một cái khuôn, hay dùng chữ của Ôn Như Hầu cái “lò cừ” [lò cừ nung nấu sự đời] không cần ghi dấu.

Trong bài “Vay Nóng”, Phùng Cung viết:

Đất nước tôi  
Triền miên bất hạnh  
Tụi mặt dày - tay bản  
Tim rắn - lời cừu  
Văn hóa lớp hai  
Điều hành cuộc sống  
Tránh làm sao  
Khỏi nát ngọc nhân quyền  
Nhân danh một nạn nhân  
Đứng giữa mệnh mông  
Cùm lim - rào kẽm  
Khẩn cổ - chìa tay  
Khẩn xin những quốc gia  
Văn minh - từ thiện  
Cho dân Việt Nam tôi  
Vay nóng chút dân quyền

“Vay nóng”? Lâu lắm người ta mới được đọc, mới được nghe lại hai cái từ buồn bã đó. Vay nóng. Vay xấu. Vì cần thiết quá. Tự mình không còn biết kiếm ở đâu ra nữa. Vay cũng hàm ý là sẽ trả. Trông cậy vào đâu để trả chỉ có người vay biết.

Thật tàn nhẫn khi đọc những lời như thế, viết trong những hoàn cảnh như thế, mà người ta lại muốn nó phải hay, phải văn chương, phải có ý mới, hình tượng mới, ngôn ngữ mới...

Đáng lẽ vấn đề chỉ nên được nêu ra là: làm thế nào con người có thể sống được, tồn tại được trong hoàn cảnh như thế?

Thơ cứu rồi người ta chẳng?

Trước mắt trẻ thơ, mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ

Càng tối đen càng nhìn rõ xa/xanh

Mắt phàm tục đăm đăm vương chút lệ  
Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người  
Hỡi biển cả  
Diện tuy rộng nhưng thiếu những giác quan cần thiết  
Lòng tuy xanh - sâu  
Xanh sâu đầy mặn chát  
Bỏ mắt mênh mông, chuốc lấy ồn ào  
Tự thoả túng - cái thói hư nộ cuồng sóng vỗ  
Trống trải bơ vơ, chiều quả phụ  
Bình minh vô vọng phương mờ  
Ôi! Bao yên lặng thanh cao  
Đều chìm lặn trong thét gào man rợ  
Thì nhắm mắt, bưng tai  
Nhưng phải đâu khiếp sợ  
Chỉ điếc đui vừa đủ, để làm ngơ  
Ai cho phép người tự dành phần hương hỏa nhỏ to  
Một giọt nước  
Vấn tình nguyện tách đôi  
Để cùng thấy rõ  
Vây dẫu vô cùng lớn lao gì đó  
Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa  
Vớì vô cùng bé nhỏ mà thôi!

Điều khiến người đọc rùng mình khiếp sợ tự hỏi, thế những người vợ, những đứa con, người ta đi công tác vài ba năm, có khi dăm bảy năm mới được phép về thăm nhà một lần/ để lại/ đâu/ không thấy nhà thơ nhắc đến nhỉ?

Tổ quốc, quê hương, ý nghĩa cuộc đời là những điều to lớn đã chiếm hết tâm trí người ta hay sự thực là người ta phải quên những điều nhỏ bé kia đi mới sống nổi?

Tổ quốc ư?

Đây là những lời Phùng Cung nói với tổ quốc:

Tổ quốc kính yêu ơi  
Văn hiến - thuần phong - mỹ tục  
Phút chốc bàn tay cộng sản dập vùi  
Định nghĩa - tên người  
Tôi không nói được  
Nếu bị dồn hỏi  
Tôi chỉ có thể trả lời  
Bằng hai hàng nước mắt  
Tổ quốc kính yêu ơi!  
Quê hương ư?

Đây là những điều Phùng Cung nói với quê hương:

Quê hương ơi!  
Đường quan lầy nước mắt  
Điệu sáo hết du dương  
Mây chìm, gió ngủ  
Chiều nắng da bò  
Vấn nhăm biên giới ưu tư

Rầu rầu đổ bộ  
Sông sâu bật tiếng gọi đò  
Chim hãy giùm ta  
Gọi cành xanh ngóc dậy  
Quê hương thấy lại quê hương

Ý nghĩa cuộc đời ư?  
Còn có gì quan trọng hơn sống, chết?

Phùng Cung nói về sống chết như sau:  
Sống quá khó khăn  
Chết chẳng dễ dàng  
Ta phải sống  
Vì ta còn phải chết  
Ơi! Những cánh bướm xanh biếc  
Ngược dòng ngân - lộng gió  
Có phải đang đưa những oan hồn  
Về bên Thượng Đế chí nhân?

Thơ Phùng Cung là những gì được vắt ra từ trí não và tàn lực của một người, bị treo giữa đời sống và cái chết, hay nói như chính ông: “Sống quá khó khăn, chết chẳng dễ dàng”. Nó là những tiếng kêu thất thanh nhưng lại chỉ thốt ra trong yên lặng, bằng chữ viết. Những câu thơ người ta có thể phải trả giá bằng mạng sống. Và, quả thật ông đã trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những câu thơ như vậy, chúng ta phải đọc thế nào cho phải đây?

## Từ Giờ ra chơi đến Áo mơ phai (góp nhặt)

Truyện Giờ Ra Chơi của Nguyễn Đình Toàn do nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng in năm 1970. Tôi mua quyển truyện này tại một tiệm sách ở khu Hòa Bình trong một chủ nhật bát phố Đà Lạt. Tôi thì hay đi loanh quanh mấy tiệm sách để tìm mua những tác phẩm mới xuất bản của các nhà văn mình yêu thích. Thời điểm đó, truyện dài Giờ Ra Chơi của Nguyễn Đình Toàn mới phát hành nên tôi nhìn thấy là chớp mua ngay.

Giờ Ra Chơi kể lại mối tình của cô gái học trò Đà Lạt tên Thục và tình yêu của tuổi mới lớn của Thục. Truyện nhẹ nhàng êm dịu, thơ mộng như trời mây non nước xứ Đà Lạt. Lúc này tôi có một người bạn gái là một cô học trò trường Hồng Đức, Đà Nẵng, tôi liền mua thêm một cuốn gửi về tặng cô gái và tả tình tả cảnh Đà Lạt, cũng như mối tình đẹp của cô học trò tên Thục trong truyện. Tôi cố rủ người bạn gái lên Đà Lạt học trường Chính Trị Kinh Doanh để được gần tôi, cuối cùng cô gái nghe lời “dụ dỗ” của tôi mà lên Đà Lạt theo học. Rất tiếc là khi cô lên Đà Lạt thì tôi cũng xong hai năm thụ huấn. Tôi đổi đi xa nên mối tình cũng bay theo sương khói. Rất cảm ơn nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn.

Áo Mơ Phai, tập truyện dài của Nguyễn Đình Toàn đăng “phoidotông” ở Nhật Báo Tiền Tuyến, được nhiều người đón nhận, theo dõi say mê từng ngày. Sau này in thành sách và được giải văn chương toàn quốc năm 1972.

Truyện Áo Mơ Phai kể lại những mối tình thơ mộng ở Hà Nội trước ngày di cư năm 1954, khi Hà Nội còn là ngàn năm văn vật đất Thăng Long, cùng với một Hà Nội thơ mộng trữ tình là sự dằng dặc, ra đi hay ở lại của những người Hà Nội trong giai đoạn lịch sử năm 1954, chia đôi đất nước.

Chúng ta hãy đọc một đoạn ngắn trong Áo Mơ Phai khi tác giả tả những cái đáng yêu của Hà Nội:

“Những tiếng động nhỏ ấy, những hương vị mờ nhạt ngửi thấy, cây cối trong mùa mưa, phần hương của người quen thuộc, những món ăn, thức uống, những câu thơ, những bài hát, Hà Nội giống như một cái chuông và những tiếng kêu ấy là những cách khua động, người ta tự gõ vào trí tưởng mình, tự xé lòng mình, để nhẹ bớt nỗi nhớ mong, ám ảnh của Hà Nội, Hà Nội đã biến thành khuôn mặt người tình đầu tiên, khi người ta ghé môi hôn thì cũng là lúc cái hình ảnh ấy khắc sâu vào tâm khảm. Những khu phố dịu dàng dưới sương đêm, sáng cái ánh sáng của vầng trăng lúc nào cũng giống như, trăng khi còn thơ ấu, và những cơn gió nhẹ thổi trên các lối đi, thổi lên các cành cây, chẳng khác những hơi thở nồng nàn tình ái, người ta không thể biết rõ cái vẻ dịu dàng của Hà Nội được tầm đẫm nhan sắc, dáng vẻ của những người đàn bà, những cô gái Hà Nội, hay chính những người này thừa hưởng cái không khí êm đềm đó, những trận gió mang đầy hơi phù sa của sông Hồng, mùi cỏ của con đê Yên Phụ, mùi rượu ngang, rêu phong của những mái nhà cũ kỹ, của những bức tường thành của ngày Hà Nội bị xâm chiếm xa xưa, của các xưởng máy, của hoa đào, hoa sấu, sắc đỏ của những bông gạo vừa tàn rụng hết trong ngày hè với muôn ngàn tiếng chim kêu hót...”

Truyện, thơ, nhạc của Nguyễn Đình Toàn là ta đọc từ tâm thức nhẹ nhàng. Suốt hành trình trên 50 năm làm văn nghệ, Nguyễn Đình Toàn đã cho ra đời những tác phẩm sau:

## 30 Tháng Tư đọc lại tập thơ *Đất Khách* của Thanh Nam

Trong tập thơ “Đất Khách” của Thanh Nam, Thái Thủy cho mượn để đọc, còn có thêm một lá thư viết tay của Tử Vi Lang được chụp lại, một trang rời in ba bài thơ tứ tuyệt của Thanh Nam, một đề tặng Vũ Quang Ninh, một đề tặng Trần Cao Lĩnh, và một chỉ thấy ghi ở bên dưới Tháng Sáu 1984.

Bài thơ đề tặng Vũ Quang Ninh có tên là “Mười Năm”:  
*Chớp mắt mười năm gặp lại nhau  
Ngậm ngùi tóc bạc ngó lòng đau  
Nụ cười như muốn tan thành lệ  
Trong mắt ân tình rộn biển dâu*

Bài “gởi” Trần Cao Lĩnh là “Lời Xa”:  
*Rượu tiễn chưa trao lời giã biệt  
Tháng giêng theo tuyết bạn xa rồi  
Gió đưa khăn gói thành ly khách  
Có gặp hồn quê giữa xứ người?*

Và bài “Phố Cũ” như sau:  
*Nhận thư bè bạn từ quê nhà  
Dò đọc tên đường thấy xót xa  
Ôi, đã nghìn thu vào tịch mịch  
Những anh hùng cũ, mỹ nhân xưa!*

Những trang viết của Tử Vi Lang, không thấy ghi tên người nhận, nên không biết gửi cho ai, nhưng đọc tưởng chừng thấy thời gian ngừng lại:

Nhà văn Thanh Nam trú hơi thở cuối cùng tại Seattle, tiểu bang Washington, lúc 07 giờ tối ngày 02 Tháng Sáu năm 1985, thì qua hôm sau, tôi tiếp cú điện thoại của anh Vũ Đức Vinh gọi xuống Los Angeles, báo tin buồn ấy, và hỏi rằng:

- Hội Văn Hóa Việt Nam tiểu bang Washington chúng tôi muốn đăng một ai-cáo lên các báo, để cho các văn nghệ sĩ, ký giả và bằng hữu tại hải ngoại cũng như ở nước nhà biết tin. Vậy, chữ 'Cáo Phó' chỉ dành riêng cho gia đình anh Thanh Nam dùng, thì Hội Văn Hóa chúng tôi dùng chữ 'Khấp Báo' có được chăng?

Trong phút xúc động, tôi trả lời ngay:

- Được lắm chứ! Chữ 'khấp' không có nghĩa là khóc thành tiếng, mà 'khấp' chỉ là 'ứa lệ' khóc thầm. Anh thử nghĩ xem: Tại sao trời đất lại sinh chúng ta vào cái thế kỷ mà quốc gia dân tộc phải chịu nhiều đau thương tang tóc nhất lịch sử này? Có thể nói: Đa số chúng ta, chỉ vì quốc nạn mà trở thành kẻ cầm bút viết báo, viết văn. Thế rồi cuộc bể dâu hồng thủy đã khiến chúng ta phiêu dạt khỏi quê hương yêu dấu! Và trong khi các anh đang họp mặt, nắm tay nhau ở Seattle, cảm thán hiện cảnh, thắc mắc tương lai... thì Thanh Nam nằm xuống, vĩnh viễn ra đi! Như thế, các anh - và cả tôi ở đây nữa - không 'ứa lệ' sao được?

Dứt cuộc điện đàm với anh Vũ Đức Vinh, tôi cầm bút thảo ngay bài thơ cảm thán này để đăng báo, gọi là ghi chút tình đồng nghiệp với Thanh Nam...

#### VĂN THANH NAM THỆ THẾ

*Vô đoan thiên địa ngẫu sinh ngô  
Dữ nhĩ đồng kham khứ-quốc-sâu  
Dị địa khả lân vô nhất kiến  
Hoa-bang hàn vũ tổng cô chu*

Từ Vi Lang tự dịch bài thơ của mình như sau:

*Nghĩa gì, trời đất sinh ta?  
Chung sâu khứ quốc, chốc đà mười xuân  
Tha hương chẳng gặp một lần  
Bang Hoa mưa lạnh đưa hồn hoài hương*

Tập thơ "Đất Khách" của Thanh Nam đã được in ra cách đây đã hơn hai chục năm.

Thanh Nam đã qua đời chỉ hai năm sau khi "Đất Khách" được xuất bản.

Sách in khổ lớn, bìa và phụ bản bên trong là tranh và ảnh rất đẹp của Duy Thanh, Ngọc Dũng, Trần Cao Lĩnh.

Thanh Nam sang Hoa Kỳ năm 1975, tổng cộng cho đến nay đã gần ba chục năm.

Ba chục năm nơi đất khách dài hay ngắn?

Rất nhiều chuyện đã rơi vào lãng quên.

Nhưng cũng có rất nhiều chuyện người ta không thể nào quên được trong khoảng thời gian ấy, chuyện kể ở người đi, kể còn người mất, tang thương biến đổi, xa nhau khi tóc còn xanh, gặp lại mái đầu đã trắng cả... Lại còn những người một lần chia tay cũng là vĩnh biệt, chẳng còn bao giờ nhìn lại thấy nhau nữa!

Đối với một số bằng hữu, một số độc giả của ông, Thanh Nam ở trong trường hợp như vậy. Những người đến muện trên miền đất Thanh Nam gọi là "tạm dung" này, cầm cuốn sách trong tay, chợt cảm nhận một nỗi buồn mênh mang.

Cuốn sách có thật.

Những dòng chữ trên giấy trắng, mực đen là có thật.

Nhưng cầm nó trong tay, người ta tưởng chừng chỉ đang cầm giữ một cái ảo. Ba mươi năm tóa tang, lụt lội nước mắt, hay dùng chữ của chính Thanh Nam “phí bao nhiêu tóc xanh đợi chờ”, rút cục cũng chẳng biết đợi chờ cái gì, quên hay nhớ thì tất cả mọi chuyện cũng đã tan vào hư không rồi, không níu lại được gì nữa, không sửa chữa gì được nữa.

*Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá tự do*

Thanh Nam đã ghi lên trang đầu tập thơ của mình hai câu thơ ấy.

Lấy lòng của người ở lại để hiểu lấy nỗi đau của người đi được chăng?  
Hiểu được hay không hiểu được, rồi sao?

“Đất Khách” của Thanh Nam tràn ngập một nỗi ngậm ngùi của thân lữ thứ, nhớ nước, nhớ người.

*Ơi hỡi quê hương bè bạn cũ  
Nhưng ai còn mắt giữa sa mù  
Mất nhau từ buổi tàn xuân đó  
Không một tin nhà, một cánh thư  
Biền biệt thời gian mòn mỏi đợi  
Rối bời tâm sự tuyết đặng tơ  
Một năm người có mười hai tháng  
Ta tròn năm dài Một Tháng Tư!*

Trước 1954, ở Hà Nội, người ta đọc “Cuộc Đời Một Thiếu Nữ” của Thanh Nam, “Nhìn Xuống” của Sao Mai, “Cánh Hoa Trước Gió” của Nguyễn Minh Lang, “Mẹ Tôi Sớm Biệt Một Chiều Thu” của Hoàng Công Khanh... Năm đó Thanh Nam còn rất trẻ, mới chỉ trên dưới hai mươi.

Ông nổi tiếng rất sớm.

Thanh Nam bỏ Hà Nội vào Nam trước khi xảy ra hiệp định Geneve, nên ông có dịp làm quen và chơi thân với hầu hết các nhà văn, miền Nam, nhất là những người làm việc trực tiếp tại các tòa báo.

Khi được tin Lê Xuyên mất mới đây, hầu hết những người quen biết Thanh Nam đều liên tưởng tới ông và những ngày Sài Gòn cũ là vì vậy.

Cuộc lưu vong 30 Tháng Tư 1975 Thanh Nam coi như là:

*Chấp nhận hai đời trong một kiếp  
Đành cho giông bão phũ phàng đưa  
Đầu thai lần nữa trên trần thế  
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ  
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt  
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ*

Có thể lấy cái buồn của người ở lại để hiểu nỗi khác khoải của người ra đi và ngược lại chăng?

Giả thử rằng được, giả thử rằng không, rồi sao?

Mọi sự có gì khác với những gì đã xảy ra?

Hai mươi chín năm rồi ba mươi năm.

Những ai, còn ai mất?

“Đất nước” người ta có trở về được cũng vẫn chỉ là những cuộc viếng thăm. Những người “cùng một lúa bên trời lặn đặng” còn lại bao nhiêu ngày à còn có thể làm được gì nữa đây?

Ngoài trên một chục cuốn tiểu thuyết, Thanh Nam còn viết kịch thơ, làm rất nhiều thơ, viết lời ca cho nhiều ca khúc của các nhạc sĩ bằng hữu, từng phụ trách biên tập nhiều tuần san văn nghệ, biên tập cho nhiều chương trình phát thanh.

Ông sống đôn hậu với tất cả bạn bè và được mọi người yêu mến.

Ở Hoa Kỳ mới vào Xuân. Tết Việt Nam qua đã khá lâu rồi, có còn cũng chỉ còn cái rét Tháng Ba. Liệu có đủ lạnh để ta cùng nghe lại “Thơ Xuân Đất Khách” của Thanh Nam không nhỉ:

*Canh bạc chưa chơi mà hết vốn  
Cờ còn đánh phải đàn thua  
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng  
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do!  
Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ  
Đứa nuôi thù hận, đứa phong ba  
Đứa nằm yên phận vui êm ấm  
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa  
Mây nước có phen còn hội ngộ  
Thâm tình viễn xứ lại như xa  
Xuân này đón tuổi gần năm chục  
Đổi bóng mình ta say với ta*

Đọc thơ mới giật mình: Thanh Nam mất mới ở tuổi năm mươi. Còn quá trẻ!  
Thế nhưng, có biết bao người như ông, có thể coi như đời đã mất từ nhiều năm trước đó, đứt ngang trước đó.

Bao giờ Tháng Tư sẽ không còn là viết thương của lịch sử chúng ta nữa nhỉ?

## Áo mơ phai (góp nhặt)

Vào thập niên 1960s, nhiều nhà văn Miền Nam, có số lượng sách khá đồ sộ một phần do lối viết feuilleton cho các nhật báo, bên cạnh đó là những truyện kiếm hiệp Kim Dung, truyện dịch Quỳnh Dao nhằm đáp ứng nhu cầu mọi thành phần độc giả thời bấy giờ. Viết feuilleton, Nguyễn Thị Thụy Vũ còn gọi viết truyện nhật trình; đó là những tiểu thuyết, truyện dài được các tác giả viết mỗi ngày và đăng từng kỳ báo. Điển hình là nhà văn Mai Thảo, cùng một lúc nhận viết truyện dài cho nhiều tờ báo, đôi khi tới ngồi viết ngay tại toà soạn, đưa từng trang viết chưa ráo mực cho nhà in để kịp sắp chữ.

Rồi cũng phải kể tới tình huống một feuilleton do nhiều người viết, điển hình là truyện dài "Một Triệu Đồng" của nhà báo Như Phong đăng trên nhật báo Tự Do, khi Như Phong bị lao phổi, do truyện đang ăn khách, toà soạn quyết định tiếp tục. Trong hồi ký Tôi Làm Báo, nhà văn nhà giáo Tạ Quang Khôi kể lại: "Do, ông Nguyễn Hoạt yêu cầu mỗi người viết một đoạn để chờ ông Như Phong đi làm lại". Và truyện dài của nhà báo Như Phong đã được nhà thơ Đinh Hùng, nhà báo Hiếu Chân Nguyễn Hoạt và sau đó là Tạ Quang Khôi viết thay cho tới khi nhà báo Như Phong trở lại toà báo.

Gần như một phong trào, không thiếu những nhà văn danh tiếng cũng tham dự vào phong trào viết tiểu thuyết feuilleton như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Thảo Trường, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ... nhiều người xem đó như thứ sản phẩm giải trí ngắn hạn đáp ứng nhu cầu của xã hội tiêu thụ. Nhà văn Sơn Nam cũng viết feuilleton nhưng chính Sơn Nam sau này lên tiếng phủ nhận, không coi đó là những tác phẩm văn học. Công bằng mà nói tiểu thuyết feuilleton không phải không có tác phẩm hay phải nói là rất hay. Chất lượng tác phẩm tùy theo thái độ chọn lựa và cách viết của mỗi tác giả.

Nguyễn Đình Toàn cũng không là một ngoại lệ. Trừ Chị Em Hải là tác phẩm được viết xong rồi xuất bản, hầu hết các tác phẩm còn lại của Nguyễn Đình Toàn đều là tiểu thuyết feuilleton sau đó được in thành sách như Con Đường [nhật báo Tự Do], Đòng Cỏ [nhật báo Chính Luận], Áo Mơ Phai [nhật báo Xây Dựng], và những cuốn khác trên nhật báo Tiền Tuyến mà chính Nguyễn Đình Toàn cũng không còn nhớ. Nguyễn Đình Toàn có một đức tính là các trang bản thảo chỉ viết một lần, không sửa chữa và giao thẳng cho thợ nhà in sắp chữ. [Nguyễn Mộng Giác sau này là người thứ hai cũng viết bản thảo chỉ một lần không sửa chữa]. Nguyễn Đình Toàn cho rằng chưa hề hy sinh tính văn chương khi chọn viết những truyện dài feuilleton như vậy.

Nếu theo thứ tự xuất bản, thì Áo Mơ Phai là cuốn sách feuilleton thứ 13 của Nguyễn Đình Toàn, và cũng là tác phẩm được trao giải Văn Học Nghệ Thuật 1973.

Khi viết bài điểm sách Áo Mơ Phai, Huỳnh Phan Anh, đã nhận định: "Phải nhìn nhận rằng yếu tố 'truyện' là cái gì quá nghèo nàn trong Áo Mơ Phai, truyện dài. Một độc giả bình thường có thể thất vọng sau khi đọc Áo Mơ Phai. Người đọc có thể xếp cuốn sách lại với nỗi bàng hoàng nào đó, có lẽ người đọc sẽ khó tiêu tóm 'câu truyện' mà tác giả đã dùng trên 300 trang sách để kể. Có thể câu truyện thật sự của Áo Mơ Phai không thể tách rời khỏi từng trang Áo Mơ Phai, nghĩa là không thể giản lược tóm tắt mà không làm mất ý nghĩa của nó. Có thể vì câu truyện thực sự của Áo Mơ Phai là cái gì chưa hoàn tất, nói một cách nào đó, hãy còn vắng mặt, hãy còn hứa hẹn." [Văn Học 10/02/1974]

Cũng trên tạp chí Văn Học 1974, Nguyễn Đình Toàn đã nói về kỹ thuật xây dựng Áo Mơ Phai như một tác phẩm tâm đắc của mình: "Mỗi tác phẩm đã viết ra như que diêm đã được đốt cháy, nhà văn có bồn phẫn phải sáng tạo, dù rằng toàn bộ tác phẩm chỉ là sự nối dài từ cuốn đầu tiên. Nhiều người đã nói tôi dùng lối viết quá dài, cả trang không chấm trong Áo Mơ Phai này mới mang đủ sắc thái không khí của Hà Nội. Nhân vật chính trong tác phẩm không phải là những nhân vật được nhắc tới trong sách mà chính là thành phố Hà Nội. Ai sống ở nơi này thường có cái cảm tưởng đang sống trong một giấc mơ, có lẽ là giấc mơ không bao giờ phai nhạt với sương mù cơn mưa suor suor hơi lạnh của mùa thu... Áo Mơ Phai thoát ra từ cơn mơ đó từ khi tôi xa Hà Nội mới 17 tuổi."

Ba mươi hai năm sau [9/10/2006] trong buổi mạn đàm với Hoàng Khởi Phong trên RFA, khi được hỏi về Áo Mơ Phai Nguyễn Đình Toàn bày tỏ: "Có những người thức thời, nhìn xa trông rộng, có thể tiên đoán dự liệu được những biến chuyển của thời cuộc, dĩ nhiên có những điều họ tiên đoán cũng có điều sai. Mà đúng hay sai thì chỉ khi nào sự việc xảy ra thì họ mới biết được. Tôi viết cuốn sách đó chỉ dựa trên những dự cảm đối với hoàn cảnh lịch sử cho một người chịu đựng hoàn cảnh lịch sử như chịu đựng sự đổi thay của thời tiết". [HKP mạn đàm với NĐT, RFA 9/10/2006]

Phát biểu của Nguyễn Đình Toàn khiến người ta liên hệ tới bài diễn văn của Albert Camus khi dự lễ nhận giải Nobel văn chương 1957 tại Stockholm, Camus đưa ra nhận định rằng ngày nay nhân loại gồm số nhỏ người làm lịch sử và đông đảo những người phải gánh chịu những hậu

quả do biến cố lịch sử. Và tác giả La Peste / Dịch Hạch cho rằng vị trí của những người làm văn học nghệ thuật là đứng về phía những người khổ vì lịch sử. [Le rôle de l'écrivain, du même coup, ne se sépare pas de devoirs difficiles. Par définition, il ne peut se mettre aujourd'hui au service de ceux qui font l'histoire: il est au service de ceux qui la subissent. [Albert Camus, Discours de Suède 1957]

Áo Mơ Phai là dự cảm về một thành phố Hà Nội sắp mất, Đồng Cỏ là một tác phẩm khác dự báo một Sài Gòn sắp mất. Nguyễn Đình Toàn mẫn cảm với thay đổi thời tiết cũng như với những biến chuyển của lịch sử. Dự cảm hay trực giác của nhà văn đi trước tấn thảm kịch, đi trước những đổ vỡ chia ly đã mang tính tiên tri.

Đọc văn Nguyễn Đình Toàn, để sống với Hà Nội những ngày sắp mất nhưng cũng không bao giờ mất qua hơn 300 trang sách Áo Mơ Phai:

"Tháng bảy rồi tháng tám [1954, ghi chú của người viết] qua mau lẹ như những trận mưa đổ xuống không giờ giấc trong những đêm khuya, những buổi chiều. Người Hà Nội bỏ đi và chỉ trong một thời gian ngắn, Hà Nội như một cơ thể mắc chứng hoại huyết. Từ những vùng quê xa, từng đoàn người lam lũ, lấm lũi, ngày ngày gồng gánh, lếch thếch đất dúi nhau về Hà Nội, nằm la liệt tại các công viên, xá xính, vỉa hè, đây áp trong Toà Thị Chính, chờ để được đưa đi tới các phi trường, bến tàu, di cư vào Nam.

Chiều chiều Lan thường ngồi trên bao lơn nhìn xuống khu phố đôi lúc vắng vẻ, đôi lúc chen chúc những đám dân quê níu áo nhau đi như chạy, nhìn những tàn cây trước nhà, cây gần nhất có những cành xoè tới sát bao lơn như những cánh tay, những hàng cây xa dọc theo các khu phố, một ngày, một buổi chiều, bao nhiêu lá đều vàng hết, rồi cũng trong một ngày nữa, tất cả lá như tấm áo khoác của thành phố ấy phai thêm một lần nữa, trút khỏi cành như những giấc mơ rời khỏi vầng trán khô cằn, những sợi tóc rụng khỏi chiếc đầu đau ốm.

Trong nhiều ngày, Lan có cảm tưởng cơn bệnh của thành phố, của những hàng cây lây sang nàng, Lan thấy chân tay nặng nề không muốn cử động, hơi thở khó khăn.

Nàng mong đợi ngày đi để đi cho xong, cầu nguyện cho ngày khởi hành đừng đến vội, để còn được ở lại đây thêm nữa, ở lại Hà Nội, chia xẻ nỗi đau đớn của Hà Nội, sống với Hà Nội, chết với Hà Nội, rũ rượi với Hà Nội, rõ ràng là Hà Nội đang kiệt sức, những giọt mưa đọng trên các cành cây, những ngọn lá, chẳng khác Hà Nội khóc."

[Áo Mơ Phai, Ch.9, Nxb Nguyễn Đình Vượng 1972]

\*\*\*

**Nguyễn Đình Toàn, nhà thơ**

**Thơ Nguyễn Đình Toàn**  
**Khuyết danh**

**Khi em về**

Quê mẹ đầy ưu phiền nhiều quá lắm  
Hàng cau già mo thương bẹ quắt queo  
Anh nằm đếm những ngày rồi những tháng  
Đi qua dần khi nước mắt buông theo  
Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó  
Trời tháng giêng, tháng bảy buồn như nhau

Gió vẫn thơm mùi hoa bưởi hoa ngâu  
Rồi Tết đến, rồi lòng anh nhớ quá  
Khi em về bước chân chùng xa lạ  
Và cỏ hoa tất cả đã lắng im  
Giấc ngủ ấy một đời anh ao ước  
Từ máu mình hoài rút khỏi đường tim  
Em đừng khóc, đừng buồn, đừng nhìn nữa  
Cứ cúi đầu cứ thế rời ra đi  
Trời sẽ tối, tiếc thương rồi sẽ hết  
Và dấu giày mai sẽ lá sương che

Nguyễn Đình Toàn còn có bài thơ Khúc Ca Phạm Thái cũng rất nổi tiếng. Bài thơ ghi lại hình ảnh chàng tráng sĩ Phạm Thái yêu Trương Quỳnh Như, em ruột của người bạn thân là Trương Quang Ngọc, mối tình đó đã trở thành tình sử trong văn học Việt Nam mà Khái Hưng đã viết thành tiểu thuyết Tiêu Sơn Tráng Sĩ. Bài thơ với ngôn ngữ mang mang hào sảng, nói lên chí khí của người tráng sĩ mang gươm đi cứu nước, nhưng thất bại, phải dẹp bỏ cuộc tình riêng, giọng thơ hào khí ngất trời. (hơi thơ giống bài Hồ Trường của Nguyễn Bá Trác). Cho nên trong những cuộc vui chơi với bằng hữu, những người thích thơ, biết làm thơ hay cảm thơ, mỗi khi ngồi uống rượu với nhau thường ngâm bài thơ này:

Ta tráng sĩ hề, lòng không mềm bằng kiếm,  
Ta anh hùng hề, sự nghiệp có đầy đôi mắt Trương Quỳnh Như.  
Chí nhỏ lòng kiêu, đổ thừa vận rủi,  
Tài sơ sức mỏi, trách với thời cơ .  
Lòng chua cay uống mãi rượu giang hồ,  
Nâng chén lửa đốt tàn dần năm tháng.

...

Em ơi tám hướng sông hồ,  
Mười năm ngang dọc, bây giờ là đây ..  
Sự đời chừ đã trắng tay,  
Ngủ vùi một giấc, cho đầy gối tham .  
Ta say hay ta tỉnh?  
Nàng buồn hay nàng vui?  
Ngọc châu pha vỡ tiếng cườì ,  
Lược gương xin chải ngậm ngùi cho nhau .

### **Em còn yêu anh**

Em còn yêu anh còn yêu anh  
Cây còn xanh còn tươi đầy kỉ niệm  
Mái trường xưa mỗi mùa phượng đến  
Ve còn kêu vang, ve còn kêu vang

Đường ta đi vẫn 2 hàng lá biếc  
Có 2 hàng nước mắt khóc rưng rưng  
Nơi em về nghe lạnh bốn mùa đông  
Cho hồn anh đủ bốn mùa rét mướt  
Ta đã xa nhau như đời xa cõi chết  
Có bao giờ ta thấy lại nhau không...

\*\*\*

## Nguyễn Đình Toàn, khi em về trời xanh và gió mát Nguyễn Đức Tùng

Bản edited, nhân tưởng niệm phu nhân nhà thơ Nguyễn Đình Toàn, nữ danh Nguyễn Thị Thu Hồng, qua đời ngày 24. 2. 2021 tại Hoa kỳ.



(Nguyễn Đình Toàn và bà Nguyễn Thị Thu Hồng),

*Khi em về bước xưa chùng xa lạ  
Và cỏ hoa tất cả đã vắng im  
Giấc ngủ ấy một đời anh ao ước  
Từ máu mình hoài rút khỏi đường tim*

Hầu hết tình yêu đều thất bại, nhưng đó là sự bất thành quyền rũ. Cũng như xã hội tự do, nơi sinh ra thơ tình hay nhạc tình của những Nguyễn Đình Toàn, Vũ Thành An, Phạm Thiên Thư, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, sẽ thất bại. Có những giây lát trong đời sống khi cái bình thường, sự vật hàng ngày, trở nên huyền diệu. Một cánh cửa, cái bắt tay, khói trên mặt nước, khuôn mặt lạ trong đám đông. Trong những thời khắc như thế, chúng ta xúc động và sự xúc động mang một người đi xa tới nơi mà sự lượng giá, thấu hiểu giao hòa với ký ức. Ký ức trong trường hợp này không phải là hoài niệm, tức là sự nhớ lại và thương xót một chiều, mà là cơ sở của sự xem xét lại đối với đời sống hiện tại. Vì vậy ký ức sinh ra từ tình huống trầm cảm giam giữ con người trong bóng tối, ký ức của tâm trạng lành mạnh mang họ đi ngược lại, về phía tương lai. Ở những bài thành công nhất, thơ Nguyễn Đình Toàn là thơ của những giây phút như vậy.

*Anh đến thăm em đêm ba mươi  
Còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi  
Anh nói với người phu quét đường  
Xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em*

Lời trong ca khúc, cũng là bài thơ độc lập. Hình ảnh của Nguyễn Đình Toàn giàu có, nhưng khá quen thuộc; nhiều lên một chút, như ở vài bài khác, thơ ông sẽ thành ước lệ, thậm chí mòn sáo. Tràn ngập những hình ảnh của tuổi thơ chúng ta, nông thôn và thành phố. Ông ít có những hình ảnh mới, xa lạ, thách thức. Hà Nội của ông cũng có vẻ thiên nhiên hiền dã. Nguyễn Đình Toàn là một trường hợp đặc biệt khi thơ, văn, nhạc hòa vào nhau làm một. Lời trong nhiều ca khúc của ông là các bài thơ. Bất cứ cách thẩm định nào về ông chỉ nói về một khía cạnh sẽ gặp khó khăn, đôi khi không làm được. Như trong bài sau đây.

*Tình vui theo gió mây trôi  
Ý sầu mưa xuống đời  
Lệ rơi lấp mấy tuổi tôi  
Mấy tuổi xa người  
Ngày thần tiên em bước lên ngôi  
(Tình Khúc Thứ Nhất)*

Đây cũng là ca từ Nguyễn Đình Toàn viết cho bản nhạc cùng tên của Vũ Thành An, khi hai người cùng làm trong Đài phát thanh Sài Gòn, năm 1965. Bài bắt đầu với nhịp đi thông thả và chuyển động nhanh lên ở những câu sau. Sự mô tả một cách sinh động các khung cảnh, sự kết hợp các hình ảnh, làm cho ký ức trở thành giọng điệu chính của bài thơ: thận trọng, thư giãn, đều đặn. Đây còn là một câu chuyện kể. Có những khoảng cách giữa các câu trong bài Tình khúc thứ nhất, có lẽ do nhu cầu viết ca từ cho nhạc, nhưng bất kể hoàn cảnh sáng tác ra sao, đó vẫn là một bài thơ, vì vậy các khoảng cách này làm cho bài thơ giãn nở kỳ lạ, làm cho chúng

chứa được nhiều các hình ảnh bí mật, những liên thông ngầm ngầm, sức gợi ý mạnh, ít thấy. Sự chuyển động liên tục của các câu thơ với độ dài ngắn khác nhau diễn tả sự thay đổi trong tâm trí của người viết từ những ký ức dựa trên hình ảnh đến những liên tưởng xa hơn trong thực tại, sự tiên đoán mơ hồ về số phận của cá nhân và dân tộc. Cảm xúc phức tạp trong bài thơ làm cho nó trở thành một trong những tình khúc hay nhất xưa nay.

*Đã nghe son vàng tả tơi*

*Trầm mình trong hương đốt hơi bay*

Chữ Nguyễn Đình Toàn khá thuần Việt, nhưng nghe như có âm hưởng Hán Việt, vì quý phái. Quá đi một chút, thơ ông có thể thành điệu đà. Trong thơ ấy có cả nỗi buồn già cỗi, chết người, ốm yếu, của một người từng trải và dễ xúc động, và một thứ tình yêu trẻ trung, ngây thơ. Chất lãng mạn trong thơ Nguyễn Đình Toàn có sự chiêm nghiệm của một người nhìn thấy rõ mặt trái của lịch sử, bên trong của tội ác, cảm giác âu yếm gần như thương xót đối với cái đẹp, đối với quê hương, đối với một người con gái. Cũng có những câu gần văn xuôi, nhưng ông ít khi rời bỏ tính âm nhạc của thơ. Ông đi tìm ở những vần thơ cảm xúc sự suy nghĩ sâu xa, sự chính xác của lịch sử, đi tìm giọng điệu thích hợp cho một người trong khi ca hát về vẻ đẹp cuộc sống thì cũng than khóc cho nó. Trong văn xuôi, Nguyễn Đình Toàn cũng vậy, thơ mộng, tình tứ; và những người phụ nữ, các nhân vật rất đáng nhớ trong tiểu thuyết của ông, có thể nghèo khó nhưng không tủ nhục. Giọng văn ẩn mật, không nặng về chủ nghĩa hiện thực, và quan điểm nghệ thuật có lẽ gần với Khái Hưng của Tự lực văn đoàn: lấy ước mơ làm chủ đạo, lấy cái đẹp làm mục đích, khen ngợi hơn là chỉ trích, xây dựng hơn là đả phá, chuyển động về phía tốt đẹp. Tuy nhiên về nghệ thuật tiểu thuyết, ông đi xa hơn so với tiền chiến. Tôi từng say mê “Giờ Ra Chơi”, một cuốn tiểu thuyết rất mới vào thời đó, văn xuôi nhiều chất thơ.

Tôi cũng đọc nhiều lần đoạn mở đầu này của “Áo Mơ Phai”:

*“Hà Nội 1954*

*Tháng Sáu chưa hết, nhưng mùa Thu đã đầy hơi lạnh. Buổi chiều từ trong văn phòng bước ra tới cửa Tòa Đô Chính, Quang đã có thể trông thấy sương mù trên mặt hồ Gươm.*

*Cái mặt nước xanh biếc, nhìn qua một lớp sương mới hôm nào đỏ rực như than hồng, vì in bóng những cây phượng vĩ, những cây phượng chỉ bằng đi mấy bữa chàng quên không để ý đến, lúc nhìn lại đã rụng hết cả hoa lẫn lá, chỉ còn trơ những cành đen đũi in trong bóng yên lặng xuống mặt hồ và bầu trời ẩm đục.*

*Tháp Rùa, trong ánh sáng còn sót của một ngày, giữa những lớp sóng lăn tăn, trông như đã lún sâu thêm xuống đáy hồ.”*

Văn ông trầm tư mà sáng sủa, trang nhã. Lắng nghe âm thanh của chữ, lắng nghe lời trò chuyện, ta hiểu rằng những gì quý giá nhất của quê hương thanh bình hay loạn lạc đang được truyền lại giữa những dòng chữ ấy. Và những âu lo, dằn vặt, chọn lựa khó khăn của người Hà Nội vào trước lúc phân ly đất nước, tháng 6 năm 1954, một cuộc phân ly gần như vĩnh viễn. Đó là thứ văn chương thuộc “dòng ý thức”(stream of consciousness), với phương pháp độc thoại nội tâm của ngôi thứ nhất hoặc phương pháp diễn tả nội tâm của ngôi thứ ba, nhưng được viết sáng sủa, khúc chiết, dù trong những câu rất dài.

*“Trong những cơn gió tắm đấm hơi nước thổi thốc từ cái mặt sông mênh mênh dưới bãi cát lên đầu tóc người đàn bà bay phát phới, ông đã muốn tháo bỏ nàng ra khỏi mọi sự che đậy, muốn trải nàng trên những ngọn cỏ lấp lánh ánh sao, muốn yêu nàng cuồng bạo như một tên vô lại. Ông muốn thấy rộng dài như bãi. (\*)*

Một thi pháp tiểu thuyết mới mẻ, một văn phong Proustian dịu dàng, suy tư sâu về lịch sử, những thăm dò bí mật tâm hồn. Đó là thứ bí mật của tình yêu mênh mênh, không hề gìn giữ, nhưng người đọc như tôi thì quá nhỏ bé, quá xa xôi, ngày càng xa những nơi chốn ấy. Mặc dù thế, không có một người nào từng làm cho tôi yêu Hà Nội bằng tác giả “Áo Mơ Phai”, có lẽ chỉ

sau Khái Hưng. Đối với ông, tác giả, và tôi, độc giả, Hà nội như một quê hương Việt Nam, như một ẩn dụ, và tình yêu là một ngôn ngữ: hình ảnh của Nguyễn Đình Toàn tạo ra liên tưởng làm cho tâm trí tôi hoạt động. Tuy vậy, so với văn xuôi, thơ của ông ít khai phá hơn.

*Khi em trở về  
Mộ người yêu đó  
Hoa trên phiến đá  
Cỏ buồn ngón chân  
Và cơn gió rét  
Que diêm bật lên*

Sự vật trong thơ được nhân cách hóa, khiến cho buổi trưa thành tuổi nhỏ, con đường cỏ mọc thành nỗi u hoài, bóng nắng ngọt ngào thành tiếc nuối, nỗi buồn phải thấp lên. Nguyễn Đình Toàn là giọng thơ u tối, buồn phiền, như thể không phải vì ông muốn thế mà vì thời đại đáng buồn như thế, lịch sử đáng âu lo như thế, con người đáng thương như thế. Thơ trữ tình nặng về cảm xúc nhưng không phải là không có những giây phút mà ý thức bùng vỡ, chiếu sáng. Sự tưởng tượng là thiêng liêng vì nó mang con người đến với cái đẹp tuyệt đối, đến với sự thương tiếc cao quý. Trước sự tàn phá văn hóa của các tội ác và bạo động trong mấy mươi năm nay, người viết chỉ còn có thể giữ lại cho mình và cho độc giả lòng tin vào một thế giới đã biến mất, tức là sự bướng bỉnh, và tình yêu đối với tuổi trẻ, tức là lòng hoài niệm.

*Mai tôi đi mong cho tình xa quê  
Mong cho người về được nơi sẽ đến  
Ta chia tay ta chia trời xé biệt  
Còn được bao dấu vết nhớ nhau tìm*

Tình yêu quê hương là cảm giác thuộc về, cảm thấy bạn là một phần nhỏ bé của cái lớn hơn, cái toàn thể. Cảm giác ấy chống lại sự đứt rời, tan vỡ, phân liệt. Cũng như tình yêu nam nữ, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước đều có thể được làm mới lại mỗi ngày, đều có thể được gieo xuống và gặt lên.

*Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó  
Trời tháng giêng, tháng bảy buồn như nhau  
Gió vẫn thơm mùi hoa bưởi, hoa ngâu  
Rời tết đến, rời lòng anh nhớ quá*

Những câu thơ đều đặn với vần điệu cân đối như trên đọc lên như bài hát ru; trong khi những câu dài ngắn khác nhau ở những bài thơ hay ca từ khác của ông tạo ra động lực, sự bồi hồi, nôn nóng, lo âu. Tôi tin rằng có những mạch thơ ngầm nơi mỗi cá nhân, và chúng nối vào tha nhân. Chính những mạch ngầm này tạo ra an ủi, liên kết. Nhờ sự liên kết ấy trong không gian mà chúng ta có thể giới, nhờ sự liên kết ấy trong thời gian mà chúng ta có lịch sử. Thơ và nhạc dễ trở thành tiếng nói thiêng liêng vì đó là tiếng nói trực tiếp của tâm hồn; chúng không tạo ra bất kỳ một niềm hy vọng giả dối nào: hầu hết chúng đều buồn. Con người chấp nhận sự thất bại trước số phận nhưng không bỏ cuộc, mà vẫn suốt đời săn đuổi ý nghĩa của tồn tại, của tình yêu, ý nghĩa của đau khổ. Tìm kiếm ý nghĩa của đau khổ: tức là tìm kiếm an ủi và hy vọng.

*Hãy thấp cho anh một ngọn đèn  
Một ngọn đèn trăm năm  
Rời thả đèn trôi trên dòng sông  
Như tháng giêng trong đêm nguyệt rằm  
Người thả đèn trôi sông  
Cầu nguyện cho những ai trầm luân*

Xét về mặt số lượng sáng tác, ảnh hưởng trên văn đàn, Nguyễn Đình Toàn là một nhà tiểu thuyết, nhưng không hiểu sao khi đọc, tôi vẫn tin rằng ông trước hết là một nhà thơ, của tình

yêu và quê hương. Có lẽ sự phối hợp giữa thơ và văn xuôi ở ông là sự phối hợp đẹp, làm cho một số trang tiểu thuyết sắc bén mà lãng đãng và một số bài thơ như một thứ siêu hiện thực, hay thơ hiện thực được nâng lên, cũng không hẳn là siêu thực, nhưng vượt quá cõi đời, chia ly, tang tóc, vượt quá sự hủy diệt.

*Trên hoang vu những vàng mây trắng*

*Ta nghe ra trăm niềm xót xa*

*Vai em thơm như mùa thu nắng*

*Phai bao nhiêu máu hồng tình xa*

*(Chiều trong tù)*

Thơ ông không chỉ để đọc trên giấy mà để đọc lớn thành lời, để ngâm, để hát. Thời trước, khi còn nhỏ, nghe chương trình Nhạc Chủ Đề thứ năm hàng tuần trên đài phát thanh Sài Gòn, tôi có ấn tượng mạnh về giọng nói của ông. Có hai giọng nói gây ấn tượng cho nhiều thính giả thời ấy: Đinh Hùng và Nguyễn Đình Toàn, cách nhau khoảng mười năm. Nguyễn Đình Toàn là người yêu nhạc Trịnh Công Sơn, vì nếu tôi nhớ không lầm, ông đã hát, và trong chương trình phát thanh, ông đã nhiều lần giới thiệu nhạc Trịnh một cách trang trọng.

Thực ra, ông cũng có những câu thơ ước lệ, cách nói cổ điển, hình ảnh quá cũ kỹ. Nguyễn Đình Toàn mau chóng vượt qua chúng, nhưng chỉ vượt qua mà không đi quá xa, như trong những trường hợp khác, ví dụ Thanh Tâm Tuyền; ông vẫn ở gần khuynh hướng thẩm mỹ của những năm sáu mươi trong nhiều bài thơ sau đó. Ngạc nhiên và khám phá không phải là điểm mạnh của thơ ông, nhưng chúng có tồn tại giữa những câu thơ trữ tình mượt mà, êm như ru. Khi ngạc nhiên, bạn dừng lại, đứng sững, và nhìn. Ngạc nhiên làm những định kiến tan vỡ, làm tâm trí bạn sáng lên, cái nhìn vào sự vật trở nên sắc sảo, lòng thương xót lịch sử được làm mới lại, các mối quan hệ nhận lấy một luồng sinh khí mới.

*Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên*

*như giòng sông nước quán quanh buồn*

*như người đi cách mặt xa lòng*

Từ mấy mươi năm nay, lịch sử đã chia hai. Người Việt cũng trở nên khác hẳn nhau. Rời bỏ quê hương như Nguyễn Đình Toàn là rời bỏ nhiều lần, lần đầu rời Hà Nội vào Sài Gòn, lần thứ hai từ Sài Gòn qua Mỹ, và sau lần thứ hai, ông rơi vào một thế giới khác, một nền văn hóa khác, lần thứ nhất là mất nửa quê hương, lần thứ hai là cả quê hương, lần thứ ba là mất linh hồn. Với ông, không còn gì nữa, phần đời sau là vô nghĩa. Đó có lẽ cũng là tâm trạng của Mai Thảo, Nguyễn Sa, Phạm Đình Chương, Thanh Tâm Tuyền và những người thuộc thế hệ ông, không hẳn vì họ không thể tiếp nhận cái mới, mà vì phần đời trước đó của họ đã được sống quá đầy đủ, quá dẹt rộng lộng lẫy, không cần phải thêm vào một thứ ý nghĩa gì nữa. Mà chắc gì tồn tại hôm nay của người Việt đã có ý nghĩa gì, hay chỉ là sự kéo dài vô nghĩa? Công việc của những người như Nguyễn Đình Toàn giờ đây là kể lại câu chuyện của thế hệ mình. Cảm giác thuộc về một thế giới khác, vàng son, thuộc về một không khí khác, lộng lẫy, làm cho thi sĩ trở thành một phần của cái toàn thể, một phần tử hữu dụng. Cái đẹp trong thơ ông không đứng một mình, nó nhắc chúng ta về hiện hữu của chính nó, tức là hiện hữu của một thời đại tự do, thanh bình. Sự hiện hữu của chúng là điều kiện bắt buộc của cái đẹp, thanh bình là điều kiện của một tình yêu thiêng liêng. Như Sài Gòn trước đây của “Đông Cờ” và Hà Nội trước đó nữa của “Áo Mơ Phai”. Trong thơ ông, tình yêu là vĩnh viễn, mặc dù ông ít khi dùng những chữ trầm trọng để nói về điều ấy. Khi rời đất nước, ông nói lời chia tay, như đứt ruột mà xa.

*Mai tôi đi, tôi đi vào sương đen*

*Sương rất độc, tẩm vào người nổi chết*

*Quê hương ta sống chia giòng vĩnh biệt*

Khi một thi sĩ đi xa, người ấy muốn chúng ta nhớ về họ như nhớ tác giả một bài thơ, như nhớ chính bài thơ ấy. Ký ức của chúng ta về họ là cách mà chúng ta hiểu về bài thơ của họ. Công

việc của người đọc là đọc và đọc lại, tìm kiếm những ý nghĩa, thông điệp, cố ý hoặc vô tình, gởi đến hôm nay từ tình yêu xứ sở, từ tình yêu đối với những giá trị dân tộc tốt đẹp đã mất. *“Quê hương”, hai tiếng đó nặng nề đến như vậy sao? Khi tóc người đã bạc, bao nhiêu màu sắc thắm tươi của đời lặn sâu cả vào tâm khảm, tô đậm thêm có mỗi cái hình ảnh đó sao?”*

Tôi mời bạn đọc thêm một đoạn trong Đồng Cổ. Và những ý nghĩ làm nên tính thơ của chúng, chứ không phải vần điệu.

*“Tôi không được nhìn thấy Hà Nội mưa, nhưng tôi chắc Hà Nội không thể có cái mưa Sài Gòn. Hà Nội nhìn thấy lại qua những tấm ảnh, Hà Nội trong văn chương, Hà Nội nghe kể lại, đều có một vẻ gì ẻo lả. Mưa trên cái ẻo lả đó, chắc hẳn phải là thứ mưa buồn bã.*

*Mưa Sài Gòn mạnh khỏe hơn.*

*Cây cối ướt sũng, đường phố dù có chỗ nước chưa thoát hết chảy xối trong các ống cống, nhưng Sài Gòn giống như một người đàn ông có sức lực, mưa không đủ làm cho phải ngừng hoạt động. Nhà cửa nhìn thấy không có vẻ lạnh lẽo. Những tầng nhà cao ngất, xe cộ qua lại, hàng quán đông đúc, phố xá san sát tựa những bắp thit trên bộ ngực nở nang, trên cánh tay rắn chắc.”*

Một nhà thơ cố gắng nói một điều gì mà anh cảm nhận được trong một thời khắc và địa điểm cụ thể. Bài thơ viết vào lúc ấy là đời sống của tác giả vào lúc ấy. Vì vậy, một thời khắc phải được dừng lại, một nơi chốn phải được tạo nên, trên trục tọa độ, nếu không như vậy sẽ không có một người nào biết được cảm xúc ấy. Cảm xúc của tác giả về một thời gian và không gian càng mạnh mẽ thì bài thơ càng có hình dạng, thể, rõ ràng, vững chãi, ngược lại khi nhà thơ không có cảm xúc rõ rệt về hai chiều kích ấy, bài thơ chỉ là sự tưởng tượng thuần túy, chưa được đời sống thổi linh hồn của nó vào. Những bài thơ tự do được viết rất nhiều hiện nay và những bài thơ có vần, bảy chữ, tám chữ, lục bát, ngày càng ít đi, thực ra có khả năng như nhau trong khả năng cảm nhận thế giới nội tâm và bên ngoài, trong khả năng đo lường và sử dụng những chiều tự do  $n$  của cảm xúc. Đó là sự giao hòa lý tưởng giữa thơ tự do và thơ có vần, giữa quá khứ và lượng giá, giữa hoài niệm và phản kháng, hỗn độn, có thật, xấu xa và tốt đẹp, đầy năng lượng. Trong ý nghĩa đó, thơ và lời trong ca khúc của Nguyễn Đình Toàn, tuy với số lượng không lớn so với tiểu thuyết của ông, vẫn chạm được tay vào đời sống mỗi ngày của chúng ta hôm nay. Hình ảnh trong tôi về Nguyễn Đình Toàn là con đường mòn thơm lá mục. Một trong những khả năng lạ lùng của bài thơ là tiết lộ những bí mật của nó, không phải qua một lần mà nhiều lần đọc, có khi bạn đã thuộc, nhưng việc đọc lại cũng dẫn bạn đi theo một kinh nghiệm khác, con đường khác. Các tác phẩm nghệ thuật đều có tính chất như thế, đó là lý do vì sao ngày trước các vở tuồng thường được diễn đi diễn lại nhiều lần: người đọc không đến xem tuồng để biết câu chuyện kết thúc ra sao vì họ đã biết rồi, mà để xem các diễn viên diễn xuất ra sao. Nhưng cũng không phải chỉ có thế, vì đối với các nghệ thuật ngoài sân khấu, chẳng có ai diễn cả thì chính người đọc tự diễn lấy, tức là tự mình sống lấy kinh nghiệm của nhân vật. Thơ Nguyễn Đình Toàn là thơ của thời những năm sáu mươi của miền Nam; sau này ông còn làm nhiều bài thơ khác nhưng với một nghệ thuật không thay đổi. Ông không phải là người có khuynh hướng cách tân. Số lượng tác phẩm thơ cũng không lớn lắm, so với tiểu thuyết, nhiều bài nhiều người chưa biết, một phần vì thi sĩ là người lạng lẹ. Các chủ đề mà ông nói tới không phải là những vấn đề thời sự trước mắt, ở chúng có một không khí thân mật, những tiếng động quen thuộc, mở ra nhiều chiều kích, phía trước và phía sau, bên ngoài và bên trong. Đó là một loại thơ chủ quan, nặng riêng tư, từ ngữ đẹp, đôi khi như tiếng thì thầm, đôi khi như lời hát. Trong một số bài chữ dưng của ông chính xác, đẹp, không thay thế được. Trong bài Tình khúc thứ nhất, các câu thơ dài ngắn khác nhau nhưng không phải là thơ tự do. Các câu thơ đều đặn khác lại tựa như những nhịp cầu bắc qua sông Hồng hùng vĩ, nổi Gia Lâm nơi ông sinh ra và Hà Nội nơi ông nhớ về, nổi hoài niệm và hôm nay, tình yêu và mất mát, cay đắng và lòng tự trọng, tính yếu đuối và sự phản kháng dữ dội. Thơ trữ tình hôm nay nuôi dưỡng tình yêu quê

hương và khai mở sự thấu hiểu: đó là một công việc gấp đôi và mới mẻ. Sự hiểu biết, sự chia sẻ của chúng ta quan trọng hơn những khác biệt lịch sử, lập trường chính trị và văn hoá.

*Em còn yêu anh, còn yêu anh  
Cây còn xanh, còn tươi đầy kỷ niệm  
Mái trường xưa mỗi mùa phượng đến  
Ve còn kêu vang, còn kêu vang*

Vì vậy thơ trữ tình không phải chỉ là quá khứ, thơ ấy còn là xúc cảm mà chúng tạo ra ở người đọc hôm nay, trẻ tuổi, ngân vang thức tỉnh, là quá khứ muốn được sống lại và chắc chắn sẽ sống lại, để đánh thức và kêu gọi. Tuy vậy, tiếng nói thân mật ấy, cảm thông, tâm sự, cũng có khi là lời độc thoại, hay nói với nhân vật không có mặt. Ông trò chuyện với ký ức, với bạn bè, với người tình, như những ẩn dụ về một nơi chốn, dù đã xa, vĩnh viễn còn đó chờ đợi chúng ta trở về. Nguyễn Đình Toàn giữ lại cho mình một ngôn ngữ cổ điển, dịu dàng nhưng cô độc, buồn nhưng nhân từ, đôi khi đau đớn nhưng nhiều tha thứ. Thơ và ca từ của ông không dữ dội như Trần Dạ Từ, không sầu khổ như Du Tử Lê, mà đậm sâu, lưu luyến, nhắc nhở, như thể tôi có thể để bài thơ của ông ở đó một mình mà đi chỗ khác, đi làm việc khác, nhưng khi trở lại, giai điệu của nó vẫn còn đó, mỉm cười bao dung, như thiên nhiên của quê hương quen thuộc, như trầm hương một thuở của chúng ta, như đời sống, chờ khi cất tiếng.

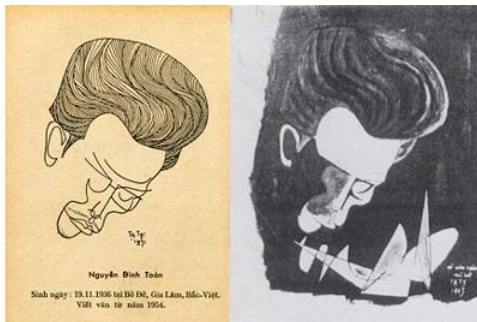
*Khi em về trời xanh và gió mát  
Con đường mòn thơm lá mục quê hương  
Vườn cải ngồng đỏ ong bướm về sân  
Anh nằm đấy buổi trưa và tiếng nắng*

*Mặt đất mềm bước chân em chột nặng  
Lá tre vàng đùn thổi mùa thu đi  
Luống huệ ấy xòe những vòng hoa trắng  
Và đây thêm lá rụng liếp phen che*

Tôi nhớ đọc bài thơ Khi Em Về đã nhiều năm, đến khi đọc lại vẫn nguyên cảm giác ấy, như vừa mới viết hôm qua: sự chia sẻ của những người mất quê hương, dù đang ở đâu, trong nước hay ngoài nước, ở xa hay ngay trên làng cũ của mình. Đó sức mạnh của văn chương sinh ra từ ký ức tự phát (involuntary memory). Trong khi những hình ảnh của ông ngày nay không còn nữa, thì ký ức mà nó tạo ra vẫn còn ở với chúng ta lâu dài, lòng thương nhớ ấy tăng cường, làm đậm nét các hình ảnh, làm cho sự trở về trở thành nỗi ao ước của mỗi người Việt Nam.

\*\*\*

### Nguyễn Đình Toàn, nhạc sĩ



(Nguyễn Đình Toàn  
ký họa Tạ Ty)

## Thơ phổ nhạc (góp nhặt)

Từ lâu, nghĩa là từ trước năm 75, tôi nghĩ là Nguyễn Đình Toàn *chỉ làm thơ và viết văn thôi*, nếu cùng lắm thì ông *đặt lời cho nhạc như bài Tình Khúc Thứ Nhất*. Nhưng sau này tôi biết ông còn *sáng tác nhạc, ông viết rất nhiều ca khúc*. Trong những ca khúc của ông tôi thích đâu 3, 4 bài, như bài Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên mà nhiều người biết đến.

Nguyễn Đình Toàn sáng tác nhạc rất nhiều, sau khi ra hải ngoại ông đã cho ra mắt 2 CD, đó là: Hiền Cúc Vàng với chỉ một giọng ca Khánh Ly, và Tình Ca Việt Nam với Duy Trác, Khánh Ly, Sĩ Phú, Thái Thanh, Võ Anh Tuấn, Lệ Thu.

Nhạc Nguyễn Đình Toàn mang hơi hám của một người lưu vong luôn luôn nhớ về những kỷ niệm cũ, một hoài niệm không rời với hồi ức, thường buồn hơn vui, đã đưa người nghe vào một không gian âm thanh sâu lắng, không sôi nổi xáo động, nó trầm lắng, dịu dàng, nên lớp người cũ đã sống trước bấy lâu ở miền Nam rất thích nghe.

### Sài Gòn niềm nhớ không tên

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
Như dòng sông nước cuộn quanh nguồn  
Như người đi cách mặt xa lòng  
Ta nhủ thăm em có nhớ không

Sài Gòn ơi! Đâu những ngày khi thành phố xôn xao  
Trong niềm vui tiếng hỏi câu chào  
Sáng đời tươi thắm vạn sắc màu  
Nay còn gì đâu.

Ai ra đi nhớ hàng me già  
Thu công viên hoa vàng tượng đá  
Thôi hết rồi mộng ước xa xôi  
Theo dòng đời trôi.

Sài Gòn ơi! Đâu những ngày mưa mùa khoác áo đi  
Tay cầm tay nói nhỏ câu gì  
Đâu quầy hoa quán nhạc đêm về  
Còn rộn ràng giọng hát Khánh Ly

Sài Gòn ơi! Thôi hết rồi những ngày hát nhớ nhau  
Nhớ Phạm Duy với tình ca sầu  
Mắt lệ rơi khóc thuở ban đầu  
Còn gì đâu

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
Mất từng con phố đổi tên đường  
Khi hẹn nhau ta lạc lối tìm  
Ôi tình buồn như đã sống thêm

Sài Gòn ơi! Tôi mất người như người đã mất tôi  
Như trường xưa mất tuổi thiên thân  
Hy vọng xa hay mộng ước gần

Nay còn gì đâu

Ai ra đi nhớ hoài câu thề  
Nơi quê hương muôn người chờ ngóng  
Ta tiếc thời âu yếm xa xưa  
Bây giờ còn đâu

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
Như hàng cây lá đổ bên thềm  
Mặt trời soi dáng nhỏ dịu hiền  
Đang ngập ngừng trên môi lặng im

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
Như mộ bia đá lạnh hương nguyệt  
Như trời sâu đã bỏ đất liền  
Nay còn đâu.

### **Nước Mắt Cho Sài Gòn (Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên)**

---

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
như giòng sông nước cuốn quanh buồn  
như người đi cách mặt xa lòng  
ta hỏi thăm em có nhớ không

Sài Gòn ơi! Đến những ngày ôi hè phố xôn xao  
trong niềm vui tiếng hỏi câu chào  
sáng đời tươi thắm vạn sắc màu  
nay còn gì đâu...

Ai đã xa nhớ hàng me già, thu công viên hoa vàng tượng đá  
thôi hết rồi mộng ước xa xôi, theo giòng đời trôi...

Sài Gòn ơi! Đâu những ngày mưa mùa khoác áo đi  
tay cầm tay nói nhỏ câu gì  
Những quầy hoa quán nhạc đêm về  
Còn rộn ràng giọng hát Khánh Ly

Sài Gòn ơi! Thôi hết rồi những ngày hát nhớ nhau  
Nhớ Phạm Duy với tình ca sầu  
mắt lệ rơi khóc thưở ban đầu  
Còn gì đâu

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
mất từng con phố đổi tên đường  
khi hẹn nhau ta lạc lối tìm  
ôi tình buồn như đã sống thêm

Sài Gòn ơi! Tôi mất người như người đã mất tôi  
như trường xưa mất tuổi thiên thần  
hy vọng xa hay mộng ước gần

Đã lìa tan

Trăng ơi trăng có còn chẳng là  
Sao ơi sao, sao mờ lệ nhớ

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
như hàng cây lá đỏ trông tìm  
Mắt trời trong cánh nhỏ chim hiền  
Đã ngậm sầu ngang môi lặng im

Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên  
như mộ bia đá lạnh hương nguyên  
Như trời sâu đã bỏ đất sâu.  
Còn gì đâu...

Lúc này, Vũ Thành An và Nguyễn Đình Toàn chứa nổi, tác giả chỉ là cái tên, nhưng bản nhạc quá hay nên có tôi cảm tình với tác giả ngay, nhất là tác giả viết lời. Lúc đó, tôi cứ nghĩ Vũ Thành An đã phổ từ một bài thơ nào đó của Nguyễn Đình Toàn. Nhưng sau này, khi tôi đọc trên một tờ báo nào đó, mới biết là nhạc phẩm này của Vũ Thành An, *Nguyễn Đình Toàn viết lời*. Chúng ta hãy đọc lại bài thơ, ông dùng ngôn ngữ rất lạ mà rất thơ:

### Tình khúc thứ nhất

Tình vui theo gió mây trôi  
Ý sầu mưa xuống đời  
Lệ rơi lấp mấy tuổi tôi  
Mấy tuổi xa người  
(...)  
Ngày về quê xa lác lê thê  
Trót nghe theo lời u mê  
Làm tình yêu nuôi cánh bay đi  
Nhưng còn dăm phút vui trần thế

Bản nhạc này, tôi nghe (sau đó được nghe lại mấy lần) và tự nhiên thuộc lời, rồi tôi đã đem lời nhạc này đọc cho học sinh trong lớp tôi dạy (vì tôi dạy môn Việt văn nên tôi tha hồ mà bình luận, bốc phét, thêm nhưn nhị vào bài thơ, những ý tưởng mà có lẽ tác giả cũng không nghĩ ra). Có thể nhờ bản nhạc này mà tôi có một (vài) mối tình rất thơ với (mà) cô gái Mộ Đức, một cô gái có tên là Nè, mà sau này tôi có viết trong một truyện ngắn, truyện Nè xưa. Bây giờ tất cả đã xa lác lợ, chỉ còn là kỷ niệm. Cám ơn nhà thơ Nguyễn Đình Toàn.  
Sau này, cũng thời gian năm 66 hay 67 gì đó, tôi có đọc một bài thơ của Nguyễn Đình Toàn ở đâu đó, và rất mê. Nhưng lâu rồi cũng quên nhan đề, sau khi tìm kiếm, lục lọi, mới biết đó là bài

Nhạc sĩ Vũ Thành An là một trong những nhạc sĩ thành danh của miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975. Các “*Bài Không Tên*” là những dấu ấn gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp sáng tác của ông. Hiện nay, ông là một Phó tế của Giáo Hội Công Giáo Rôma (Rome), đã ngừng sáng tác nhạc Tình Ca mà chỉ sáng tác nhạc Thánh Ca.

Nhạc sĩ Vũ Thành An sinh tại Hải Hậu, Nam Định năm 1943. Năm 1954 ông theo gia đình di cư vào miền Nam. *Năm 1960, ông vào học trường trung học Nguyễn Trãi*, đồng thời theo *học nhạc với Nhạc sĩ Chung Quân* cùng lúc với NS Ngô Thụy Miên, NS Đức Huy. Năm 1961 ông thi hỏng Tú Tài và về trường Hưng Đạo học tiếp Đệ Nhị. Năm 1963, ông thi đậu Tú Tài toàn phần.

Sau đó ông được linh mục Trần Đức Huỳnh, giám đốc trường Hưng Đạo cho dạy lớp Đệ Thất để có tiền học Đại Học. Cuối năm 1963, ông vào làm phóng viên ở Đài Phát Thanh Sài Gòn, nơi đây ông gặp nhà thơ Nguyễn Đình Toàn.

Năm 1965 NS Vũ Thành An sáng tác nhạc phẩm “Tình Khúc Khứ Nhất” (*thơ Nguyễn Đình Toàn*) để kỷ niệm một mối tình, và ông nổi tiếng ngay từ ca khúc đầu tay này. Sau đó ông sáng tác tiếp các “Bài Không Tên Số 1, 2, 3, 4”. Cuộc tình của ông kéo dài được một năm thì chấm dứt, tác phẩm “Bài Không Tên Cuối Cùng” đánh dấu thời điểm đó. Sau “Bài Không Tên Cuối Cùng”, NS Vũ Thành An quay lại sáng tác tiếp các “Bài Không Tên Số 5, 6, 7”... không theo một thứ tự nào.

Năm 1967, ông nhập ngũ khóa 25 Sĩ Quan Dự Bị Thủ Đức và 1969 ông lập gia đình. Năm 1969, ông phát hành tập nhạc “Những Bài Không Tên”. Các tác phẩm của NS Vũ Thành An được mọi người yêu thích ở khắp miền Nam khi đó. Người ta có thể nghe tại gần như hầu hết các quán cà phê có nhạc của Sài Gòn và những thành phố lớn khác, nhất là trên các làn sóng phát thanh thường xuyên. Tên tuổi của NS Vũ Thành An cùng với các nhạc phẩm: “Tình Khúc Thứ Nhất”, “Em Đến Thăm Anh Đêm 30”, và các “Bài Không Tên” gắn liền với giới trẻ thời bấy giờ. NS Vũ Thành An cùng với NS Trịnh Công Sơn, NS Ngô Thụy Miên, NS Từ Công Phụng, NS Lê Uyên Phương tạo thành một thế hệ nhạc sĩ mới tài năng trong thời gian này.

Năm 1971, NS Vũ Thành An tốt nghiệp đại học Luật Khoa Sài Gòn. Ông tiếp tục làm việc tại Đài Phát Thanh Sài Gòn với cấp bậc sĩ quan, và trải qua nhiều chức vụ: Trưởng cơ sở dân vận Gia Định 1973, Trưởng phân khối văn hóa, Phụ tá trưởng khối chương trình, Trưởng khối chương trình và Trưởng phân khối kế hoạch hệ thống truyền thanh 1974.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, NS Vũ Thành An là *người cuối cùng rời Đài Phát Thanh Sài Gòn, lúc 10 giờ 30 giờ sáng. Sau đó ông phải học tập cải tạo suốt mười năm dài từ 1975 đến 1985 tại miền Bắc*. Theo lời NS Vũ Thành An, ông bắt đầu sáng tác Thánh Ca, Những Bài Nhân Bản, trong thời gian cải tạo từ năm 1981.

Năm 1991, NS Vũ Thành An rời Việt Nam và định cư tại Hoa Kỳ. Năm 1996, ông *ghi danh học chương trình Cao Học Thần Học* của Tổng Giáo Phận Portland, Oregon.

Năm 2000, NS Vũ Thành An được đào tạo làm Phó Tế và phụ trách Đài Phát Thanh Việt Nam Hải Ngoại ở Portland, Oregon. NS Vũ Thành An ngừng sáng tác tình khúc và chỉ tiếp tục soạn các bản thánh ca, và tham gia các công việc từ thiện.

## TÌNH KHÚC THỨ NHẤT

Vũ Thành An phổ theo thơ Nguyễn Đình Toàn  
Võ Anh Tuấn dịch sang lời Anh.

Tình vui theo gió mây trời ý sâu mưa xuống đời, lệ  
The world of love-ly love is for two of us. Sud-den-  
roi lấp mấy tuổi tôi mấy tuổi xa người, ngày thân tiên em bước lên ngôi đã  
ly and ten-der-ly, it came to me. For the day you took my heart, it  
nghe son vàng lá lồi, trâm minh trong hương đời hơi bay mong tìm ra phút xum vầy.  
was so won-der-ful. Lo-king in your ten-der eyes, I knew I've found my love.  
Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai, những cánh đời là lời mà  
How can I for-get the whole amp-ly days, if you were not there and  
trong bóng đêm dài. Lời nào em không nói em ơi, tình nào không gian đời, xin yêu  
the nights grew long. I prayed for e-ter-ni-ty and strength of our love, and we  
nhau như thời gian làm đóng bão mê say, lá thổi lên lời cây, gió lá

### Tình Khúc Thứ Nhất

đưa đường mây, có yêu xin những ngày thơ ngây. Lúc mắt  
ten-der-ness, we've lost in the fai-ry place With just  
chưa nhạt phai, lúc lúc chưa đổi thay, lúc mới chưa biết  
pu-ri-ty, on-ly ten-der-ness in the silence of  
đổi cho lời. Tình vui trong phút giây thời ý sâu nuôi suốt đời, thì  
Thần tiên gảy cánh đêm xuân bước lạc sa xuống trần, thành tình  
hu-ly-night. But when you turned your back, and you walked a-way, in the  
xin giữ lấy niềm tin đầu mộng không quên, dù trời đem cay đắng gieo thêm cũng  
nhân đường giữa trời không khúc mộng thiên đường, ngày về qua xa lác lẽ thế trời  
dark and star-less night say-ing good-bye and then I'll step in-to the  
xin đến chờ bình yên, vì cần đây cần nói yêu em âm thầm soi lối vui tìm đến.  
nghe theo lời u mê, làm tình yêu nuôi cánh bay đi nhưng còn đắm phút vui trần thế.  
path of pa-ra-dise, pa-ra-dise of bro-ken heart, with first me-lo-dy of love.

Thi khúc “Tình Khúc Thứ Nhất”

(Nguyễn Đình Toàn & Vũ Thành An)

Tình vui theo gió mây trôi  
Ý sầu mưa xuống đời  
Lệ rơi lấp mấy tuổi tôi  
Mấy tuổi xa người  
Ngày thần tiên em bước lên ngôi  
Đã nghe son vàng tá tơi  
Trầm mình trong hương đốt hơi bay  
Mong tìm ra phút sum vầy  
Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai  
Những cánh dơi lẻ loi mù trong bóng đêm dài  
Lời nào em không nói em ơi  
Tình nào không gian dối  
Xin yêu nhau như thời gian làm giông bão mê say  
Lá thốt lên lời cây  
Gió lú đưa đường mây  
Có yêu nhau xin ngày thơ ngây  
Lúc mắt chưa nhạt phai  
Lúc tóc chưa đổi thay  
Lúc môi chưa biết dối cho lời  
Tình vui trong phút giây thôi  
Ý sầu nuôi suốt đời  
Thì xin giữ lấy niềm tin dẫu mộng không đền  
Dù trời đem cay đắng gieo thêm  
Cũng xin đón chờ bình yên  
Vì còn đây câu nói yêu em  
Âm thầm soi lối vui tìm đến  
Thần tiên gãy cánh đêm xuân  
Bước lạc sa xuống trần  
Thành tình nhân đứng giữa trời không  
Khóc mộng thiên đường  
Ngày về quê xa lác lê thê  
Trót nghe theo lời u mê  
Làm tình yêu nuôi cánh bay đi  
Nhưng còn dăm phút vui trần thế.

Thi khúc “Em Đến Thăm Anh Đêm 30”  
(Nguyễn Đình Toàn và Vũ Thành An)

Em đến thăm anh đêm ba mươi  
Còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi  
Anh nói với người phu quét đường  
Xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em.  
Tay em lạnh để cho tình mình ấm  
Môi em mềm cho giấc ngủ em thơm  
Sao giao thừa xanh trong đôi mắt ngoan  
Trời sắp Tết hay lòng mình đang Tết.  
Tháng ngày đã trôi qua  
Tình đã phôi pha, người khuất xa

Chỉ còn chút hương xưa  
 Rồi cũng phong ba rụng cùng mùa.  
 Dòng sông đêm hồn đen sâu thao thức  
 Ngàn vì sao mọc hay lệ khóc nhau  
 Đá buồn chết theo sau ngày vục sâu  
 Rớt hoài xuống hư không cuộc tình đau.

*Em đến thăm anh đêm ba mươi.*

*nhạc : Vũ thành An  
 thơ : Nguyễn Đình Toàn*

## Nhạc Nguyễn Đình Toàn, tiếng kêu bi thương của thời đại T.Vấn

Để giới thiệu một người đã thành danh như Nguyễn Đình Toàn, quả là một việc làm thừa thãi. Và khó. Dù vậy, cảm giác mình mang món nợ gần hết một đời người với ông, cứ làm tôi vào suy, ra nghĩ, lẩn cấn không yên. Cho đến khi nhận được mấy CD nhạc ông gửi “ nghe chơi “ qua người bạn trẻ Lưu Na, và lời “ tiết lộ “ rằng ông phải mày mò tìm chỗ này một bài, chỗ kia một bài mới tạm gom lại được những đứa con âm nhạc của mình, tôi chợt nghĩ ra cách để . . . trả ơn ông, món nợ càng mang càng nặng, vì lãi để ra lời, lời để ra lãi.

Gần 50 năm , kể từ ngày tôi đọc những dòng chữ đầu tiên của tiểu thuyết “ Con Đường “ ( Sài Gòn 1972- Giao Điểm xuất bản) , làm quen với thế giới văn chương Nguyễn Đình Toàn, và từ đó, không nở buông ra, không thể buông ra, tôi đã nghiện cái không khí ẩm ướt của những trang chuyện , với những nhân vật không thật mà như có thật, không tên mà như có tên, mỗi

người đều mang nỗi buồn riêng, như nỗi buồn của chính tôi. Từ ngày ấy, tôi biết thế nào là văn chương, qua chữ nghĩa Nguyễn Đình Toàn. Trên trang viết TV&BH, tôi đã hơn một lần nhận ông là người thầy chưa một lần gặp, dù quanh tôi, luôn phảng phất bóng dáng ông.

50 năm sau, nhà văn nhà thơ Nguyễn Đình Toàn đã khẳng định mình ở bộ môn âm nhạc. Dù ông chưa bao giờ tự nhận, nhưng danh xưng nhạc sĩ để trước cái tên NĐT bây giờ đã là điều mặc nhiên. Vì ông xứng đáng với danh xưng ấy hơn rất nhiều những người tự/được gọi là nhạc sĩ. Với tôi, nếu trước đây nhà văn NĐT đã chinh phục tôi như thế nào, thì giờ này, nhạc sĩ NĐT cũng chinh phục tôi như thế ấy. Ông chứng minh cho tôi thấy rằng một bài hát, bằng vào sự phối hợp tuyệt diệu giữa nốt nhạc và lời nhạc, tạo nên một ấn tượng sâu sắc nơi người nghe hơn hẳn một bài thơ hay, chuyên chở nhiều ý nghĩa hơn một bài văn hay, và ở lại trong lòng người nghe lâu hơn bất cứ loại hình nghệ thuật nào. Ít nhất, với tôi, nhạc của Nguyễn Đình Toàn đã làm được công việc ấy, một cách xuất sắc.

Nghe nhạc của Nguyễn Đình Toàn, là bước vào một thế giới nội tâm đau xót, không phải chỉ của tác giả, không phải chỉ của người hát, mà còn của chính mình, người nghe. Sau cơn đau xót, là nỗi bi phần. Trong nhạc của NĐT, tôi nhìn thấy sự tang thương của đất nước tôi, bao năm trôi qua kể từ ngày chiến tranh chấm dứt vẫn còn chia rẽ, hận thù, dối trá, lừa lọc. Dấu vết thời đại hằn rõ nét trong nhạc của ông, nên người ta nghe nhạc NĐT không phải để giải trí, mà là để tự đắm mình trong những dằn vặt không bao giờ nguôi ngoai. Mà hình như nhà văn nhà thơ Nguyễn Đình Toàn viết nhạc không phải như một cuộc phiêu lưu vào những bộ môn nghệ thuật khác để chứng tỏ với người/với mình về một khả năng đa dạng. Theo tôi, ông chọn âm nhạc như phương tiện hữu hiệu nhất để phát biểu tiếng nói chân thực của trái tim con người trước những biến đổi tàn nhẫn của lịch sử. Và ông đã thành công. Cuối đời, với vai trò người viết nhạc, Nguyễn Đình Toàn đã khắc họa được những tiếng kêu bi thương nhất của con người thời đại. Bi thương ở cả nghĩa đen của âm thanh ( nốt nhạc ) và nghĩa bóng của ngôn ngữ ( lời nhạc ).

Người bạn trẻ Lưu Na của trang TV&BH đã nhận xét khá thú vị về nhạc Nguyễn Đình Toàn: "...lời nhạc của ông thường cứ như dao lách vào lòng người nghe, vào những ngõ ngách của tâm hồn mà không phải ai cũng gọi được tên. Khen chữ của NĐT là khen phò mã tốt áo. Nhưng đọc lời nhạc NĐT thì mình nghĩ hay không vì chải chuốt mượt mà hay cầu kỳ văn hoa. Nó hay ở cái chỗ giản dị mà đúng một cách đốn đau, những con chữ của cuộc sống đời thường được tóm lại, đưa vào với một nốt nhạc kêu lên đúng cái âm vang khổ đau, ray rứt của tâm hồn. Không cầu kỳ, không phóng đại, chỉ đúng chỗ đúng mức đúng tâm tư. . . Nhạc giản dị, nhưng không dễ hát và lại kén giọng. Range rất rộng, từ Sol (G) dưới Do trung (C) lên đến Mi (E), khó chuyển giọng, và thích hợp với giọng nam nhiều hơn giọng nữ. . . Thêm nữa là ông thả nhiều nốt bất ngờ, không như lẽ thường theo đúng hợp âm. Thường nghe nhạc, ai nghe một câu cũng có thể lái theo câu kể, nhưng rồi NĐT lại thả vào một nốt khác cái khung dự đoán. Vì vậy nghe lạ và thành mới!

Với mình, đặc sắc chính ở chỗ giản dị, giản dị từ nhạc đến lời, không ở chỗ cầu kỳ chải chuốt; đặc sắc ở chỗ chọn đúng chữ đúng lời, chọn đúng nốt nhạc để lái. Nhạc NĐT toàn như tấm áo cắt khéo, mũi chỉ đường kim sắc sảo trên nền vải lụa đúng hàng đúng màu sắc đúng chiều sợi vải. Tấm áo sang chính vì cái giản dị có cân nhắc có nghệ thuật. Chiếc áo sang làm đẹp vóc người mặc mát mắt người nhìn. Bài nhạc sang làm rõ bản lĩnh người hát và đẹp tâm hồn người nghe. Nhưng đồng cảm, phải có cả một tâm hồn, không biết có bao nhiêu người thấm thía với NĐT? . . . ( Lưu Na – Cửa Chữ Và Người ).

Trong nỗ lực nhận diện Nguyễn Đình Toàn với tư cách một nhạc sĩ, tôi thấm thía vô cùng cảm tưởng của một người trẻ thuộc thế hệ một rưỡi khi nghe nhạc NĐT:

“ . . . khi tiếng nói của mỗi con người bị tắt nghẹn, chúng ta có âm thanh nào để nói lên nỗi khổ đau? Đứng dưới đáy vực sâu con thú còn có tiếng kêu bi thương, sao chúng ta phải đành nghẹn ngào nhìn đời sống tàn lụi, giọt nước mắt cho mình cho người phải đành chảy ngược vào hồn? Chính trong nỗi đau quê hương con người bị tàn phá mà dòng nhạc NĐT mang lại cho mình một điểm tựa, một niềm tin.

Dòng nhạc ấy giữ lại cho mình một tình yêu đơn sơ, một niềm yêu lãng mạn dẫu đất đen đường đã len vào hồn ta, dẫu đời chẳng còn ai. Một giọt sương trong một mầm lá mỏng, một ánh trăng phai một chiếc lá mừng đổi hương nồng... Ngôn ngữ mền yêu của chúng ta đẹp hơn khi dội được vào lòng những hình ảnh những cảm niệm những tiếng khóc những nỗi niềm. Chẳng biển rộng sông dài, chẳng núi cao vực sâu, chỉ là những tiếng vỗ vàng khua động giữa thâm tâm. Nơi những lời không nói được, NĐT đã gói vào những âm vang ray rứt khổ đau cho mình cất tiếng. Nghe với nhau để chung hòa, hát một mình để khóc. Để khóc... Và mừng, vì chính lúc thoát ra được những âm vang ray rứt khổ đau ấy mà mình tìm lại được mình tìm lại được nhau. Mai sau dù có bao giờ...” ( Lưu Na ).

Sáng tác âm nhạc, khác với những loại hình nghệ thuật thơ văn, đến với người thưởng ngoạn qua trung gian người trình bày. Với nhạc của Nguyễn Đình Toàn , tiếng hát của ca sĩ Khánh Ly là một trung gian tuyệt vời nhất. Người nghệ sĩ già dặn kinh nghiệm ấy đã chuyển tải trọn vẹn tiếng lòng người viết nhạc, và đôi khi còn nâng những giọt âm thanh lên một độ cao nghệ thuật rất bất ngờ, và cũng rất buốt lòng. Đặc biệt với CD Hiên Cúc Vàng gồm 10 bài nhạc tiêu biểu nhất của nhạc sĩ NĐT, tiếng hát Khánh Ly đã chứng tỏ sự thành công cuối đời của bà gắn liền với nhạc Nguyễn Đình Toàn, như cách đây 50 năm, sự thành công đầu đời của bà đã gắn liền với nhạc Trịnh Công Sơn.

Trang TV&BH, với sự cho phép và hiệu đính của nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn, sẽ lần lượt giới thiệu và lưu trữ tất cả những tác phẩm âm nhạc của nhạc sĩ, như “ một bông hồng tạ ơn “ gửi đến con người tài hoa đã dành cả đời mình cho nghệ thuật. Đúng ra, công việc chính của chúng tôi là thu gom và lưu trữ những tác phẩm của ông đã được thính giả khắp nơi đưa lên rải rác ở các trang lưu trữ âm nhạc, mà như trên đã nhắc đến, chính tác giả cũng không có được trong tay đầy đủ những đứa con tinh thần của mình.

Chuyên mục “ Góc Nhạc “ của trang TV&BH sẽ là nơi chuyên chở gia tài âm nhạc Nguyễn Đình Toàn. Và vì tầm vóc của gia tài ấy, việc thực hiện sẽ cần nhiều thời gian. Chúng tôi mong nhận được sự giúp đỡ của người yêu nhạc Nguyễn Đình Toàn, để cùng nhau, chúng ta gửi đến ông một bông hồng đẹp tạ ơn.

Rồi đây, ông sẽ trăm tuổi. Lúc ấy, được nhìn thấy công trình một đời của mình “ thu về một mối “ , há chẳng phải là sự mãn nguyện cho ông ( và cho tôi, kẻ mang nợ ) hay sao ?

Người đời sau, có ai muốn biết đến tác phẩm của một nhạc sĩ có tên Nguyễn Đình Toàn, hẳn cũng sẽ có một nơi tìm đến mà lắng nghe tiếng kêu bi thương của một thời đại và nhỏ đôi giọt nước mắt cho những tiền nhân rất không may trong lịch sử.

## Nguyễn Đình Toàn: Dẫn em vào nhạc Quỳnh Giao

Ngày còn bé, Nguyễn Đình Toàn không biết đánh đàn.

Ông đánh mặt chược thuộc loại đáo đẽ và ăn nói còn đáo đẽ hơn trên bàn mặt chược, nhưng Quỳnh Giao nghi là ông không biết đánh đàn. Hoặc có lẽ không thèm đánh đàn. Ở tuổi ấu thơ, Nguyễn Đình Toàn ham mê chuyện khác, để ý đến chuyện khác, chuyện thi ca chẳng hạn, thơ và nhạc.

Người ta có thể kết luận như trên khi đọc tập bút ký của ông viết về 190 tác giả, có tựa đề là “Bông Hồng Tạ Ơn” vừa được ra mắt tại báo quán Người Việt chiều 28 Tháng Mười vừa qua. Quỳnh Giao không viết về ông trước ngày đó như để giới thiệu sinh hoạt này.

Nguyễn Đình Toàn là nghệ sĩ không cần được giới thiệu.

Nguyễn Đình Toàn có lẽ không đánh đáo với chúng bạn đồng tuổi vì ông mãi nhìn mây, nghe nhạc, đọc văn và tìm hiểu về thơ. Không vậy, ông đã chẳng có một ký ức đầy ắp về những nghệ sĩ đã nổi danh từ thập niên 1950. Ông biết về họ rất tường tận, trước khi chính mình bước vào thế giới đó.

Giới yêu văn học thì biết Nguyễn Đình Toàn qua các tác phẩm văn chương. Ông là một nhà văn nổi tiếng, có độc giả và từng được Giải thưởng Văn Chương với Áo Mơ Phai, tác phẩm làm ông bị khổ sở không ít sau năm 1975.

Ông còn khổ sở hơn vì không chịu cúi đầu, vẫn cứ ngang ngạnh khi gặp cảnh tù đầy.

Sau khi được thả ra, ông còn ngang ngạnh (dùng chữ hiên ngang tất sẽ làm ông khó chịu!) và khi chế độ trong nước thay đổi, xin tái bản lại Áo Mơ Phai, ông vẫn ngang ngạnh: “Các anh muốn làm gì chẳng được, nhưng đã hỏi tôi khi muốn tái bản thì tôi chỉ xin các anh ghi vào lời tựa lý do vì sao đã kết án tác phẩm và bỏ tù tác giả!”

Được tái bản sách, nhiều người rất thích và dành nhin. Nguyễn Đình Toàn lại có cách từ chối đáo đẽ như vậy thì... ai mà nhin được!

Giới yêu thơ cũng từng mê thơ Nguyễn Đình Toàn, đã được đọc lại còn được nghe.

Quỳnh Giao xin nói về chuyện nghe thơ này.

Thời ấy, vào thập niên 1960 trở về sau, các ban tân nhạc trên đài phát thanh đều có xưởng ngôn viên của đài hoặc chính các ca sĩ tự giới thiệu lấy trước khi trình bày. Và người ta không có lời giới thiệu (tiền thân của giới EmXi MC thời nay) để cho tác phẩm một cái mũ, một cái “chapeau” dẫn vào tác phẩm và nghệ sĩ trình bày.

Ngoại lệ có tính chất tiên phong là chương trình “Tiếng Nhạc Tâm Tình” của Anh Ngọc, do Mai Thảo viết chapeau dẫn thính giả vào nhạc. Ông có cách hành văn rất tây, với lối dùng chữ mới lạ, dễ “bất tai” thính giả. Hàng tuần, thính giả chờ đón để được nghe các ca khúc nghệ thuật mà người hát, hòa âm, và cả lời giới thiệu đều trau chuốt bóng bẩy. Người đọc những dòng giới thiệu thường là Anh Ngọc, Mai Thảo, đôi khi Thái Thanh, Kim Tước, Mai Hương và cả Quỳnh Giao.

Người không đội mũ nhưng gắn hoa và thổi mây lên từng ca khúc nghệ thuật là Nguyễn Đình Toàn, với chương trình gọi là “Nhạc chủ đề”.

Ông viết lời giới thiệu như người ta làm thơ. Văn phong của ông cổ điển hơn, khác với lối viết của Mai Thảo hay lời nhạc Trịnh Công Sơn, nhưng là một loại thơ dẫn vào nhạc.

Chương trình ăn khách và thực sự tạo ra một trào lưu chính là nhờ giọng nói truyền cảm, như lời thủ thỉ, của Nguyễn Đình Toàn. Ông dẫn thính giả vào nhạc bằng câu “Hỡi em yêu dấu” như chỉ nói với một người. Qua làn sóng điện người nghe thấy ông thắm thì với riêng mình về những cảm xúc do ca khúc gợi lên. Ông tạo ra một không khí tình cảm dịu dàng điệu nghệ để người nghe chuẩn bị đón nhận...

Lời thủ thi ấy đẹp như thơ làm thính giả phái nữ thấy lòng mình chùng xuống.

Đáng lẽ, chương trình ấy phải được gọi là “Dẫn em vào nhạc” mới phải, nhưng thời ấy chúng ta chưa dám táo bạo như thế! Qua cách nói... “hỡi em yêu dấu”, rõ là Nguyễn Đình Toàn chỉ nói với phái đẹp. Vào quãng thời gian ấy, ông còn quá trẻ để gọi thính giả nam phái là “em”!

Mà ông không cao ngạo như Đình Hùng khi xưng là “ta” với người đẹp, ông mộc mạc nhũn nhặn xưng là “tôi”.

Thế mới chết... chị Thu Hồng!

Nhớ lại thì nếu Tiếng Nhạc Tâm Tình của Anh Ngọc gồm những giọng hát thượng thặng của thời đó trình bày, được chính ông chọn lọc và bày bán giới hạn tại cửa hàng Au Printemps gần thương xá Tax, đã dẫn tới một ngành sinh hoạt mới là các trung tâm thực hiện băng nhạc, thì chương trình Nhạc Chủ Đề của Nguyễn Đình Toàn đã là nơi báo hiệu hào quang lên những ca sĩ sau này là tên tuổi lẫy lừng, như Sĩ Phú, Khánh Ly, Lệ Thu...

Phải nói rằng nhiều ca sĩ thường xuyên cộng tác với đài phát thanh hoặc xuất thân từ các gia đình nghệ sĩ thì đã được... “lăng xê” từ trước và họ thực sự là những người chuyên nghiệp vì sự đòi hỏi của các đài phát thanh. Chương trình của Nguyễn Đình Toàn lại khác.

Ông mời những giọng hát tài tử trong tinh thần “hát cho vui”, hát vì nghệ thuật.

Luật gia Khuất Duy Trác thuộc thành phần ấy và đóng góp rất nhiều cho chương trình này. Một thí dụ khác là kỹ sư địa chất Võ Anh Tuấn - người tham dự việc tìm ra mỏ dầu đầu tiên - được mời hát Dạ Khúc của Nguyễn Mỹ Ca với giọng Nam như Trần Văn Trạch. Theo Quỳnh Giao, bài thành công nhất của Võ Anh Tuấn là Giọt Mưa Thu của Đặng Thế Phong. Miền Nam không có mưa Thu Hà Nội, Nguyễn Đình Toàn khơi dậy Mùa Thu ấy trong tâm cảnh của chúng ta ở miền Nam qua cách trình bày của Võ Anh Tuấn.

Không có cái tai thắm âm, ai lại dám làm điều ngược ngạo ấy vì thời đó và sau này, hát theo giọng Bắc mới được coi là hay!

Cũng qua chương trình Nguyễn Đình Toàn, mà Khánh Ly, Lệ Thu, Duy Trác hay Sĩ Phú, v.v... đã là những tiếng hát vượt không gian. Ra khỏi các sân khấu thành phố mà vang vọng khắp bốn vùng chiến thuật và tạo ra một làn sóng ngưỡng mộ từ đó không nguôi.

Ngay cả những ca khúc đầu tiên của Trịnh Công Sơn cũng đã như cánh vạc bay, và bay mãi, là từ chương trình Nhạc Chủ Đề, qua tiếng hát Khánh Ly và lời thủ thi của Nguyễn Đình Toàn.

“Những bản tình ca không có hạnh phúc” qua tiếng hát của “nàng góa phụ của cuộc chiến này” là cách Nguyễn Đình Toàn giới thiệu ca khúc Trịnh Công Sơn và Khánh Ly.

Có MC nào của đời nay làm chúng ta xúc động như vậy không?

Nguyễn Đình Toàn là nhà văn, là thi sĩ và ông giới thiệu nhạc bằng cảm nhận của nhà thơ.

Ông cũng là nhạc sĩ đã sáng tác rất nhiều trong những năm về sau nhưng tác phẩm bị trùm lấp trong biến cố 1975. Khi ông ra đến ngoài này, sự thắm âm của thiên hạ đã thay đổi. Người ta “hát giọng răng” (nói theo lối ví von của Phạm Duy, vì cô ca sĩ có hàm răng khắp khềnh) và giới

thiệu ca khúc bằng vũ khúc...

Có lẽ vì vậy mà Nguyễn Đình Toàn chưa cho ra mắt một tác phẩm đáng lẽ phải có tên là “Đ dẫn em vào nhạc Nguyễn Đình Toàn”, mà lại viết về những người nghệ sĩ ông sợ là chúng ta sẽ quên.

Ông gửi tới họ những bông hồng tạ ơn qua tài năng cố hữu của ông, là dùng thơ dẫn người đọc vào ngôi vườn hoa của người khác.

Khi viết bài này, trong dư âm của một chương trình nhạc chủ đề của Nguyễn Đình Toàn, (chủ đề cuốn băng là “tình ca”) Quỳnh Giao bồi hồi nghĩ là áo mơ chưa hề phai trong tâm khảm ông.

Nguyễn Đình Toàn chỉ sợ những kỷ niệm cần trân quý của chúng ta bị phai nhạt dần...

## Những kỷ niệm về chương trình “Nhạc chủ đề” của Nguyễn Đình Toàn trên làn sóng điện những năm 1960-1970

(trích bài viết của tác giả **Đào Trường Phúc**)



Một buổi tối khuya, một ngày của thập niên 1970, giọng nói trầm quen thuộc từ làn sóng điện: *“Tình ca – những tiếng nói thiết tha và tuyệt vời nhất của một đời người – bao giờ cũng bắt đầu từ một nơi chốn nào đó, một quê hương, một thành phố, nơi người ta đã yêu nhau... Tất cả mùa màng, thời tiết, hoa lá, cỏ cây của cái vùng đất thần tiên đó, kết hợp lại, làm nên hạnh phúc, làm nên nỗi tiếc thương của chúng ta...”*

*Em đâu ngờ anh còn nghe vang tiếng em trong tất cả những tiếng động ngủ ngờ nhất của cái ngày sung sướng đó: Tiếng gió may thổi trên những cành liễu nhỏ, tiếng những giọt sương rơi trên mặt hồ, tiếng guốc khua trên hè phố... Ngàn ấy thứ tiếng động ngân nga trong trí tưởng anh một thuở thanh bình nào, bây giờ đã gần im hơi, nhưng một đôi khi vẫn còn đủ sức làm ran lên trong ký ức một mùa hè háo hức, một đêm mưa bỗng trở về, gió cuốn từng cơn nhớ... Anh bỗng nhận ra anh vẫn còn yêu em, dù chúng ta đã xa nhau như hai thành phố”...*

Đó là những lời mở đầu một chương trình “Nhạc Chủ Đề” trên làn sóng điện của Đài Phát Thanh Sài Gòn, một buổi tối thứ năm nào đó. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn đọc những lời giới thiệu ấy sau phần nhạc hiệu của chương trình, và tiếp theo là những giọng hát và những ca khúc chọn lọc đến với thính giả – giọng hát Duy Trác và “Hương Về Hà Nội” của Hoàng Dương, giọng hát Thái Thanh và “Giáo Đường Im Bóng” của Nguyễn Thiện Tư, giọng hát Sĩ Phú và “Trở Về Dĩ Vãng” của Lâm Tuyền, giọng hát Lệ Thu và “Bóng Chiều Tà” của Nhật Bằng, giọng hát Khánh Ly và “Mùa Thu Chết” của Phạm Duy...

*Nghe lại các bài hát trong chương trình Nhạc Chủ Đề của Nguyễn Đình Toàn trên làn sóng điện thập niên 1960-1970*

Những lời giới thiệu ấy, những lời ca tiếng hát ấy dội vào tâm tư của cả một thế hệ Việt Nam, một thế hệ lớn lên trong bối cảnh của những cơn binh lửa nối tiếp nhau trên quê hương. Và kỳ lạ thay, đến bây giờ những ca khúc ấy vẫn ở lại trong ký ức họ, cho dù nhiều năm tháng đã trôi đi, bao nhiêu khuôn mặt đã xa khuất...

Nếu như đối với các thính giả ái mộ “Nhạc Chủ Đề” của thập niên 60, chương trình phát thanh ấy là một thư viện cất giữ gìn cho họ những trang sách kỷ niệm vô giá của tuổi thanh xuân hay một thời yêu đương, thì đối với sinh hoạt văn nghệ nói chung, “Nhạc Chủ Đề” là nhịp cầu tiếp nối giữa dòng nhạc tiền chiến và dòng nhạc sau cùng của miền Nam. Chắt nối kết hai dòng nhạc ấy là tình yêu, cho nên cuộc hành của “Nhạc Chủ Đề” chính là cuộc hành trình của tình ca Việt Nam, dọc theo những năm tháng tan tác khói binh.

“Tình Ca Việt Nam” là tựa đề của băng nhạc đầu tiên và duy nhất do người khai sinh chương trình “Nhạc Chủ Đề” – nhà văn – nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn – thực hiện vào năm 1970. Ngày đó trên quê hương chúng ta, compact disc và video chưa xuất hiện, mới chỉ có hình thức “bande magnetique”, và các phòng thu băng cũng chưa có những thiết bị kỹ thuật tối tân để lọc âm thanh, ghép tiếng hát...

Nhưng ngày đó cơn lốc chiến tranh đã cuốn hàng triệu người tuổi trẻ từ thành phố ra sa trường và đưa lửa đạn mịt mù từ sa trường về thành phố. Giữa giông bão chiến tranh, trong nỗi mong manh bọt bèo của thân phận con người, những ca khúc bất hủ của kho tàng tình ca Việt Nam được ghi lại và cất lên qua những giai điệu tuyệt vời nhất, vào giai đoạn thăng hoa nhất của những tiếng hát Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Duy Trác, Sĩ Phú, tiếng dương cầm của Nghiêm Phú Phi và Lê Vũ Lê Văn Chấn, tiếng vĩ cầm của Đan Thọ, Tuấn Khanh, Phạm Văn Phúc, Đào Duy... tiếng clarinette của Đỗ Thiệu và Lê Đô, tiếng đại hồ cầm của Nhật Bằng, nhịp trống của Trần Quang Mỹ...

Hơn ba mươi năm sau, khi khối người Việt Nam lưu lạc nơi hải ngoại đã chuyển tiếp từ thế hệ thứ nhất qua thế hệ thứ hai, rồi thế hệ thứ ba, “Tình Ca Việt Nam” mới được in và phát hành lần đầu tiên dưới hình thức CD. Nguyễn Đình Toàn gửi đến thính giả mười lăm bài hát cũ của chương trình “Nhạc Chủ Đề” trên làn sóng điện của Đài Phát Thanh Sài Gòn, cùng lúc với tuyển tập ca khúc thứ hai do ông sáng tác “Tôi Muốn Nói Với Em”. Và như thế, phải chăng một nhịp cầu đã được nối trở lại?

Nhưng câu hỏi ấy đặt ra để làm gì nhỉ? Ba mươi quá đủ dài để dập vùi bao nhiêu cuộc đời, xé nát bao nhiêu giấc mơ, cuốn phăng bao nhiêu ân tình, nhưng vẫn chưa và có lẽ chẳng bao giờ xóa sạch được dấu vết kỷ niệm trên ký ức của những người đã lạc nhau trong một cuộc bể dâu. Ba mươi năm trước, khi viết lời giới thiệu “Hương Về Hà Nội”, Nguyễn Đình Toàn nhắn nhủ rằng sự chia lìa hai thành phố trên cùng một đất nước cũng đớn đau y như cuộc phân ly giữa những cặp tình nhân sinh ra đời để yêu nhau.

Bây giờ đây, có những người mở mắt chào đời ở Hà Nội và trưởng thành ở Sài Gòn nhưng chẳng biết có còn được một ngày trở về để nhìn lại hai thành phố thân yêu ấy lần nữa hay không. Sự chia lìa giữa người và người đã trộn lẫn trong cuộc phân ly giữa người và quê hương, cũng như những con sông đều trở thành dòng vĩnh biệt để chảy vào biển cả câm lặng.

*“Ta đã xa nhau như đời xa cõi chết*

*Có bao giờ*

*Còn có bao giờ ta thấy lại nhau không?”*

Đó là lời hát của “Em Còn Yêu Anh”, một trong những ca khúc Nguyễn Đình Toàn viết khi ông sống sót trở về. Mỗi ca khúc ấy là hóa thân của một bài thơ, được viết trong đau rồi hát trong tim, như sự mài dũa trí nhớ để chống chọi với một cơn mộng dữ. Nhưng đau cho đau buồn bao nhiêu và cay đắng chừng nào, những bài thơ ấy vẫn còn nguyên vẹn sự óng chuốt và mềm mại, cũng giống như những lời giới thiệu “Nhạc Chủ Đề” của thập niên 60.



Thật là kỳ lạ khi mỗi câu thơ và lời hát này, sau bao nhiêu đợt sóng quay cuồng của định mệnh, vẫn có thể mang người ta trở lại với một ngày nắng vui hay một chiều mưa buồn, một buổi sớm mai trong mảnh vườn nhỏ của Hà Nội hay một đêm khuya hiu hắt trên đường phố Sài Gòn. Nếu người ta tái ngộ với chính mình qua những dòng thơ “Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mười” thì người ta cũng cảm thấy lòng trẻ lại với “Căn Nhà Xưa”. Cái rung cảm của năm nào

*“Tay em lạnh để cho tình mình ấm,  
môi em mềm cho giấc ngủ anh thơm,  
sao giao thừa xanh trong đôi mắt ngoan,  
trời sắp Tết hay lòng mình đang Tết ”*

– vẫn trở lại đầy ắp trong lời thầm thì của mấy chục năm sau:

*“Em có nhớ căn nhà xưa bên khu vườn cải,  
nơi những sớm mai nằm nghe nắng ròn trên mái  
...Có những sớm em tìm đến,  
với những đóa hồng khép nép giữa vòng tay ôm...  
Nghe sau lưng em có chiếc lá mừng,  
đã đổi màu xanh lấy hương nồng...”*

Những ca khúc ấy khiến người ta băng khuâng tự hỏi:

*“Biết đâu có một ngày ở hai phương trời cách biệt mà cũng đều là đất khách quê người, có đôi tình nhân cũ tuy xa nhau hàng ngàn dặm nhưng đang cùng chia sẻ với nhau một thanh âm quen thuộc, để nhắc nhủ nhau rằng ”tình ca – những tiếng nói thiết tha nhất của một đời người – bao giờ cũng bắt đầu từ một nơi chốn nào đó, một quê hương, một thành phố, nơi người ta đã yêu nhau...”*

Cũng như Hà Nội, Sài Gòn trong lời giới thiệu “Nhạc Chủ Đề” có thể chỉ là một nơi chốn kỷ niệm nào đó – “một thành phố nơi người ta đã yêu nhau”. Nhưng đối với tác giả bài hát, và đối với cả một thế hệ những người yêu quý ông, Sài Gòn giống như một chiếc hộp thần bí mà Pandora đã vô tình mở ra, và những oan khiên thống khổ tràn ngập không gian là cái giá phải trả cho những hạnh phúc tuyệt vời mà người ta nhận từ thế giới huyền hoặc của một thời tuổi trẻ.

Sài Gòn là nơi từ đó, suốt thập niên 60, qua làn sóng điện giữa đêm khuya thanh vắng, chương trình “Nhạc Chủ Đề” đã gửi đến thính giả những viên ngọc trác tuyệt nhất của kho tàng tình ca Việt Nam, những sáng tác bất hủ của Đoàn Chuẩn, Đặng Thế Phong, Nguyễn Thiện Tư, Dương Thiệu Tước, Nguyễn Văn Khánh, Ngọc Bích, Lâm Tuyền, Phạm Duy, Hoàng Trọng, Nhật Bằng... Mỗi bài hát là tặng vật vô giá mà chỉ riêng các cặp tình nhân Việt Nam mới có thể chia sẻ cùng nhau. Sài Gòn cũng là nơi mà Nguyễn Đình Toàn đã viết lên những ca khúc của chính ông, đầy chất thơ và miên man tình tự, ghi lại dấu vết những cuộc tình không may, nổi trôi giữa cơn gió định mệnh khắc nghiệt.

Dường như mỗi bài hát mà Nguyễn Đình Toàn đã viết và mang theo khi ông rời xa quê hương là dấu vết còn sót lại của một thời mà người ta cùng nghe với nhau và hát cho nhau nghe những bản tình ca. Những bài hát ấy rất buồn, mỗi lời hát có thể như một tiếng thở dài chua

xót, nhưng đó là ngôn ngữ của tình ca, của hạnh phúc và khổ ải quyện lẫn với nhau thành tặng phẩm của trần gian. Như ai đã nói:

*“Chẳng có gì khác biệt giữa những giọt lệ khốc thương và những giọt lệ mừng vui”*  
Biết đâu mỗi kỷ niệm đắng cay âm thầm chứa đựng một phút giây hạnh phúc?

## Hồi tưởng

### Nguyễn Đình Phụng Uyên

(Con gái nhà văn Nguyễn Đình Toàn)

#### 1.

##### Thuở bé

Mỗi chủ nhật, anh em tôi thường được bố mẹ chở đi chơi. Chỗ thường ghé nhất là quán kem Givral ở góc đường Tự Do và Lê Lợi. Chúng tôi được chọn món kem hay bánh ngọt mình thích, dù đó là phần mình ăn không hết. Mẹ tôi tiếc của, bảo lựa món nào hai đứa cùng ăn chung được. Thế là anh em cãi nhau loạn xạ. Bố tôi chắc lưỡi “ Kệ ! Cứ để tụi nó lựa riêng đi” Mẹ tôi thở dài nhưng khỏi nói cũng biết là anh em tôi sướng đến phát rồ. Chủ nhật mà ! Nhiều khi chúng tôi còn được bố cho mấy đồng các để bỏ vào cái máy trong tiệm cho nó phát ra nhạc nữa. Ăn chán, các cụ dẫn chúng tôi qua công viên bên kia đường chơi , nơi có tượng một người lính mặt mũi đen sì, đầu đội nón sắt, tay cầm súng, dáng như đang tiến công. Hồi đó tôi sợ bức tượng này vì gương mặt rần rỉ của người lính và vì nó to quá khổ so với đứa bé năm sáu tuổi như tôi. Bức tượng làm tôi nghĩ đến ông khổng lồ chuyên đi bắt con nít về ăn thịt trong truyện Cậu Bé Tí Hon.

Có khi chúng tôi được đi xem phim chưởng hay phim trẻ con nữa. Đến giờ tóc đã đổi màu, tôi vẫn còn nhớ cảnh Bạch Tuyết nằm chết trong hòm kính trong suốt rắc đầy hoa, xung quanh là Bảy chú lùn khóc tỉ tê hay chiếc áo đầm rực rỡ màu vàng Mặt Trời, lấp lánh màu trắng Mặt Trăng và lung linh màu xanh Biển của Công Chúa Da Lừa... Tôi mơ được gặp các diễn viên đó ngoài đời và mơ mình sẽ có những bộ váy đất tiền ấy. Tối nằm ôm gối, tôi còn ước được nắm tay các chàng Hoàng Tử khôi ngô tuấn tú trong phim, rồi nhắm tít mắt lại cười rúc rích.

Saigon khi ấy, trước khi vào phim chính, người ta hay chiếu phim thời sự. Vài lần tôi nhìn thấy Bố mình trên màn ảnh trong khúc phim này. Số là ông được lãnh Giải Nhất Văn Học Nghệ thuật Toàn quốc của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nên người ta làm phóng sự. Tôi nhớ Bố tôi mặc complet đen, tóc bôi keo bóng loáng, chải ngược ra sau khoe vàng trán rộng, mắt kiếng gọng sáng, lên bắt tay Tổng Thống. Mấy anh em lao xao “ Bố kia ! Bố kia !” cốt để khoe với người chung quanh nhưng rạp đã tắt đèn, chả ai thèm quay nhìn lũ con nít.

#### 2.

##### Tác phẩm ông đoạt giải

"Áo Mơ Phai", miêu tả chi tiết về quang cảnh Hà Nội. Chi tiết đến từng góc phố, từng con đường, từng mùi hương...

Hà Nội qua ngòi bút của ông đẹp như tranh thế mà Cộng Sản lại BỎ TỪ ông vì tác phẩm này. Giải thưởng từ tay Tổng thống có nghĩa là bỏ tôi nợ máu với Việt cộng nhiều hơn ai hết thầy.

Lẽ ra họ nên cảm ơn bố tôi  
-đã viết về cái đẹp ở Hà Nội, trong cả một cuốn sách, hàng trăm trang giấy  
-mà ngay chính họ đã từng ở đến bao nhiêu đời vẫn không ra được cuốn nào.  
-Họ gọi ông là nhà văn phản động.  
-Họ thù hẳn ông chưa đủ, họ thù luôn cả con cái ông.

Bà hiệu trưởng trường tôi, Hồ Thị Bảnh, đôi mắt trợn lộ nhiều tròng trắng, môi đen xỉ và làn da tái tái, làm tôi, dù bé con, đã liên tưởng đến câu ngạn ngữ "Mắt trắng dã. Môi thâm sì. Da thiết bì."

Bà búi tóc củ tỏi, bọc trong miếng voan đen có kẹp tăm chặn sau gáy. Tạng bà thấp, chân vòng kiềng làm dáng đi có vẻ khập khiễng. Bà luôn mặc quần đen, loại vải khi đi đứng sẽ cọ vào nhau nghe sột soạt và mấy cái áo Bà Ba màu lạnh, có hai túi trước bụng. Giờ ra chơi hay trước giờ vào lớp, bà thường ngồi chồm hồm trước văn phòng, hai chân dạng rộng, một cánh tay thả lỏng trên một đầu gối, tay kia chống cằm, cùi chỏ đặt trên gối bên kia, lia mắt vào đám học trò. Trông bà ngồ ngộ so với các giáo viên khác vì họ luôn mặc đồ Tây, có cô giáo còn mặc áo dài đi dạy vào thứ hai đầu tuần, dù phải đạp xe hơn chục cây số.

Bà nói với học trò và phụ huynh trong trường rằng chị em tôi thuộc "Thành phần gia đình phản động, không nên quen biết." Bà còn cài cắm ăng ten trong lớp để rình mò tôi.

Thời đó, đầu năm, trường bán rẻ hay phát cho học trò loại tập vở đen sì. Tập năm trước còn mấy trang chưa viết, tôi xé ra, đóng lại thành cuốn tập mới. Nếu có một quyển tập trắng, tôi kẻ thêm hai ba dòng ngoài lề để viết cho đỡ hao giấy và thường dành nó cho môn học hay thầy cô nào mình thích nhất.

Khi biết bà Hồ Thị Bảnh dạy môn Chính Trị lớp mình, tôi nói bâng quơ với chúng bạn "Tui sẽ dùng cuốn tập đen nhất, xấu nhất để học môn bà." Vài ngày sau, trong giờ chào cờ, bà nói trước cả trường " Có em nói không thích học giờ chính trị của tôi, sẽ dùng cuốn tập xấu nhất để viết bài" Tôi run như cầy sấy. Lời bà nói làm tôi giống như kẻ phản động – dám ghét môn chính trị - Tôi sợ bị đuổi học, bạn bè sẽ nghĩ tôi hư đốn, học dở hay phá phách. Tôi sợ bị làm nhục trước cả trường. Cũng may thầy cô giáo bộ môn thường dành cho tôi một mối quan tâm đặc biệt, không rõ vì thấy tôi chăm chỉ hay vì tôi là con của một nhà văn- bị cho là phản động.

Tôi thích đi học và tôi cũng sợ đi học. Trẻ con nào có thể chống đỡ với những đòn thù như thế?

### 3.

#### Phản thưởng văn học

Ông có một tấm huy chương hình tròn, mạ vàng, ông để lẫn lóc trong học tủ bàn làm việc. Theo thời gian, lớp mạ vàng tróc hết chỉ còn lộ màu đồng đen xỉn. Có lần bố tôi cầm nó lên bảo “May mà nó bằng đồng nên còn. Nó bằng vàng thật thì mình đã ăn hết từ lâu.” Ý ông là đã bán nó đi kiếm tiền mua thức ăn vào cái thời gạo châu củi quế.

Một lần công an thành phố, quận, xã, đổ mấy xe hơi lính lác đến khám nhà. Chắc họ muốn tìm những bài hát do ông sáng tác để bỏ tù ông. Thời điểm ấy, bài “Nước mắt cho Sài Gòn” - Sài Gòn ơi ! Ta mất người như người đã mất tên...- đã được phổ biến trên đài VOA và BBC dưới tựa đề “Sài Gòn niềm nhớ không tên” - Bài hát được đưa ra nước ngoài, do một người quen biết, ông cụ tập cho hát và bảo anh nhớ nằm lòng vài ngày trước khi anh đi vượt biên. Lời ca, anh nhớ chữ được chữ mất. Nhạc, nhiều chỗ không đúng. Còn cái tựa, anh quên mất tiêu nên nó được biết đến với một cái tên khác. Mấy bài mới, ông viết ra giấy. Khi nào thuộc thì đốt đi. Không rõ lần đó họ có lục được bài nhạc nào của ông không nhưng họ có chở đi nhiều thùng sách vở, giấy tờ.

Vào thời điểm này, Hội Văn Bút Quốc Tế thỉnh thoảng có gửi mấy thùng thuốc tây cho nhà tôi và một số văn nghệ sĩ khác để cứu đói. Khi ra bưu điện lãnh hàng, mẹ tôi và các bác thường chào hỏi nhau.

Đã không còn đường sống, có người cho mình cái ăn, Việt Cộng cũng không bằng lòng. Họ lùng sục xem bố tôi làm gì? Quen biết ai? Mấy tấm hình khách khứa đến chơi nhà bị họ lấy hết. Họ bôi móc từng cuốn sách, từng khe giường. Học tủ riêng của tôi để mấy cuốn nhật ký, viết lằng nhằng tình cảm thuở mới lớn mà tôi rất sợ người nhà đọc được, họ cũng chọc mắt vào, trước mặt tôi. Tôi vừa xấu hổ vừa tức giận khi cái góc riêng tư nhất của mình bị xâm phạm, vừa hãi hùng nhìn cảnh nhà “Ào ào như sôi”. Họ lấy mất tấm huy chương của ông trong lần khám nhà đó. Cụ tôi vốn đã gầy còm, nhìn ông lọt thỏm trong đám công an, an ninh với súng ống, biên bản, tra khảo mà thương.

Chúng không bắt ông nhưng các bác nhà văn bạn ông bị bắt rất nhiều trong cái ngày định mệnh ấy. Người lạ tránh xa gia đình tôi vì sợ liên lụy. Người quen truyền tai nhau, rằng bố tôi bắt tay với Việt cộng nên tránh được họa ở tù.

Hôm sau và nhiều hôm sau nữa, cả nhà căng mắt chờ một cuộc càn quét kế tiếp. Một tiếng xe chạy từ xa cũng làm mọi người nghe ngóng xem nó có đỗ xích trước nhà mình không. Những tiếng nói lao xao của người qua đường cũng làm mình sợ đứng tim. Trời về đêm càng căng thẳng hơn khi nghe tiếng chó sủa. Gia đình sống trong tâm trạng sớm muộn gì họ cũng đến lần nữa.

### 4.

## **Bố mẹ tôi định cư ở Mỹ**

Một chàng Việt kiều trẻ về nước, ra Bắc chơi, vô chợ lạc xoong mua đồ cổ. Anh nhìn thấy một mảnh đồng tròn có khắc chữ “ Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu - VNCH” .Tò mò giờ lên xem, anh đọc được hàng chữ “ Giải Nhất Văn Học Nghệ thuật– Ông Nguyễn Đình Toàn” Thế là anh mua về chơi rồi post lên mạng hình ảnh món đồ cùng câu chuyện vì sao anh có nó trong tay.

Trời xui đất khiến thế nào, Bố tôi đọc được mấy dòng chữ ấy. Ông tự giới thiệu và xin được chuộc lại tấm huy chương. Anh đến nhà, trò chuyện rồi gửi tặng lại ông cụ món đồ anh vớ được trong mớ lạc xoong rồi nói: ” Coi như cháu trao giải thưởng cho bác lần thứ hai.”

Ly kỳ! Một vật đã mất đi cả hai ba chục năm, lưu lạc từ trong Nam ra ngoài Bắc, vượt trùng dương đến tận Hợp chủng quốc Hoa kỳ để rơi trở lại chính tay chủ nhân của nó. “Cửa Caesar , trả lại cho Caesar.”

Buồn, vì họ đã đối xử với một nhà văn và tác phẩm của ông như đồng ve chai dếp mủ.

Khi đã lớn và đi làm, tôi gặp lại bà hiệu trưởng thù hằn tôi năm xưa ngoài chợ. Vẫn “ Mắt trắng dã. Môi thâm sì. Da thiết bì.” với búi tóc củ tỏi có cài kẹp tăm sau gáy. Chẳng biết bà có thấy xấu hổ với tôi, đưa con nít bà rắp tâm hãm hại? Nó vẫn còn sống và sống rất đàng hoàng, sạch sẽ.

Các ông chủ và các đồng chí của bà sau này đã đến tận cái “Gia đình phản động” bà miệt thị khi xưa, không phải một lần mà là ba lần để xin ông cho in lại tác phẩm. Cả ba lần đều bị ông từ chối. Ông bảo “ Các anh bắt tôi còn được, hưởng hồ gì in sách của tôi, nhưng đã xin phép thì tôi không cho. Bằng không, ghi rõ ngoài đầu trang “Tác giả đã bị bỏ tù vì cuốn sách này.”

Lần mới nhất, năm 2016, người của nhà sách Phương Nam đến tư gia của ông bên Mỹ, lập lại lời yêu cầu. Ông bảo “ Nếu muốn, các anh phải công khai xin lỗi tôi ”. Ông chả lạ gì họ. Lúc cần thì năn nỉ ỉ ôi. Dăm ba bữa lại trở mặt cấm in hay lại thóa mạ ông. Họ nói tại ngày xưa, cấp dưới làm sai chứ họ không chủ trương như thế, sao ông cứ làm khó làm dễ họ. Ha ! Hóa ra bà Bảnh hiệu trưởng đã cố ý làm sai chủ trương của xếp bà.

Giả dụ như giờ đây, tôi thấy bà bị chiên trong chảo dầu sôi dưới bảy tầng Địa ngục tôi có thích không?

-Không, tôi thấy sợ.

Giả dụ như tôi thấy con cháu bà thất học, bưng rổ bánh mì đi rao bán ngoài đường như anh chị em tôi ngày xưa tôi có thỏa mãn không?

-Không, tôi thấy tội.

Chuyện người lớn sao bắt con nít gánh chịu ?

Vả lại, “Lấy oán báo oán....” để làm gì ?

Hiện, tôi đi dạy Việt ngữ thiện nguyện đã hơn chục năm. Con cái người miền Bắc hay người miền Nam đều được tôi quan tâm như nhau. “Trẻ em như búp trên cành”, chúng sợ từ con sâu cái kiến, nở nào để chúng hứng chịu mưa bão, như mình ngày xưa.

-Đất ngọt, cây sẽ sai hoa, trĩu quả.

-Đất chua, hoa chột, trái còi.

Nếu phải thù ghét Việt cộng, tôi nghĩ tôi có đủ tư cách để thù ghét họ hơn ai hết thầy

-nhưng tôi không chọn điều ấy.

Chuyện qua rồi. Thù hận chỉ làm chính mình nhớ lại và khổ sở, quằn quại.

-Khổ thế chưa đủ sao ?

-Quằn quại thế chưa đủ sao?

Phải sống đến nửa đời người, tôi mới biết cách giúp cho tâm mình thanh thản bằng việc

-bỏ qua

-quên đi

-và tiến về phía trước.

Cảm nhận đầy đủ và quý hóa những gì mình đang có trong tay, cho nó nhẹ nhàng và ít đau bệnh.

Thế thôi.

## Những buổi tối trong căn nhà nơi con hẻm Thành Thái Đình Quang Anh Thái

1.

Tháng 11 năm 2012

Mùa Thu Nam California không có lá vàng. Nói đúng hơn, không có những cánh rừng lá úa vàng như các tiểu bang miền đông bắc.

Riêng công viên Một Dặm Vương Mile Square Park tại Quận Cam, không khí chút se lạnh và lác đác chút lá đổi màu. Đạp xe lững thững lúc sáng sớm, hít thở không khí trong lành, vui cái vui với lá, với cỏ cây, với những chú sóc . . ., chợt bắt gặp nhà văn Doãn Quốc Sĩ.

Tác giả Dòng Sông Định Mệnh đứng cạnh hồ nước, phong thái vẫn như ngày nào, chậm rãi, từ tốn, và nhất là nụ cười bật lên nét vui chào hỏi người quen.

“Bác nhớ rừng Michigan quá cháu ơi!” Bác nói, mắt nhìn người con trai Doãn Quốc Hưng đứng cạnh và bảo, con hỏi anh Thái xem Cali có cảnh nào lá vàng không, đưa bố đi thăm Thu.

Gặp bác Sĩ, lại nhớ đến những ngày nơi căn nhà của bác ở đường Thành Thái – Quận 5 Sài Gòn, lúc hai bác cháu, người trước, kẻ sau, vừa thoát cảnh tù. Nhớ những bữa cơm chiều đạm bạc trên căn lầu nhà bác, kẻ sinh sau đẻ muộn này được học những kinh nghiệm quý giá của bác, của tác giả “Áo Mơ Phai” Nguyễn Đình Toàn, của tiếng hát đong hồn người Duy Trác, và của người viết nên tập thơ bất hủ “Tôi không còn cô độc” Thanh Tâm Tuyền.

Nhớ những người đến rồi ra đi vĩnh viễn, các huynh trưởng thanh niên Lê Đình Điều, Trần Đại Lộc, Ngô Mạnh Thu ...; những người còn ở lại, vẫn tiếp tục viết và vẫn vang vang hát như Trần Quang Lộc ...

Bác Doãn Quốc Sĩ gái vừa mất. Nhìn bác trai đơn độc một sáng mùa Thu, chợt nhớ vô cùng bác gái, nhớ câu võ về của bác năm nào dành cho đứa cháu mới ra khỏi tù chưa thoát khỏi những ám ảnh của một thời nghiệt ngã vừa qua.

## 2.

Ra khỏi nhà tù T30 Chí Hòa với lệnh tạm tha và mỗi ngày phải trình diện công an phường lúc 7 giờ tối, sau đó không được ra khỏi nhà cho tới 7 giờ sáng hôm sau, tôi như một con thú bị trúng thương, mỗi lần đi ra ngoài, nhìn trước nhìn sau, lo cho mình và ngại cho những người mình giao tiếp.

Một trưa ăn bữa cơm ở nhà anh Ngô Minh Thu, nhìn bày con 8 đứa của anh quây quần quanh mâm cơm đạm bạc, tôi cảm được cảnh nghèo túng của một huynh trưởng Du Ca suốt đời tận tụy dần thân và hết sức giữ gìn nhân sách trong sáng.

Câu chuyện nhắc tới những người vừa thoát khỏi cảnh tù đầy, anh Thu bảo, “anh Sĩ về rồi và nhà anh bây giờ là nơi gặp gỡ thường xuyên của những ‘người cũ’ nên chắc chắn không thoát khỏi sự dòm ngó của công an. Thái có đến thì giới hạn thời và phải cẩn thận”, anh Thu nhắc tôi.

## 3.

Bác Doãn Quốc Sĩ, một tên tuổi lẫy lừng từ thuở tôi chưa sinh ra đời. Thời còn là một đứa bé học trung học, tôi đã say mê “Khu Rừng Lau”, “Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến”, “Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều”, “Vào Thiên” ... của nhà giáo, nhà văn được ngợi ca là “người hiền” này.

Đọc tác phẩm của bác, mê văn bác từ nhỏ, nhưng tôi nghĩ sẽ không có vinh dự được hầu chuyện bác. Nhưng nhờ thuận duyên, tôi được huynh trưởng thanh niên Trần Đại Lộc đưa đến thăm bác.

Căn nhà của tác giả “Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến” nằm trong con hẻm ở đường Thánh Thái. Ấy là tên trước 1975, sau 75 “bên thắng cuộc” đổi thành An Dương Vương. Nhà anh Lộc băng qua đường là đến nhà bác.

Buổi đầu tiên được hầu chuyện bác, tôi cảm ngay được nhân cách hiền hòa, kín đáo của bác. Bác chừng mực nhưng không xa cách. Bác đôn hậu nhưng không vồn vã. Đúng cung cách “Quân Tử Chi Giao Đạm Nhược Thủy”, tình cảm thâm trầm, lắng đọng vào bên trong, không sôi nổi, bộc lộ ra ngoài.

Bác hầu như không nói về mình mà hỏi han người đối diện là chính: “cháu bị bắt năm nào, tại sao, cảnh tù chắc đói khổ lắm”...bác hỏi cứ y như thể bác không hề biết đời tù ra sao – dù bác đã trải nhiều năm (và nhiều lần) trong nhà tù cộng sản sau 1975.

## 4.

Quả như anh Ngô Mạnh Thu nói, căn nhà trong ngõ hẻm Thành Thái là nơi quy tụ toàn “người cũ”. Các văn nghệ sĩ như Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Duy Trác...; những người

từng giữ chức vụ trung cấp thời Việt Nam Cộng Hòa như Lê Đình Điều, Trần Đại Lộc, Nguyễn Phong Châu, Trương Minh Cường...

Và đông nhất là những người thuộc lớp con cháu của bác, đa số là bạn của các con bác. Nhóm trẻ này lập "Hội Ca Cầm" với con chim đầu là anh Trần Đại Lộc. Trước Tháng Tư 1975, "Anh Hai" Lộc từng là giáo sư dạy trung học, huynh trưởng phong trào hoạt động thanh niên và chức vụ cuối cùng là đại diện Dân Vận Chiêu Hồi của 16 tỉnh miền Tây. Anh bị tù "cải tạo" gần 3 năm, về, vẫn xem thường kẻ thù, anh hướng dẫn Hội Ca Cầm hát những bài "nhạc vàng" bị chế độ cấm đoán. Và anh theo lời chỉ dẫn của bác Sĩ, hướng dẫn cho đám trẻ về kiến thức của "những chân trời tự do" vì "các em vừa lớn thì đất nước rơi vào cảnh bị bưng bít tứ bề."

Có những buổi tối, Hội Ca Cầm xếp ghế "như rạp hát" ca hát, trò chuyện, thảo luận với nhau làm tôi "rét". Tôi không tin là đám công an phường không dòm ngó vào các buổi sinh hoạt này.

Có những buổi tối, bác Sĩ bảo tôi ngồi chung nghe chuyện của các bậc cha anh trong đó có anh Nguyễn Đình Toàn, anh Thanh Tâm Tuyên, anh Duy Trác. Biết phận mình là thế hệ con em, tôi chỉ lắng nghe để học hỏi. Nhưng bác Sĩ tế nhị lắm, bác tránh cho tôi bị lạc lõng nên khơi cho tôi nói về suy nghĩ của một người trẻ đối với những gì đang xảy ra trong xã hội. Bác đặc biệt chú ý việc tôi có dính "xa gần" tới vụ nổ Hồ Con Rùa năm 1976. Hồ Con Rùa là cách gọi dân dã, nằm gần trường Đại Học Luật ở Sài Gòn, còn tên chính là Đài Tưởng Niệm các binh sĩ đồng minh hy sinh trong công cuộc bảo vệ miền Nam.

Với các bạn văn nghệ kém bác ít tuổi, bác cũng chùng mực, diêm đạm khi thảo luận. Có lần tôi xin phép bác và các anh nêu câu hỏi: Việt Nam trải qua một cuộc chiến đẫm máu, tàn khốc với kết cuộc buồn đau như vậy, tại sao chưa có tác phẩm lớn ngang tầm với các nhà văn thế giới đoạt giải Nobel Văn Chương?

Lời góp ý của bác với các anh Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyên, Duy Trác là, có lẽ phải cần một thời gian để vết thương chiến tranh lành miệng, từ đó những người cầm bút mới lắng lòng nhìn lại tháng ngày qua để có các trước tác tầm cỡ quốc tế.

## 5.

Tháng Tư 1984, tôi đang đạp xe đạp ló ngó trên đường Trương Minh Giảng thì gặp chị Trần Thị Thức, chị Thức bảo, em trốn ngay đi, những người được thả về cùng đợt với em đã bị bắt lại từ đêm hôm qua.

Chị Thức là vợ của tù nhân lương tâm Đoàn Viết Hoạt. Hai anh chị đều học Mỹ về và dạy tại Đại Học Vạn Hạnh trước 75. Anh Hoạt bị giam cùng phòng 10 khu BC trại T30 Chí Hòa với tôi.

Nghe lời chị Thức, đêm đó tôi không về nhà, không trình diện công an phường và nhắn cậu em út rằng tôi trốn tại "chỗ này, chỗ này." Quả thật, sáng hôm sau, cậu em cho người nhắn, công an ập vào nhà lúc 3 giờ sáng.

Dĩ nhiên tôi thoát.

Trước tình cảnh đó, anh Trần Huy Phong, anh họ chị Thức và là giáo sư Phụ tá Trường Môn Vovinam bảo tôi, Thái phải đi, và nhắn anh Sỹ là anh để anh Sỹ đi không lấy tiền.

Tôi nhắn Doãn Quốc Thái, con trai trưởng của bác Sĩ, đưa bác đến "chỗ đó, chỗ đó" để tôi thưa chuyện với bác. Trong con hẻm ban ngày làm nơi họp chợ, "đi về ai nhận ra ai", tôi thưa với

bác về thiện ý của anh Phong. Bác từ tốn bảo, cháu cảm ơn anh Phong giúp bác, nhưng bác không đi, bác tin vào tương lai sáng sủa vì đã “xuất hiện đài phát thanh phục quốc của ông Hoàng Cơ Minh.” Bác còn bảo, chị Thanh con gái lớn của bác đang ở Úc và bảo lãnh cho bác nhưng bác nghĩ cục diện sẽ thay đổi nên không chắc bác sẽ đi.

Vài ngày sau, Thái nhắn tôi, bác muốn tôi đưa bác đi gặp anh Phong. Thế là tôi đưa bác cùng Doãn Quốc Thái đến căn nhà trên đường Trương Minh Giảng để gặp anh Phong và chị Thức. Bác tỏ lòng cảm ơn anh Phong, nhưng nói, anh thương thì cho cháu Thái đi. Anh Phong hết lời thuyết phục nhưng không lay chuyển được ý của bác. Cuối cùng, anh Phong bảo, anh đi thì bọn em không dám lấy tiền nhưng cháu Thái đi thì xin đóng cho một cây vàng để bọn em trang trải tiền bãi bến, xăng dầu.

\*\*\*

Con tàu số hiệu SS 1122 đi thoát mạng theo hai Thái.

Ngày cuối cùng đành đoạn phải dứt áo ra đi, tôi nhờ Thái nhắn với cô bạn đưa giùm mẹ tôi cho tôi gặp tại “chỗ đó, chỗ đó”. Cả đêm tôi không ngủ được, chỉ mong tới sáng được ôm mẹ lần chót vì lần đi này không biết có còn cơ hội gặp lại mẹ không?

Rạng sáng hôm sau, ngày 2 Tháng Năm 1984, tôi đang ngồi chờ ở điểm hẹn thì Thái hót ha hót hải xuất hiện, nói bố bị bắt đêm qua rồi. Tin dữ này làm tôi sợ, không dám đến điểm hẹn để gặp mẹ tôi.

Tôi qua Mỹ định cư được ba năm thì mẹ tôi mất. Lúc đó tôi từ Mỹ về Hongkong và làm việc thiện nguyện trong các trại tỵ nạn.

Nhớ mẹ, tôi cũng nhớ bác Sĩ gái. Bác hiền hậu y như bác trai. Tôi tin rằng, hai bác sinh ra để tìm đến nhau, tìm nét dịu dàng, đôn hậu của nhau. Bác gái biết chuyện tôi “vuột mắt một người” lúc tôi còn trong tù. Tôi còn nhớ, một buổi tối, lúc Hội Ca Cầm quay quần hát bên nhau, thấy tôi lặng lẽ, bác đến ngồi bên, nhỏ nhẹ nói, thôi cháu ạ, không thuận duyên, cháu đừng buồn nữa. Bác gái đã đến đúng lúc như một bà mẹ đến bao bọc một đứa con. Tôi đã phải quay đi tránh bác nhìn thấy nỗi thương cảm đang chực trào lên mắt.

\*

Các con bác Sĩ, chị Thanh bằng tuổi tôi, chị vượt biên và định cư bên Úc trước khi tôi ra tù nên tôi chưa được gặp; còn Khánh, Liên, Thái, Vinh, Hưng, Hiền, Hương, thân tình với tôi như anh em. Riêng với “Út Hương” có một kỷ niệm thật thú vị: Những ngày đến căn nhà ở con hẻm đường Thành Thái với tâm trạng thấp thỏm lúc ở lúc đi, Út Hương có dặn tôi, anh đi thoát ráng làm cách nào nhắn về cho cả nhà biết bằng câu thơ của Khê Kinh Kha mà nhạc sĩ Du Ca Nguyễn Hữu Nghĩa phổ thành nhạc “*Anh sẽ về dù đêm không cùng hay mất hết người thân yêu, cho em không còn, cho chim về xa, sẽ gắng quay về chết nơi ra đời*”.

Sau sáu tháng tạm dung trên đảo tỵ nạn Galang, chân ướt chân ráo tới Mỹ, một nhà báo ban Việt Ngữ Đài VOA biết tôi vừa thoát khỏi Việt Nam và tôi biết về chuyện bác Doãn Quốc Sĩ bị bắt nên tìm tôi phỏng vấn. Câu chót, nhà báo hỏi tôi có muốn nói gì thêm không, tôi xin được hát “*Anh sẽ về dù đêm không cùng hay mất hết người thân yêu, cho em không còn, cho chim về xa, sẽ gắng quay về chết nơi ra đời*”.

Năm 1995, bác Sĩ và bác gái sang Mỹ định cư do Doãn Quốc Thái bảo lãnh năm 1995. Mười một năm sau, 2006, cả nhà mới sang sau. Gặp “Út Hương”, cô em có chiếc răng khểnh nói, ở nhà lên nghe VOA, biết anh hát nhắn về, cả nhà vui lắm.

\*

Tác giả “Chiếc Chiếu Hoa Cọp Điều” vừa được đồng môn sư phạm, bạn hữu trong giới cầm bút và học trò mừng sinh nhật 100 tuổi. Nhìn bác mặc chiếc áo the thâm, đầu đội khăn đóng, cặp mắt tỏa nét thật hiền, ngồi thẳng lưng ngay ngắn, tôi trộm nghĩ:  
Đúng là bác Doãn Quốc Sỹ

Đình Quang Anh Thái, Cali 6 Tháng Giêng 2023